



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRƯỜNG TRUNG CẤP BÙN MA THUẬT

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
TRƯỜNG TRUNG CẤP BÙN MA THUẬT
NĂM 2025

Đắk Lắk, tháng 06 năm 2025

MỤC LỤC

CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	3
PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	4
1. Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp	4
2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của cơ sở giáo dục nghề nghiệp	5
2.1. Tóm tắt các giai đoạn phát triển:	5
2.2. Các thành tích nổi bật:	5
3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục nghề nghiệp	7
3.1. Sơ đồ tổ chức:.....	7
3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của nhà trường:	7
3.3. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường (tính đến 30/06/2025):.....	7
3.4. Đội ngũ giáo viên cơ hữu:	8
4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp	8
4.1. Các nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh của trường theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đã được cấp:.....	9
4.2. Các loại hình đào tạo của nhà trường.....	10
4.3. Số lượng học sinh, học viên	10
5. Cơ sở vật chất, tài chính.....	10
PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ KIỂM ĐỊNH CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP.....	14
1. Đặt vấn đề	14
2. Tổng quan chung	14
2.1. Căn cứ tự đánh giá	14
2.2. Mục đích tự đánh giá.....	14
2.3. Yêu cầu tự đánh giá.....	14
2.4. Phương pháp tự đánh giá	14
2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá.....	15
3. Tự đánh giá.....	15
3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá.....	15
3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn.....	22
3.2.1. Tiêu chí 1: Sứ mạng, mục tiêu, tổ chức và quản lý.....	22
3.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo.....	32
3.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động.....	45
3.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình đào tạo, giáo trình.....	56
3.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo	66
3.2.6. Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.....	78
3.2.7. Tiêu chí 7: Người học và hoạt động hỗ trợ người học.....	84
3.2.8. Tiêu chí 8: Giám sát, đánh giá chất lượng.....	90
PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	99
PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.....	101

CÁC TỪ VIẾT TẮT

TỪ VIẾT TẮT	KÝ HIỆU VIẾT TẮT
Giáo dục nghề nghiệp	GDNN
Quản lý đào tạo	QLĐT
Khảo thí và đảm bảo chất lượng	KT&ĐBCL
Y học cổ truyền	YHCT
Thương mại điện tử	TMĐT
Hướng dẫn du lịch	HDDL
Tin học ứng dụng	THUD
Công nghệ kỹ thuật ô tô	CNOT
Kỹ thuật chế biến món ăn	KTCBMA

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1.1. Tên trường:

Tiếng Việt: Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột

Tiếng Anh: Buon Ma Thuot College

1.2. Tên trước đây: Trường Trung cấp Nghề Tây Nguyên

1.3. Cơ quan chủ quản của Trường : Sở Giáo Dục và Đào tạo Đắk Lắk

1.4. Địa chỉ trường:

- Trụ sở chính: 131 Phan Huy Chú, P. Khánh Xuân, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Các cơ sở đào tạo:

+ Cơ sở 1: 01A Lê Hồng Phong, Phường Tân Tiến, TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk.

+ Cơ sở 2: 298 Hà Huy Tập, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk.

- Các địa điểm đào tạo

+ Địa điểm đào tạo 1: Trung tâm GDNN – GDTX huyện Krông Pắc. Địa chỉ: 01 Lê Hồng Phong, Thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, Đắk Lắk

+ Địa điểm đào tạo 2: Trung tâm GDNN – GDTX huyện Ea H'leo. Địa chỉ: TT. EaDrăng, Ea H'Leo, Đắk Lắk.

+ Địa điểm đào tạo 3: Trung tâm GDNN – GDTX huyện Cư Kuin. Địa chỉ: Khu trung tâm hành chính huyện Cư Kuin, Xã Dray Băng, Huyện Cư Kuin, Đắk Lắk.

1.5. Thông tin liên hệ: ĐT: 0262 368 5566

E-mail: trungcapbuonmathuot@gmail.com Website: www.bmtc.edu.vn

1.6. Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập): 2007.

1.7. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: năm học 2007 – 2008.

1.8. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 2009.

1.9. Loại hình trường đào tạo:

☐

Công lập

☐

Bán công

☐

Dân lập

☒

Tư thực

2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

2.1. Tóm tắt các giai đoạn phát triển:

Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột được thành lập theo quyết định số 2482/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk với tên Trường trung cấp tư thực Kinh tế - Công nghệ Tây Nguyên; Ngày 12 tháng 11 năm 2008 đổi tên Trường trung cấp tư thực Kinh tế - Công nghệ Tây Nguyên thành Trường trung cấp Kinh tế - Công nghệ Tây Nguyên. Ngày 07 tháng 02 năm 2013 đổi tên trường Trung cấp Kinh tế - Công nghệ Tây Nguyên thành Trường Trung cấp Tây Nguyên. Từ năm 2007 đến tháng 07/2017 trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk, từ tháng 8/2017 đến tháng 4/2025 trực thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 06/GCNĐKHĐ-SLĐTBXH ngày 28 tháng 8 năm 2017, từ tháng 5/2025 đến nay trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo theo Quyết định số 1030/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc giao Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý các Trường Trung cấp, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực trên đại bàn tỉnh. Ngày 30 tháng 06 năm 2025 Trường Trung cấp Tây Nguyên sáp nhập với Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột lấy tên là Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột theo Quyết định số 1619/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2.2. Các thành tích nổi bật

Qua 18 năm xây dựng và phát triển, Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột đã đào tạo hơn 3749 người học ở tất cả các ngành Y tế, Kinh tế, Kỹ thuật, Sư phạm Mầm non trình độ Trung cấp, hơn 13.000 học viên trình độ sơ cấp các nghề đào tạo lái xe ô tô, may dân dụng, tin học, xây dựng, nề hoàn thiện, kỹ thuật nấu ăn, chăm sóc người cao tuổi, xoa bóp bấm huyệt góp phần cung cấp nguồn nhân lực lao động với chất lượng tốt cho tỉnh Đắk Lắk và các địa phương khác. Nhận rõ được nhu cầu lao động có trình độ tương xứng, Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột đã xác định: "Phải mở rộng các loại hình và quy mô đào tạo của Trường; chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên để đạt chuẩn". Được sự quan tâm và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân (UBND) Tỉnh, các ngành Y tế, giáo dục và đào tạo với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ, giáo viên nhà trường, cơ sở vật chất phục vụ dạy học từng bước được nâng cấp và tăng cường. Đội ngũ giáo viên được cử đi học tập, đào tạo và tiếp nhận bổ sung.

Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột đã và đang phát huy truyền thống của mình, nắm bắt thời cơ, khắc phục những yếu kém, đẩy mạnh sự nghiệp đào tạo khối ngành sức khỏe với người cán bộ y tế vừa hồng vừa chuyên, khối ngành sư phạm mầm non với đội ngũ giáo viên yêu nghề mến trẻ; là mục tiêu và là động lực thúc đẩy nhà trường vững bước đi lên. Thực hiện đào tạo theo nhu cầu của xã hội, của địa phương về ngành, nghề, số lượng đào tạo, coi trọng giáo dục nhân cách, rèn luyện ý đức theo tiêu chuẩn của người cán bộ y tế và lời dạy của Bác Hồ "Lương y như từ mẫu". Trường thực hiện đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp và phương thức đào tạo theo hướng hiện đại hóa, đa dạng hóa loại hình đào tạo. Trường cũng thực hiện nghiêm túc các quy chế đào tạo, tuyển sinh. Trường thường xuyên có kế hoạch chăm lo bồi dưỡng giảng viên và cán bộ quản lý đảm bảo cả cho trước mắt và lâu dài. Quy mô của trường ngày càng ổn định và phát triển; Trường đã chủ động liên kết với các trường bạn để đào tạo các ngành, nghề địa phương có nhu cầu mà nhà trường chưa đủ điều kiện mở mã ngành đào tạo. Trong những năm qua nhà trường được đánh giá là đơn vị đào tạo có nề nếp và chất lượng tốt. Dưới đây là các hoạt động quan trọng của Trường:

Tháng 10 năm 2021 nhà trường mở Phòng khám y học cổ truyền Tây Nguyên.

Năm 2022 nhà trường mở 4 ngành Trung cấp: Y học cổ truyền, Thương mại điện tử, Tin học ứng dụng, Hướng dẫn du lịch nhằm cung cấp nguồn lao động có tay nghề cao cho địa phương.

Năm 2023 nhà trường mở ngành Tiếng Anh trình độ Trung cấp.

Năm 2024 nhà trường mở ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô, Tiếng Trung, Tiếng Nhật và Kỹ thuật chế biến món ăn trình độ Trung cấp.

Hiện nay nhà trường có 108 giáo viên cơ hữu. Nguồn lực cán bộ, giáo viên của trường có trình độ chuyên môn giỏi, đạo đức nghề nghiệp tốt, đó là yếu tố tiên quyết cho sự phát triển giáo dục và đào tạo của nhà trường.

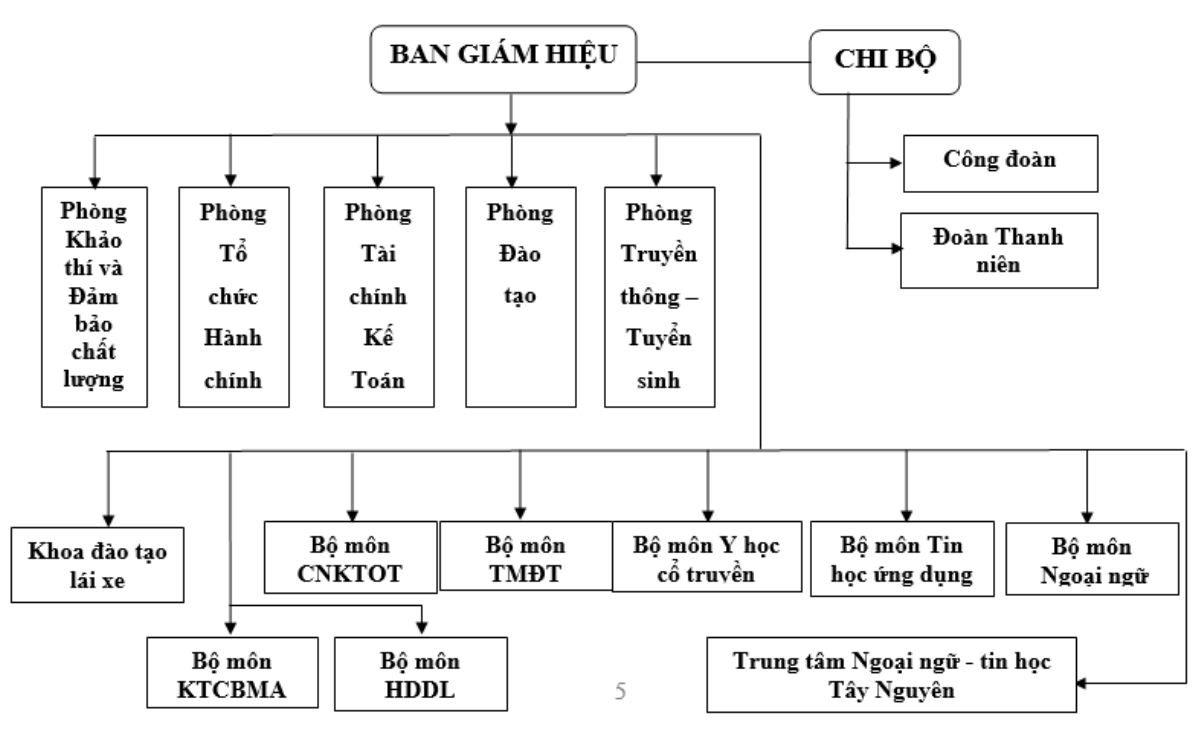
Về cơ sở vật chất, nhà trường đã đầu tư, mua sắm trang thiết bị, mô hình và phương tiện dạy học đáp ứng cơ bản nhu cầu giảng dạy lý thuyết, thực hành, thực tập các ngành nghề Dược sĩ, Đào tạo lái xe ô tô, Chăm sóc người cao tuổi, Xoa bóp bấm huyệt, Y học cổ truyền, Thương mại điện tử, Tin học ứng dụng, Hướng dẫn du lịch, Tiếng Anh.

Trường đã xây dựng chiến lược phát triển lâu dài cũng như những bước đi cụ thể để đảm bảo Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột sẽ là địa chỉ tin cậy trong đào tạo nhân lực có chất lượng cho địa phương và của khu vực đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhà tuyển

dụng sử dụng lao động trong lĩnh vực chăm sóc bảo vệ sức khỏe, tin học, du lịch, đào tạo lái xe ô tô.

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

3.1. Sơ đồ tổ chức



3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của nhà trường

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ
1. Hiệu trưởng	Trần Thị Thiết	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
2. Phó hiệu trưởng	Nguyễn Huy Tuấn	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
3. Phó hiệu trưởng	Trần Quốc Cường	Thạc sĩ Quản lý giáo dục
4. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn:		
- Chi bộ	Trần Văn Định	Bí thư
- Công đoàn cơ sở trường	Cao Thị Giang	Chủ tịch
- Đoàn Thanh niên CS HCM	Nguyễn Xuân Toàn	Bí thư

5. Các phòng, ban chức năng:		
Phòng Tổ chức hành chính	Mai Thị Bích Ngọc	Cử nhân Tài chính Ngân hàng - Trưởng phòng
Phòng Tài chính Kế toán	Bùi Thị Ngọc Hân	Cử nhân Kế toán Kế toán
Phòng Quản lý Đào tạo	Cao Thị Giang	Cử nhân Kế toán Trưởng phòng
Phòng Truyền thông và Tuyển sinh	Đào Thị Xuân	Cử nhân Văn học Trưởng phòng
Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Nguyễn Xuân Toàn	Cử nhân Sư phạm Vật lý Trưởng phòng
6. Các Khoa, ngành		
Bộ môn Y học cổ truyền	Vũ Mạnh Thắng	Thạc sĩ Trưởng bộ môn
Bộ môn Tiếng Anh	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Thạc sĩ Trưởng bộ môn
Bộ môn Tin học ứng dụng	Phan Thanh Hiền	Thạc sĩ CNTT Trưởng bộ môn
Bộ môn Thương mại điện tử	Nguyễn Hoàng Mỹ Trinh	Cử nhân Kinh tế Trưởng bộ môn
Bộ môn Hướng dẫn Du lịch	Dương Thị Kỳ Duyên	Cử nhân Việt Nam học Phụ trách bộ môn
Bộ môn Công nghệ kỹ thuật ô tô	Nguyễn Công Bình	Thạc sĩ Trưởng bộ môn
Bộ môn Kỹ thuật chế biến món ăn	Quách Anh Dũng	Thạc sĩ Phó bộ môn
Khoa Đào tạo lái xe	Nguyễn Văn Hải	Trung cấp Trưởng Khoa
7. Trung tâm		
Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Thạc sĩ Giám đốc

3.3. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường (tính đến 31/05/2025): 95 người

Trong đó: Nam: 57 người

Nữ: 38 Người

3.4. Đội ngũ giáo viên cơ hữu:

+ Số lượng: 55 người

Nam: 35

Nữ: 20

+ Trình độ:

Giáo viên cơ hữu			
Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Tiến sĩ			
Thạc sĩ	5	1	6
Đại học	13	17	30
Cao đẳng	7	2	9
Trung cấp	10	0	10

4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

4.1. Các ngành nghề đào tạo của trường theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đã được cấp:

1. Trung cấp Dược (văn bằng 2)
2. Trung cấp Kỹ thuật xây dựng
3. Sơ cấp Kỹ thuật Nấu ăn
4. Sơ cấp Đào tạo lái xe
5. Sơ cấp Chăm sóc người cao tuổi
6. Sơ cấp Xoa bóp bấm huyệt
7. Y học cổ truyền
8. Thương mại điện tử
9. Tin học ứng dụng
10. Hướng dẫn du lịch
11. Tiếng Anh
12. Tiếng Trung Quốc
13. Tiếng Nhật
14. Công nghệ kỹ thuật ô tô
15. Kỹ thuật chế biến món ăn

4.2. Các loại hình đào tạo của nhà trường

- a) Sơ cấp nghề
- b) Trung cấp chính quy
- c) Liên kết đào tạo trong nước

4.3. Số lượng học sinh, học viên

Hệ Trung cấp

<i>Ngành nghề đào tạo</i>	<i>Năm học</i>		
	<i>2022 - 2023</i>	<i>2023 - 2024</i>	<i>2024 - 2025</i>
<i>Y học cổ truyền</i>	69	74	72
<i>Tin học ứng dụng</i>	98	250	281
<i>Thương mại điện tử</i>	0	51	50
<i>Hướng dẫn du lịch</i>	0	215	206
<i>Tiếng Anh</i>	0	234	233

Hệ Sơ cấp

<i>Nghề</i>	<i>Năm học</i>		
	<i>2022 - 2023</i>	<i>2023 - 2024</i>	<i>2024 - 2025</i>
<i>Đào tạo lái xe</i>	854	503	503
<i>Chăm sóc người cao tuổi</i>	0	0	0
<i>Xoa bóp bấm huyệt</i>	42	96	96

5. Cơ sở vật chất, tài chính

5.1. Tổng diện tích đất sử dụng của trường (m^2): 29.004 m^2 .

5.2. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (m^2): Tổng diện tích: 29.004 m^2 .

- Trụ sở chính: Số 131 Phan Huy Chú, Phường Khánh Xuân, TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk

Tổng diện tích đất: 14.204 m^2 .

TT	Nội dung	ĐVT (m^2)	Số lượng	Tổng diện tích (m^2)	Ghi chú
Tầng 1					
1	Văn phòng tuyển sinh	24	1	24	

2	Phòng học Ca bin + Kỹ thuật lái xe (1)	150	1	150	
3	Phòng họp	40	1	40	
4	Khoa Đào tạo lái xe	40	1	40	
5	Phòng Tài chính - Kế toán - Hành chính	40	1	40	
6	Phòng Văn thư	40	1	40	
7	Phòng học Pháp luật GTĐB	180	1	180	
8	Phòng học Cấu tạo & sửa chữa thông thường	60	1	60	
9	Phòng học Thực tập bảo dưỡng sửa chữa	150	1	150	
10	Phòng học Kỹ thuật lái xe (2)	60	1	60	
Tầng 2					
1	Phòng Y tế	34	1	34	
2	Phòng học môn Pháp luật GTĐB (2)	180	1	180	
3	Phòng máy tính	60	02	120	
4	Phòng Ban giám hiệu	40	1	40	
5	Phòng học Nghiệp vụ vận tải	70	1	70	
	TỔNG CỘNG	1208	17	1208	

- Các cơ sở đào tạo

+ Cơ sở 1: 01A, Lê Hồng Phong, Phường Tân Tiến, TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk.

Tổng diện tích đất: 800 m².

STT	Phòng		Số lượng (phòng)	Tổng DT (m2)
01	Nhà giảng đường, 08 phòng học (Dãy nhà B)	- Tầng trệt: Phòng 101, 102	02	479,46
		- Tầng 2: Phòng 201, 202	02	
		- Tầng 3: Phòng 301, 302	02	

		- Tầng 4: Phòng 401, 402	02	
02	Nhà ở cho khách là giảng viên các đơn vị liên kết	- Tầng trệt: 07 phòng	07	357
		- Tầng 02: 07 phòng	07	
03	Nhà ăn cho sinh viên và khách là giảng viên các đơn vị liên kết	- Tầng trệt: 02 phòng	02	462
		- Tầng 02: 05 phòng (phòng nhỏ)	05	
04	Dãy nhà thư viện, thực hành, thí nghiệm	- Tầng trệt: Phòng làm việc số 5	01	55,4
Tổng			30	1353,86

+ Cơ sở 2: 298 Hà Huy Tập, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk.

Đất thuê tại Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột: 14.000m² (địa chỉ 298 Hà Huy Tập, Phường Tân An, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk).

TT	Phòng	Số lượng (phòng)	DT phòng (m2)	Tổng DT (m2)
1	Phòng Hiệu bộ, văn thư, phòng tổ chức-Hành chính, Tuyển sinh	03	30	90
2	Phòng lý thuyết	02	50	100
		03	90	270
		01	50	50
		01	100	100
		01	70	70
3	Phòng học thực hành dược	02	84	168
		03	84	252
		02	110	220
4	Phòng thực hành điều dưỡng	01	90	90
5	Phòng học thực hành Vật lý trị liệu phục hồi chức năng	01	90	90
6	Phòng học thực hành Tin học	01	150	150
7	Xưởng thực hành và bảo dưỡng sửa chữa	01	120	120
8	Sân tập lái chính	01	10.000	10000
9	Sân tập lái phụ	01	4000	4000
Tổng		20	15770	

- Địa điểm đào tạo 1: Trung tâm GDNN – GDTX huyện Krông Pắc. Địa chỉ: 01 Lê Hồng Phong, Thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, Đắk Lắk.
 - + Số phòng lý thuyết: 04 phòng, với tổng diện tích: 240 m².
 - + Phòng máy tính: 02 phòng, với diện tích 120 m².
 - + Phòng thực hành: 01 phòng, với diện tích 60 m².
 - + Sân trường: Sử dụng chung sân trường của Trung tâm GDNN – GDTX huyện Krông Pắc.
- Địa điểm đào tạo 2: Trung tâm GDNN – GDTX huyện Ea H'leo. Địa chỉ: TT. Ea Drăng, Ea H'Leo, Đắk Lắk.
 - + Số phòng lý thuyết: 05 phòng, với tổng diện tích: 300 m².
 - + Phòng máy tính: 02 phòng, với diện tích 120 m².
 - + Phòng thực hành: 01 phòng, với diện tích 60 m².
 - + Sân trường: Sử dụng chung sân trường của Trung tâm GDNN – GDTX huyện Ea H'leo.
- Địa điểm đào tạo 3: Trung tâm GDNN – GDTX huyện Cư Kuin. Địa chỉ: Khu trung tâm hành chính huyện Cư Kuin, Xã Dray Băng, Huyện Cư Kuin, Đắk Lắk.
 - + Số phòng lý thuyết: 06 phòng, với tổng diện tích: 330 m².
 - + Phòng máy tính: 03 phòng, với diện tích 140 m².
 - + Sân trường: Sử dụng chung sân trường của Trung tâm GDNN – GDTX huyện Cư Kuin.

5.3. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường: 750 cuốn

Tổng số đầu sách gắn với các ngành đào tạo có cấp bằng của nhà trường: 312 cuốn

5.4. Tổng số máy tính của Trường

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 40
- Dùng cho học sinh học tập: 270

5.5. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường trong 3 năm gần đây

- Năm 2022: 12.141.095.110 đồng;
- Năm 2023: 13.605.001.763 đồng;
- Năm 2024: 23.328.342.600 đồng.

5.6. Tổng thu học phí trong 3 năm gần đây

- Năm 2022: 12.136.412.905 đồng;

- Năm 2023: 13.335.358.810 đồng;

- Năm 2024: 21.006.851.300 đồng.

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ KIỂM ĐỊNH CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Đặt vấn đề

Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột luôn lấy khách hàng (người học, phụ huynh và người sử dụng lao động) làm trung tâm trong mọi hoạt động. Nhà trường chủ động lắng nghe ý kiến của các bên liên quan nhằm kịp thời nắm bắt cơ hội cải tiến, không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo. Vì vậy, chất lượng đào tạo được xác định là mục tiêu ưu tiên hàng đầu của tất cả các đơn vị trong toàn trường. Việc tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo bộ tiêu chí/tiêu chuẩn do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành cũng hoàn toàn phù hợp với chính sách chất lượng của nhà trường. Do đó, từ các năm 2020 đến nay, hoạt động tự kiểm định đã trở thành nhiệm vụ trọng tâm của từng đơn vị trực thuộc.

2. Tổng quan chung

2.1. Căn cứ tự đánh giá

Về tiêu chí, tiêu chuẩn: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Về quy trình tự kiểm định và mẫu báo cáo: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2.2. Mục đích tự đánh giá

Tự kiểm định là nhằm duy trì việc rà soát thường xuyên toàn bộ hoạt động của trường so với bộ tiêu chí để kịp thời có những giải pháp cải tiến và nâng cao chất lượng dạy nghề tại các đơn vị.

2.3. Yêu cầu tự đánh giá

Thực hiện đúng kế hoạch tự kiểm định của trường, các minh chứng và thông tin trong quá trình tự kiểm định là khách quan, chính xác, trung thực.

2.4. Phương pháp tự đánh giá

Thu thập tài liệu, thông tin, rà soát các hoạt động của từng đơn vị, đối chiếu các kết quả đạt được với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định.

Xác định mức độ đạt được theo cấp độ tương ứng, lập kế hoạch cải thiện các tồn tại để nâng cao chất lượng của Trường

2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

- Xác định mục đích và phạm vi tự kiểm định.
- Thành lập Hội đồng tự đánh giá và các nhóm chuyên trách
- Xây dựng kế hoạch tự kiểm định.
- Thu thập thông tin để làm minh chứng.
- Phân tích và mã hóa minh chứng.
- Đánh giá mức độ đạt được.
- Viết báo cáo tự kiểm định.
- Công bố kết quả tự kiểm định trên mạng nội bộ Trường.
- Nộp báo cáo tự kiểm định về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và Trung tâm kiểm định chất lượng.

3. Tự đánh giá

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		<i>Đạt tiêu chuẩn kiểm định</i>
	Tổng điểm	100	98
1	Tiêu chí 1- Sứ mạng, mục tiêu, tổ chức và quản lý	10	10
1.1	Tiêu chuẩn 1.1: Sứ mạng, mục tiêu của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, định hướng phát triển của trường, phù hợp với yêu cầu nhân lực trong các chiến lược phát triển ngành/chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương và được công bố công khai.	02	02
1.2	Tiêu chuẩn 1.2: Trường có quy chế về tổ chức và hoạt động, trong đó có phân công rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc	02	02

	trường, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu, cơ cấu ngành, nghề, quy mô đào tạo của trường.		
1.3	Tiêu chuẩn 1.3: Trường đã xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng.	02	02
1.4	Tiêu chuẩn 1.4: Hằng năm, hệ thống bảo đảm chất lượng của trường được đánh giá và có biện pháp cải tiến nhằm tăng hiệu lực, hiệu quả quản lý.	02	02
1.5	Tiêu chuẩn 1.5: Hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường (đảng ủy, ban giám hiệu đối với các trường thuộc lực lượng vũ trang), tổ chức đảng, đoàn thể và các hội đồng tư vấn khác được thành lập theo quy định; thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với sứ mạng, mục tiêu của trường.	02	02
2	Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo	16	16
2.1	Tiêu chuẩn 2.1: Quy chế tuyển sinh và các kế hoạch, chính sách tuyển sinh được xây dựng, triển khai phù hợp chương trình đào tạo các ngành, nghề đào tạo của trường.	02	02
2.2	Tiêu chuẩn 2.2: Trường tuyển sinh theo kế hoạch bảo đảm công bằng, khách quan và theo hướng nâng cao chất lượng đầu vào. Công tác tuyển sinh được kiểm tra, giám sát và cải tiến, bảo đảm tính phù hợp, hiệu quả.	02	02
2.3	Tiêu chuẩn 2.3: Trường xây dựng, ban hành quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp. Hình thức, phương thức, phương pháp đào tạo đa dạng, phù hợp với mục tiêu, nội dung của từng chương trình đào tạo.	02	02
2.4	Tiêu chuẩn 2.4: Trường xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo cho từng lớp, khóa học, học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến mô-đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với hình thức đào tạo để người học đáp ứng chuẩn đầu ra.	02	02
2.5	Tiêu chuẩn 2.5: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động hoặc các tổ chức, cá nhân trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập.	02	02

2.6	Tiêu chuẩn 2.6: Trường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo, bao gồm cả hình thức đào tạo từ xa (nếu có).	02	02
2.7	Tiêu chuẩn 2.7: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động dạy, học theo đúng kế hoạch. Thực hiện biện pháp điều chỉnh kịp thời các hoạt động dạy và học theo đề xuất của báo cáo kiểm tra, giám sát để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.	02	02
2.8	Tiêu chuẩn 2.8: Các hình thức, phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của người học được thiết kế phù hợp; được rà soát, đánh giá, cải tiến để bảo đảm độ chính xác, công bằng, khách quan và định hướng người học đạt chuẩn đầu ra.	02	02
3	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	14	14
3.1	Tiêu chuẩn 3.1: Quy trình tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý của trường được ban hành và đưa vào áp dụng; hằng năm được rà soát, đánh giá để cải tiến.	02	02
3.2	Tiêu chuẩn 3.2: Trường thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động. Hằng năm, trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.	02	02
3.3	Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác, bảo đảm về số lượng, cơ cấu ngành, nghề đáp ứng yêu cầu đào tạo của trường.	02	02
3.4	Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu, yêu cầu của chương trình đào tạo và thực hiện các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan.	02	02
3.5	Tiêu chuẩn 3.5: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.	02	02

3.6	Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo định kỳ được học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo yêu cầu đặc thù của ngành, nghề đào tạo.	02	02
3.7	Tiêu chuẩn 3.7: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đáp ứng các tiêu chuẩn và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao. Đội ngũ viên chức, người lao động đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao. Cán bộ quản lý, viên chức, người lao động định kỳ được bồi dưỡng, cập nhật nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	02	02
4	Tiêu chí 4 - Chương trình đào tạo, giáo trình	14	14
4.1	Tiêu chuẩn 4.1: Trường ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo. Quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan.	02	02
4.2	Tiêu chuẩn 4.2: Trường ban hành đầy đủ các chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo mà trường được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.	02	02
4.3	Tiêu chuẩn 4.3: Chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo và được công bố công khai.	02	02
4.4	Tiêu chuẩn 4.4: Các chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến chất lượng để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và sự phát triển của ngành, địa phương.	02	02
4.5	Tiêu chuẩn 4.5: Trường ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo. Quá trình xây dựng và thẩm định giáo trình đào tạo có sự tham gia của chuyên gia, cán bộ quản lý có kinh nghiệm của ngành, nghề đào tạo và các bên liên quan.	02	02

4.6	Tiêu chuẩn 4.6: Trường ban hành đầy đủ giáo trình các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. Các giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo và phù hợp với phương pháp dạy học.	02	02
4.7	Tiêu chuẩn 4.7: Các giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự thay đổi của chương trình đào tạo.	02	02
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo	16	16
5.1	Tiêu chuẩn 5.1: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ quản lý thiết bị, xưởng thực hành, phòng học, các phòng công năng khác đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ người học và các hoạt động khác của trường.	02	02
5.2	Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể các khuôn viên của trường phù hợp với công năng, bền vững về môi trường. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường theo quy chuẩn và tiêu chuẩn hiện hành, đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt.	02	02
5.3	Tiêu chuẩn 5.3: Khu hiệu bộ, khu học lý thuyết, khu học thực hành, khu rèn luyện thể chất, khu phục vụ và các hạng mục khác phục vụ sinh hoạt cho người học, nhà giáo có cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo, bảo đảm các yêu cầu công nghệ và bảo vệ môi trường.	02	02
5.4	Tiêu chuẩn 5.4: Các tiêu chuẩn về môi trường, an toàn, sức khỏe nghề nghiệp được trường xác định và triển khai, bao gồm cả các nhu cầu, các điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật (nếu có) và không phân biệt đối xử về giới.	02	02
5.5	Tiêu chuẩn 5.5: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo và được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe, vệ sinh môi trường.	02	02
5.6	Tiêu chuẩn 5.6: Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí hợp lý, đáp ứng	02	02

	đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo và được tái sử dụng hiệu quả.		
5.7	Tiêu chuẩn 5.7: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc điện tử; phòng đọc của cán bộ, nhà giáo; phòng đọc của người học; kho sách bảo đảm tiêu chuẩn thiết kế và định mức diện tích sử dụng.	02	02
5.8	Tiêu chuẩn 5.8: Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp, được cập nhật, áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động và người học.	02	02
6	Tiêu chí 6 – Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế	08	06
6.1	Tiêu chuẩn 6.1: Trường ban hành quy định và thực hiện chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động và người học tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến, chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo và phục vụ cộng đồng.	02	02
6.2	Tiêu chuẩn 6.2: Hằng năm, trường có tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên, được ứng dụng, phục vụ trực tiếp công tác đào tạo của trường và phục vụ cộng đồng.	02	02
6.3	Tiêu chuẩn 6.3: Hằng năm, trường có các bài báo của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các tạp chí chuyên ngành hoặc ấn phẩm tương đương.	02	02
6.4	Tiêu chuẩn 6.4: Có hoạt động hợp tác với các trường hoặc các tổ chức, cá nhân nước ngoài góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	02	00
7	Tiêu chí 7 – Người học và hoạt động hỗ trợ người học	10	10
7.1	Tiêu chuẩn 7.1: Các thông tin về ngành, nghề, chương trình đào tạo và việc tổ chức thực hiện quy chế đào tạo, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính	02	02

	sách đối với người học được mô tả rõ ràng, đầy đủ và công khai.		
7.2	Tiêu chuẩn 7.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, bảo đảm quyền lợi của người học, tạo điều kiện cho người học thuộc đối tượng chính sách có cơ hội tiếp cận học nghề, lập nghiệp. Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	02	02
7.3	Tiêu chuẩn 7.3: Trường có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện; hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	02	02
7.4	Tiêu chuẩn 7.4: Người học được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, nghiên cứu khoa học và các hoạt động xã hội khác để phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực.	02	02
7.5	Tiêu chuẩn 7.5: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát, quản lý người học được định kỳ rà soát và cải tiến để đáp ứng nhu cầu của người học và các bên liên quan.	02	02
8	Tiêu chí 8 – Giám sát, đánh giá chất lượng	12	12
8.1	Tiêu chuẩn 8.1: Tỷ lệ tốt nghiệp của người học và tỷ lệ bỏ học được xác lập, giám sát, đối sánh (nếu có) để cải tiến.	02	02
8.2	Tiêu chuẩn 8.2: Trường triển khai hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm cơ sở để đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ của trường.	02	02
8.3	Tiêu chuẩn 8.3: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo; sử dụng kết quả khảo sát để thực	02	02

	hiện đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo.		
8.4	Tiêu chuẩn 8.4: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức đào tạo, về chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường; sử dụng kết quả khảo sát để thực hiện đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo.	02	02
8.5	Tiêu chuẩn 8.5: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng, có kế hoạch thực hiện kiểm định chất lượng trường; có kế hoạch và biện pháp để thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	02	02
8.6	Tiêu chuẩn 8.6: Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% người học tốt nghiệp có việc làm.	02	02

3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

3.2.1. Tiêu chí 1: Sự mạng, mục tiêu tổ chức và quản lý

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:

Mở đầu:

Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột là cơ sở dạy nghề thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, từ năm 2007 đến tháng 07/2017 trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk, từ tháng 8/2017 đến tháng 5/2025 trực thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội. Từ tháng 5/2025 đến nay trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo. Qua từng giai đoạn phát triển, mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược phát triển của Trường không ngừng được điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Ngành, của địa phương và các đơn vị sử dụng lao động; nhằm từng bước nâng cao chất lượng đào tạo trung cấp chuyên nghiệp, sơ cấp nghề của nhà trường; góp phần cung cấp dịch vụ đào tạo có chất lượng cao, đáp ứng nguồn nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và nhu cầu học tập suốt đời cho mọi thành phần xã hội.

Trong quá trình công tác tổ chức và quản lý nhà trường đảm bảo thực hiện theo hướng tự chủ và tự chịu trách nhiệm, có ban hành đầy đủ các quy định về công tác tổ chức, quản lý, tài chính, phân công phân cấp trong quản lý... Trong đó, nhà trường luôn chú trọng công tác đảm bảo chất lượng đào tạo.

** Những điểm mạnh:*

Trường có đủ các quyết định thành lập được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Mục tiêu, nhiệm vụ của Trường được xác định rõ ràng, có văn bản quy định việc rà soát, điều chỉnh; định hướng chủ yếu vào việc đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động, cơ cấu và danh mục nghề đào tạo của Trường đã cơ bản đáp ứng với tình hình kinh tế-xã hội địa phương, được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên Website của Trường.

Nhà trường có đầy đủ các văn bản quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Các đơn vị trực thuộc được phân cấp hợp lý, có quyền chủ động trong công việc. Nhà trường đã thực hiện định kỳ rà soát, điều chỉnh và bổ sung các văn bản này cho phù hợp với thực tế và điều kiện của trường; tổ chức Đảng, các đoàn thể tổ chức xã hội trong trường phát huy được sức mạnh tập thể, góp phần hoàn thành được nhiệm vụ của trường. Trường có phân công phòng Quản lý đào tạo và Phòng Khảo thí đảm bảo chất lượng chịu trách nhiệm tham mưu các công tác nhằm duy trì và cải tiến chất lượng đào tạo của nhà trường. Qua các năm các đơn vị này luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao, tham mưu có cải tiến các giải pháp nhằm duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo tại đơn vị.

** Những tồn tại: không*

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Phòng Quản lý đào tạo chủ trì và phối hợp với các đơn vị: Tổ chức rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo đã ban hành và xây dựng các chương trình đào tạo mới (nếu có) tuân thủ đúng qui trình, lưu trữ đầy đủ hồ sơ.

Nhà trường tiếp tục thu thập thông tin về nguồn nhân lực để mở rộng ngành nghề cũng như tăng cường đầu tư các ngành trọng điểm nhằm đáp ứng cho nhu cầu của xã hội.

Hằng năm tiếp tục tổ chức kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ chung và mục tiêu cụ thể của từng chiến lược để có biện pháp điều chỉnh kế hoạch một cách

có hệ thống, có lý luận chặt chẽ, đảm bảo mọi thành viên trong trường đều có nhận thức đúng và hoạt động đúng.

Điểm đánh giá tiêu chí 1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	10
Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	02
Tiêu chuẩn 3	02
Tiêu chuẩn 4	02
Tiêu chuẩn 5	02

Tiêu chuẩn 1.1: Sứ mạng, mục tiêu của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, định hướng phát triển của trường, phù hợp với yêu cầu nhân lực trong các chiến lược phát triển ngành/chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương và được công bố công khai.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột được thành lập theo quyết định số 2482/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk với tên Trường trung cấp tư thực Kinh tế - Công nghệ Tây Nguyên; Ngày 12 tháng 11 năm 2008 đổi tên Trường trung cấp tư thực Kinh tế - Công nghệ Tây Nguyên thành Trường trung cấp Kinh tế - Công nghệ Tây Nguyên. Ngày 07 tháng 02 năm 2013 đổi tên trường Trung cấp Kinh tế - Công nghệ Tây Nguyên thành Trường Trung cấp Tây Nguyên. Đến tháng 06 năm 2025 Trường Trung cấp Tây Nguyên sáp nhập với Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột lấy tên là Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột theo Quyết định số 1619/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ([1.1.01-Quyết định thành lập và đổi tên Trường Trung cấp Tây Nguyên](#)); [1.1.06-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 06/GCNĐKHĐ-SLĐTBXH ngày 28 tháng 8 năm 2017 và số 01/2024/GCNĐKHĐ-SLĐTBXH ngày 17 tháng 9 năm 2024](#))

Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột đã xây dựng mục tiêu, sứ mạng từng giai đoạn phù hợp với chủ trương đường lối, chính sách của Đảng, định hướng của Ngành và địa phương, phù hợp với chiến lược phát triển nguồn nhân lực thời kỳ 2020 - 2025; thời kỳ 2025 – 2030, chiến lược phát triển dạy nghề thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045 ([1.1.02-Các chiến lược phát triển GDNN của quốc gia và địa phương](#)) ([1.1.03-Kế hoạch chiến lược năm 2020 - 2025 tầm nhìn tới năm 2030](#)) Theo đó, sứ mạng của Trường được xác định như sau: Với giá trị cốt lõi Thực học – Thực hành – Thực nghiệp, Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột là cơ sở đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế,

xã hội cho tỉnh Đắk Lắk nói riêng và khu vực Tây Nguyên nói chung ([1.1.04-Sứ mạng mục tiêu của Trường Trung cấp Tây Nguyên](#))

Sứ mạng, mục tiêu của Nhà trường được cụ thể dài hạn, ngắn hạn theo từng giai đoạn, từng năm và phù hợp với việc đáp ứng nhu cầu nhân lực của địa phương, ngành. Tập trung đầu tư vào con người để tạo nguồn nhân lực có tay nghề cao, kiến thức, kỹ năng thực tiễn, phẩm chất đạo đức tốt để cung cấp cho thị trường lao động nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ([1.1.07-Các văn bản về phát triển nguồn nhân lực giáo dục nghề nghiệp tỉnh Đắk Lắk 2024, 2025; 1.1.08-Các thông báo, công văn về thông tin tuyển dụng lao động của cơ sở, công ty, doanh nghiệp cho HS của Trường và thông tin tuyển dụng được đăng tải lên trang web của Trường năm 2024, 2025](#))

Sứ mạng và mục tiêu của Trường được công bố công khai tại website ([1.1.05-Trang Web giới thiệu trường Trung cấp Tây Nguyên](#)) và được phổ biến trong toàn đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh. Hàng năm, Phòng Khảo thí &ĐBCL có thực hiện khảo sát lấy ý kiến của cán bộ quản lý, giáo viên về sứ mạng, mục tiêu của Trường ([1.1.09- Bộ hồ sơ khảo sát CBQL, giáo viên, học sinh, cựu học sinh, doanh nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025 gồm: kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát, danh sách đối tượng tham gia khảo sát](#))

Qua công tác phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực trong và ngoài địa phương, kết hợp với kết quả tuyển sinh tốt và hoàn thành chỉ tiêu đào tạo được giao hàng năm. Trường trung cấp Buôn Mê thuật có sứ mạng, mục tiêu được xác định cụ thể, đào tạo nguồn nhân lực với nhiều ngành nghề và các cấp trình độ khác nhau (Trung cấp, Sơ cấp) và liên kết đào tạo nhằm phát triển đa dạng nguồn nhân lực cho địa phương và khu vực, phù hợp với yêu cầu nhân lực trong các chiến lược phát triển ngành/chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 1: 02 điểm

Tiêu chuẩn 1.2: Trường có quy chế về tổ chức và hoạt động, trong đó có phân công rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc trường, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu, cơ cấu ngành, nghề, quy mô đào tạo của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Cùng với sứ mạng, Trường Trung cấp Buôn Ma Thuật xác định:

– **Tầm nhìn:** Vươn lên trở thành cơ sở đào tạo nguồn nhân lực đa ngành nghề hàng đầu khu vực miền Trung Tây Nguyên và cả nước. Không dừng lại ở đó, với tiềm năng của Nhà trường và sự cố gắng, nỗ lực của Ban giám hiệu và đội ngũ nhà giáo, nhân viên, Trường Trung cấp Buôn Ma Thuật phấn đấu đào tạo những thế hệ học sinh năng động, sẵn sàng trở thành công dân toàn cầu để hội nhập với thế giới, đáp ứng đủ yêu cầu dù khắt khe nhất của mọi thị trường lao động.

– **Giá trị cốt lõi:** Chất lượng và hiệu quả: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, sử dụng nguồn lực hiệu quả nhất; Độc lập và sáng tạo: Đào tạo người học tư duy độc lập và sáng tạo; Toàn diện và hội nhập: Đào tạo con người phát triển toàn diện, sẵn sàng hội nhập xã hội, hội nhập quốc tế.

Đây là định hướng làm cơ sở để Nhà trường xây dựng cơ cấu tổ chức và phân công chức năng, nhiệm vụ phù hợp, hiệu quả và thống nhất.

Trường đã ban hành Quy chế tổ chức hoạt động theo đúng quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ([1.2.01-Thông tư quy định về điều lệ trường trung cấp](#)). Quy chế tổ chức hoạt động của trường quy định rất rõ về cơ cấu tổ chức nhân sự; cơ chế quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường, quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Giám hiệu, chức năng nhiệm vụ của các phòng, khoa, trung tâm, bộ môn trực thuộc trường ([1.2.02-Quy chế tổ chức và hoạt động trường Trung cấp Tây Nguyên](#)).

Cơ cấu tổ chức năm học 2024 – 2025 bao gồm:

Khối lãnh đạo, điều hành:

- Hiệu trưởng: ThS. Trần Thị Thiết;
- Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác đào tạo: ThS. Nguyễn Huy Tuấn;
- Phó hiệu trưởng phụ trách công tác hành chính: ThS. Trần Quốc Cường;
- Các tổ chức chính trị – xã hội: Chi bộ Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội đồng tư vấn, Cố vấn chuyên môn.

Khối hành chính – quản trị:

- Phòng Quản lý đào tạo;
- Phòng Tổ chức – Hành chính;
- Phòng Kế hoạch – Tài chính;
- Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng;
- Phòng Truyền thông và Tuyển sinh;

Khối chuyên môn:

- Bộ môn Tin học ứng dụng;
- Bộ môn Ngoại ngữ (bao gồm ngành Tiếng Anh và Tiếng Trung);
- Bộ môn Thương mại điện tử;
- Bộ môn Du lịch;
- Bộ môn Công nghệ kỹ thuật ô tô;
- Bộ môn Kỹ thuật chế biến món ăn;
- Bộ môn Văn hóa;
- Bộ môn Y học cổ truyền.

– Khoa đào tạo lái xe

Các đơn vị khác:

– Phòng Quan hệ hợp tác doanh nghiệp;

– Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Tây Nguyên;

– Phòng Y tế học đường;

– Căn tin trường học.

Các cơ sở giáo dục trực thuộc:

– Cơ sở giáo dục huyện Krông Pắc;

– Cơ sở giáo dục huyện Ea Hlêo;

– Cơ sở giáo dục huyện Cư Kuin.

Mỗi đơn vị có quy định chức năng nhiệm vụ được ban hành kèm theo quyết định thành lập (*1.2.03-Quyết định thành lập các phòng ban*). Việc phân công nhiệm vụ tránh chồng chéo, có sự phối hợp linh hoạt giữa các phòng chức năng và bộ môn. Sơ đồ tổ chức (*1.2.04-Sơ đồ cơ cấu tổ chức*) thể hiện rõ mối quan hệ trực tuyến và chức năng – giám sát giữa các cấp. Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của đơn vị mình, các phòng, khoa, bộ môn, trung tâm đều xây dựng kế hoạch, phân công công việc, giao các cá nhân thuộc đơn vị mình đề ra bản phân tích việc làm. Kết thúc mỗi năm học, các bộ phận của Trường thực hiện công tác báo cáo kết quả hoạt động của đơn vị mình. Đây là yêu cầu quan trọng nhằm tổng kết, đánh giá, kết quả và hiệu quả từ các hoạt động mà mỗi tập thể, cá nhân đã thực hiện sau một năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ đã được quy định (*1.2.05- Báo cáo tổng kết hoạt động của các đơn vị thuộc Trường trung cấp Buôn Mê Thuột năm 2024, 2025*)

Các quy định về tổ chức và cơ chế quản lý của Trường được rà soát, điều chỉnh định kỳ (*1.2.06- Các báo cáo kết quả rà soát, điều chỉnh về công tác tổ chức và quản lý năm 2024, 2025*). Nhà trường có đầy đủ các văn bản quy định về tổ chức, cơ chế quản lý và được triển khai đến các bộ phận, kế hoạch phát triển cũng như phương hướng hoạt động của trường được phổ biến công khai để mọi thành viên tham gia đóng góp ý kiến và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Các văn bản nội bộ thực hiện hàng năm được rà soát bổ sung sửa đổi trong Hội nghị Người lao động, đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế của đơn vị.

Mọi chủ trương, kế hoạch của Trường đều được lấy ý kiến đóng góp của cán bộ, giáo viên. Hàng năm, Nhà trường đều tiến hành rà soát và lấy ý kiến đóng góp xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động. Nhà trường tổng hợp, chọn lọc những ý kiến phù hợp, khả thi được ghi nhận và đưa vào các văn bản quy định. Các ý kiến góp ý để xây dựng vấn đề thi đua hàng năm; quy chế chi tiêu nội bộ; kế hoạch phát triển ngành nghề mới... được các bộ phận tổ chức thảo luận, đóng góp ý kiến bằng văn bản hoặc phát biểu tại các buổi họp của đơn vị và toàn trường (*1.1.09- Bộ hồ sơ khảo sát CBQL, giáo viên, học sinh, cựu học sinh, doanh nghiệp*)

năm học 2023-2024, 2024-2025 gồm: kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát, danh sách đối tượng tham gia khảo sát)

Qua những phân tích trên, Trường có quy chế về tổ chức và hoạt động, trong đó có phân công rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc trường, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu, cơ cấu ngành, nghề, quy mô đào tạo của trường. Hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý các hoạt động của Nhà trường được triển khai thực hiện có hiệu quả tại các đơn vị trong Trường và được rà soát bổ sung hàng năm.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 1: 02 điểm

Tiêu chuẩn 1.3: Trường đã xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột xác định công tác bảo đảm chất lượng là một trong những yếu tố then chốt để nâng cao hiệu quả đào tạo, gắn kết với nhu cầu thực tế của người học, doanh nghiệp và định hướng phát triển nguồn nhân lực địa phương.

Hiện tại, Nhà trường đã xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp dựa trên các nội dung sau:

– **Thành lập phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng:** Bộ phận này được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động đảm bảo chất lượng trong toàn trường (*1.3.01-Cơ cấu nhân sự Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng*).

– **Ban hành các văn bản nội bộ** liên quan đến công tác bảo đảm chất lượng như: Quy chế đảm bảo chất lượng nội bộ; Quy trình đánh giá nội bộ hàng năm; Kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN theo chu kỳ (*1.3.02-Các văn bản liên quan đến công tác đảm bảo chất lượng*).

– **Triển khai tự đánh giá chất lượng định kỳ** theo hướng dẫn của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp. Trường đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá định kỳ theo chu kỳ 5 năm và báo cáo thường niên về các chỉ tiêu chất lượng (*1.3.03-Báo cáo tự đánh giá hàng năm*).

– **Hệ thống thu thập ý kiến phản hồi:** Phiếu khảo sát mức độ hài lòng của người học về chương trình, giáo viên, điều kiện học tập (*1.3.04-Khảo sát chất lượng giáo dục*).

Thực hiện Quy định theo Thông tư số 28/2017/TTBLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ LĐTBXH quy định hệ thống BDCL của cơ sở GDNN. Nhà trường đã xây dựng các quy định về Hệ thống BDCL, kế hoạch xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng (*1.3.05- Quyết định ban hành quy định hệ thống BDCL trường và Quyết định ban hành quy chế quản lý, vận hành hệ thống thông tin BDCL Trường trung cấp Buôn Mê Thuột; 1.3.06-Hồ sơ về hệ thống đảm bảo chất lượng*). Đến năm 2025, Trường đã ban hành 44 quy trình công cụ quản lý chất lượng, trong đó có đầy đủ các quy trình bắt buộc theo thông tư 28 như: xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình, giáo trình đào tạo; tuyển sinh; kiểm tra,

thi, xét, công nhận tốt nghiệp; đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học: tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý; quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; quản lý xưởng; khảo sát học sinh sau tốt nghiệp; khảo sát doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động. Các quy trình được xây dựng, thẩm định và công bố rộng rãi trên Webside của trường. *(1.3.07- Thông báo phân công xây dựng các quy trình thuộc hệ thống BĐCL và việc thống nhất hoàn thiện các quy trình BĐCL Trường trung cấp Buôn Mê Thuột năm 2024, 2025);*

Trên cơ sở các quy trình công cụ quản lý đã đưa vào thực hiện, mục tiêu chất lượng các phòng, khoa, bộ môn, trung tâm đăng ký đầu năm, Phòng Khảo thí & ĐBCL xây dựng kế hoạch đánh giá, tổng hợp báo cáo kết quả trình Lãnh đạo trường xem xét, phê duyệt và ban hành *(1.3.08- Quyết định ban hành danh mục tài liệu hệ thống BĐCL năm học 2023-2024, 2024-2025; 1.3.09- Quyết định ban hành mục tiêu chất lượng của Trường năm 2024, 2025; 1.3.10- Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng của Trường năm 2024, 2025; 1.3.11- Báo cáo mục tiêu chất lượng của Trường năm 2024, 2025; 1.3.12- Quyết định của Trường trung cấp Buôn Mê Thuột về việc ban hành Chính sách chất lượng giai đoạn 2024, 2025; 1.3.13- Quyết định ban hành Sổ tay chất lượng năm 2024, 2025).*

Phòng Khảo thí & ĐBCL phụ trách thường xuyên theo dõi, kiểm tra kế hoạch đánh giá công tác bảo đảm chất lượng của các đơn vị, phát hiện kịp thời các quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng cần khắc phục. Hàng năm, Phòng Khảo thí & ĐBCL lập kế hoạch khảo sát ý kiến và phân công cụ thể từng đơn vị, cá nhân tổ chức thực hiện xây dựng quy trình cũng như vận hành, rà soát, cải tiến các quy trình hoạt động của đơn vị mình và báo cáo các nội dung rà soát, cải tiến gửi về Phòng Khảo thí & ĐBCL để tổng hợp *(1.3.14- Kế hoạch và báo cáo rà soát, cải tiến các quy trình đảm bảo chất lượng 2024, 2025; 1.1.09- Bộ hồ sơ khảo sát CBQL, giáo viên, học sinh, cựu học sinh, doanh nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025 gồm: kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát, danh sách đối tượng tham gia khảo sát)*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 1: 02 điểm

Tiêu chuẩn 1.4: Hàng năm, hệ thống bảo đảm chất lượng của trường được đánh giá và có biện pháp cải tiến nhằm tăng hiệu lực, hiệu quả quản lý.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột duy trì hoạt động đánh giá hệ thống bảo đảm chất lượng hàng năm nhằm xem xét mức độ hiệu quả của các quy trình quản lý, triển khai đào tạo và đáp ứng nhu cầu xã hội. Quá trình này bao gồm các bước sau:

- Xây dựng kế hoạch đánh giá nội bộ hàng năm;

– Tổ chức đánh giá nội bộ các hoạt động của phòng, khoa, tổ môn theo tiêu chí được chuẩn hóa (bao gồm tuyển sinh, đào tạo, đánh giá người học, gắn kết doanh nghiệp...);

– Tổng hợp báo cáo đánh giá hệ thống bảo đảm chất lượng, chỉ rõ điểm mạnh, tồn tại và đề xuất cải tiến theo từng ngành đào tạo; [\(1.3.03-Báo cáo tự đánh giá chất lượng năm 2024, 2025\)](#)

– Phòng Khảo thí & ĐBCL xây dựng kế hoạch cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng theo hướng dẫn của thông tư 28/2017/TT-BLĐTĐBXH, ngày 15/12/2017, phân công cụ thể từng đơn vị cá nhân triển khai thực hiện công tác rà soát cải tiến, tham mưu Hiệu trưởng Nhà trường ban hành và có trách nhiệm chủ đạo trong tổ chức thực hiện. Các phiên họp cải tiến chất lượng có đại diện Ban Giám hiệu, phòng Quản lý đào tạo, các Bộ môn và phòng Khảo thí đảm bảo chất lượng để thống nhất phương án thực hiện trong năm tiếp theo [\(1.4.01-Báo cáo cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng năm 2024, 2025\)](#).

Để nâng cao chất lượng hệ thống đảm bảo chất lượng và trách nhiệm các đơn vị được phân công thực hiện nhằm tăng hiệu lực, hiệu quả quản lý. Hàng năm Nhà trường xây dựng kế hoạch, tổ chức lấy ý kiến của Nhà giáo, CBQL về công tác đảm bảo chất lượng cũng như hiệu quả của các phương pháp cải tiến tại trường *(1.1.09- Bộ hồ sơ khảo sát CBQL, giáo viên, học sinh, cựu học sinh, doanh nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025 gồm: kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát, danh sách đối tượng tham gia khảo sát)*. Hiệu quả của các biện pháp cải tiến được thể hiện qua mức độ hoàn thành công việc của các đơn vị phòng, khoa, bộ môn, trung tâm. *(1.4.02- Báo cáo tổng kết hoạt động của các đơn vị thuộc Trường trung cấp Buôn Mê Thuật năm 2024, 2025)*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 1: 02 điểm

Tiêu chuẩn 1.5: Hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường (đảng ủy, ban giám hiệu đối với các trường thuộc lực lượng vũ trang), tổ chức đảng, đoàn thể và các hội đồng tư vấn khác được thành lập theo quy định; thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với sứ mạng, mục tiêu của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Trung cấp Buôn Ma Thuật đã thành lập đầy đủ các tổ chức quản trị, chính trị, đoàn thể và hội đồng tư vấn theo đúng quy định pháp luật hiện hành, cụ thể:

Hội đồng quản trị:

– Hội đồng quản trị được thành lập theo đúng quy định tại Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTĐBXH do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành ngày 21/10/2021 [\(1.2.01- Thông tư 14/2021/TT-BLĐTĐBXH quy định về Điều lệ Trường Trung cấp\)](#), có đầy đủ thành phần: Chủ tịch Hội đồng, các thành viên Hội đồng, đại diện Ban Giám hiệu, đại diện Chi bộ

Đảng, đại diện Công đoàn, đại diện Hội đồng tư vấn (1.5.01-Quyết định thành lập Hội đồng quản trị Trường trung cấp Buôn Mê Thuật).

– Hội đồng có chức năng: Thảo luận và thông qua Sứ mạng – Tầm nhìn – Mục tiêu phát triển dài hạn của trường. Định hướng ngành nghề đào tạo gắn với nhu cầu nhân lực tỉnh Đắk Lắk và khu vực Tây Nguyên. Góp ý các kế hoạch phát triển đào tạo, tài chính và cơ sở vật chất.

Tổ chức Đảng và các đoàn thể:

– Chi bộ Đảng của trường trực thuộc Đảng ủy địa phương, thực hiện đúng vai trò lãnh đạo chính trị đối với các hoạt động trong nhà trường (1.5.02-Quyết định thành lập Chi bộ Đảng trường trung cấp Buôn Mê Thuật).

– Công đoàn trường, Đoàn Thanh niên tích cực phối hợp tổ chức các hoạt động phát triển kỹ năng, giáo dục tư tưởng cho học sinh (1.5.03-Công đoàn cơ sở) (1.5.04-Đoàn thanh niên).

– Các tổ chức đoàn thể được huy động tham gia vào các chương trình nâng cao chất lượng đào tạo, đặc biệt là trong các ngành Du lịch, Y học cổ truyền, Tin học ứng dụng (1.5.05-Các hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo).

Các hội đồng tư vấn khác:

– Hội đồng khoa học và đào tạo: Góp ý chương trình đào tạo theo từng ngành như Tin học ứng dụng, Thương mại điện tử, Công nghệ kỹ thuật ô tô... (1.5.06-Các hội đồng tư vấn chuyên môn).

– Hội đồng đảm bảo chất lượng: Tư vấn xây dựng kế hoạch cải tiến chương trình, đánh giá nội bộ và triển khai các công cụ khảo sát (1.3.01-Cơ cấu nhân sự phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng) (1.3.02-Các văn bản liên quan đến công tác đảm bảo chất lượng).

– Hội đồng tuyển sinh: Xây dựng chiến lược tuyển sinh theo nhóm ngành, tập trung nhóm lao động vừa học vừa làm (1.5.07-Hội đồng tuyển sinh).

– Hội đồng thi đua khen thưởng, kỷ luật: được thành lập hàng năm để đánh giá xếp loại hiệu quả của các đơn vị, giáo viên, học sinh trong trường và đề xuất các hình thức khen thưởng, kỷ luật đúng quy định. Hội đồng tự giải tán sau khi hoàn thành nhiệm vụ (1.5.08-Quyết định thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng, kỷ luật năm 2024, 2025)

– Hội đồng khoa học: được thành lập để phụ trách công tác nghiên cứu khoa học của Trường. Hội đồng khoa học có nhiệm vụ thông qua đề cương và thẩm định kết quả các đề tài nghiên cứu khoa học của Trường trung cấp Buôn Mê Thuật. (1.5.09- Quyết định thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng, kỷ luật năm 2024, 2025)

– Việc thành lập các đồng quản trị hoặc hội đồng trường, tổ chức đảng, đoàn thể và các hội đồng tư vấn khác đã định hướng chiến lược phát triển của Trường phù hợp với sứ mạng,

mục tiêu đã đề ra *(1.1.04- Sứ mạng, mục tiêu của Trường Trung cấp Tây Nguyên)*. Các phòng, khoa được thực hiện theo trình tự quy định, các đơn vị phòng, khoa được thành lập có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng đơn vị thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của trường. Hoạt động của các đơn vị được thể hiện trong các báo cáo, đánh giá hiệu quả công tác cuối năm *(1.4.02- Báo cáo tổng kết hoạt động của các đơn vị thuộc Trường trung cấp Buôn Mê Thuột 2024, 2025; 1.5.10- Các quyết định khen thưởng cho các tập thể, cá nhân đã có thành tích xuất sắc năm học 2023-2024, 2024-2025; 1.5.11-Báo cáo tổng kết công tác Thi đua – Khen thưởng năm học 2023-2024, 2024-2025)*

Hàng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến của CBQL, Nhà giáo về các chiến lược của Hội đồng quản trị, Hội đồng trường, Nghị quyết của Chi bộ, thiết lập phù hợp với sứ mạng, mục tiêu của trường, cũng như mức độ hài lòng đối với các hoạt động của các tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên, hội đồng tuyển sinh, hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng khoa học, đào tạo... *(1.1.09- Bộ hồ sơ khảo sát CBQL, giáo viên, học sinh, cựu học sinh, doanh nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025 gồm: kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát, danh sách đối tượng tham gia khảo sát)*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 1: 02 điểm

3.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:

Mở đầu:

Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột đào tạo ở các trình độ: trung cấp, sơ cấp. Trong quá trình thực hiện tuyển sinh, nhà trường đảm bảo thực hiện tốt các Quy định theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc đa dạng hoá các phương thức đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của người lao động và yêu cầu của thực tế sản xuất tại các doanh nghiệp luôn được Nhà trường quan tâm để bảo đảm chất lượng của các cấp độ đào tạo. Nhà trường đặc biệt chú trọng đến công tác quản lý và nâng cao hiệu quả quản lý tại các phòng, khoa, bộ môn, trung tâm. Với những nỗ lực của lãnh đạo Nhà trường, cán bộ quản lý và đội ngũ giáo viên, nhân viên đã mang lại hiệu quả cao cho mọi hoạt động trước, trong và sau đào tạo.

*** Những điểm mạnh:**

Nhà trường thực hiện đúng quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Hàng năm, đều có hướng dẫn riêng về công tác tuyển sinh đảm bảo thực hiện nghiêm túc, công bằng, khách quan. Các ngành đào tạo của Nhà trường đều được cấp phép theo quy định. Nhà trường đã thực hiện đa dạng hoá phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học; có mối liên kết chặt chẽ với các công ty, doanh nghiệp trong quá trình đào tạo; ứng dụng các hình thức, phương pháp dạy học tích cực, khuyến khích phát triển năng lực tự học và tinh thần hợp tác của người học.

Nhà trường luôn đào tạo theo tiến độ được ban hành theo từng khóa, lớp và chi tiết đến từng nội dung của môn học, mô đun; ban hành đầy đủ các quy định về đào tạo như: kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ; đào tạo kết hợp lý thuyết song song thực hành. Đồng thời, Nhà trường không ngừng cải thiện và ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình dạy học.

Công tác tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy học của Nhà trường được thực hiện nghiêm túc, công bằng, khách quan và từ đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của đơn vị.

* *Những tồn tại:* Liên kết với các đơn vị tuyển dụng, tư vấn và giới thiệu việc làm cho học sinh sau tốt nghiệp còn hạn chế.

* *Kế hoạch nâng cao chất lượng:* Tổ chức họp các cán bộ chủ chốt của đơn vị, thảo luận đưa ra các giải pháp, đặc biệt tăng cường hợp tác với doanh nghiệp tìm nguồn đầu ra cho học sinh.

Điểm đánh giá tiêu chí 2

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	16
Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	02
Tiêu chuẩn 3	02
Tiêu chuẩn 4	02
Tiêu chuẩn 5	02
Tiêu chuẩn 6	02
Tiêu chuẩn 7	02
Tiêu chuẩn 8	02

Tiêu chuẩn 2.1: Quy chế tuyển sinh và các kế hoạch, chính sách tuyển sinh được xây dựng, triển khai phù hợp chương trình đào tạo các ngành, nghề đào tạo của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07 tháng 07 năm 2021 của Bộ LĐTB&XH về việc ban hành thông tư quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng ([2.1.01-Thông tư 05/2021/TT-BLĐTBXH](#)) và giấy chứng nhận số 01/2024/GCNDKHD-SLĐTBXH ngày 17 tháng 9 năm 2024 của sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk về việc đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp ([1.1.06-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 06/GCNDKHD-SLĐTBXH ngày 28 tháng 8 năm 2017 và số 01/2024/GCNDKHD-SLĐTBXH ngày 17 tháng 9 năm 2024](#)), Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột đã xây dựng và ban hành qui chế, kế hoạch tuyển sinh của Trường tại các quyết định từ 2021 đến 2025, trong đó qui định cụ thể đối tượng tuyển sinh,

hình thức tuyển sinh, tiêu chí tuyển sinh (2.1.02-Quy chế và kế hoạch tuyển sinh năm học 2023-2024, 2024-2025).

Bên cạnh đó, Nhà trường triển khai các chính sách tuyển sinh linh hoạt và phù hợp, đặc biệt chú trọng đến các đối tượng ưu tiên như học sinh vùng sâu, vùng xa, dân tộc thiểu số, người thuộc diện chính sách, học sinh vừa tốt nghiệp THCS theo mô hình 9+. Các chính sách này góp phần tạo điều kiện để đa dạng hóa người học, mở rộng cơ hội học nghề cho các nhóm yếu thế trong xã hội.

Hoạt động truyền thông, tư vấn hướng nghiệp và tuyển sinh được tổ chức đa dạng, thông qua nhiều hình thức như: tư vấn trực tiếp tại trường phổ thông, phối hợp với địa phương, tham gia các hội chợ giáo dục nghề nghiệp, truyền thông qua website, mạng xã hội, ấn phẩm quảng bá, qua đó, đảm bảo thông tin tuyển sinh được truyền tải đầy đủ, chính xác và đến đúng đối tượng

Việc triển khai tuyển sinh được thực hiện đúng quy trình, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận chuyên môn và được kiểm tra, giám sát đúng quy trình. Số lượng và cơ cấu người học tuyển vào cơ bản phù hợp với kế hoạch, thể hiện năng lực tổ chức và sự chủ động của nhà trường trong công tác tuyển sinh, góp phần ổn định và nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo (2.1.03-Kết quả tuyển sinh năm học 2023-2024, 2024-2025). (2.1.04-Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động tuyển sinh năm học 2023-2024, 2024-2025)

Quy chế tuyển sinh, chính sách tuyển sinh của Trường được xây dựng và triển khai phù hợp với chương trình đào tạo các ngành, nghề trong trường (2.1.05-Danh sách các ngành, nghề đào tạo theo giấy phép hoạt động của trường năm học 2023-2024, 2024-2025; 2.1.06-Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành, nghề năm 2024, 2025; 2.1.07-Bộ các chương trình đào tạo chi tiết từng nghề 2024, 2025; 2.1.08 – Hồ sơ chuẩn đầu ra của Trường năm 2024, 2025 gồm: kế hoạch xây dựng và thẩm định chuẩn đầu ra, biên bản họp thẩm định chuẩn đầu ra, quyết định ban hành chuẩn đầu ra)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 2: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2.2: Trường tuyển sinh theo kế hoạch bảo đảm công bằng, khách quan và theo hướng nâng cao chất lượng đầu vào. Công tác tuyển sinh được kiểm tra, giám sát và cải tiến, bảo đảm tính phù hợp, hiệu quả.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường tổ chức công tác tuyển sinh theo đúng kế hoạch đã được xây dựng và phê duyệt, đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu, năng lực đào tạo, ngành nghề tuyển sinh và yêu cầu thực tế của thị trường lao động. Việc triển khai tuyển sinh được thực hiện công khai, minh bạch và thống nhất theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Bộ Giáo dục và Đào tạo. Căn cứ vào quy chế tuyển sinh và để đảm bảo thực hiện nghiêm túc,

công bằng, khách quan theo quy định, Trường đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh từng nghề và xây dựng kế hoạch tuyển sinh hàng năm (2.2.01- Các công văn đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh năm học 2023-2024, 2024-2025; 2.1.02- Quy chế và Kế hoạch tuyển sinh năm học 2023-2024, 2024-2025; 2.2.02- Các công văn giao chỉ tiêu tuyển sinh năm học 2023-2024, 2024-2025; (2.2.03- Thông báo tuyển sinh năm học 2023-2024, 2024-2025).

Hình thức tuyển sinh, đối tượng, vùng tuyển, chỉ tiêu, thủ tục đăng ký, thời gian nộp hồ sơ. Toàn bộ thông tin tuyển sinh được công bố rộng rãi, rõ ràng thể hiện bằng văn bản, trên tờ rơi, trên websibe của Trường, trên các báo chí, trên cổng thông tin tuyển sinh, phổ biến tại các bảng thông báo trong khuôn viên trường. Hồ sơ đăng ký học của HS gồm: Phiếu đăng ký xét tuyển; Lý lịch HS (theo mẫu); Bản sao Giấy khai sinh; Bản sao CCCD; Bản sao học bạ, bằng tốt nghiệp THPT hoặc bản sao học bạ THPT, THCS, bằng tốt nghiệp (nếu học sinh vừa tốt nghiệp thì nộp bản sao giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời); 04 ảnh 4x6 chụp gần nhất không quá 6 tháng; giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có), giấy khám sức khỏe (2.2.04- Hồ sơ đăng ký học của HS năm 2023-2024, 2024-2025).

Nhà trường thực hiện tuyển sinh trên nguyên tắc công bằng, khách quan, không phân biệt giới tính, vùng miền, dân tộc, tôn giáo, bảo đảm quyền tiếp cận học nghề của mọi đối tượng. Các bước trong quy trình tuyển sinh như: phát hành thông tin, tiếp nhận hồ sơ, xét tuyển/trúng tuyển và nhập học đều được thực hiện đúng quy trình, có kiểm tra chéo và lưu trữ hồ sơ theo quy định (2.2.05- Quy trình tuyển sinh Trường Trung cấp Buôn Mê Thuật). Thực hiện theo kế hoạch tuyển sinh, Trường đã thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh và tổ chức họp Hội đồng tuyển sinh để triển khai công tác tuyển sinh theo kế hoạch tuyển sinh và xây dựng các thông tin về tuyển sinh đối với từng bậc, hệ (2.2.06- Các Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh và Ban thư ký năm học 2023-2024, 2024-2025; 2.2.07 - Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh năm 2023-2024, 2024-2025; 2.2.08 - Các Quyết định công nhận kết quả trúng tuyển và danh sách HS trúng tuyển năm học 2023-2024, 2024-2025; 2.2.09 - Giấy báo nhập học năm học 2023-2024, 2024-2025). Hàng năm, kết thúc công tác tuyển sinh Nhà trường dựa trên số lượng thí sinh trúng tuyển nhập học ra quyết định danh sách lớp và phân công giáo viên chủ nhiệm cho các lớp. Quy trình tuyển sinh được thực hiện đúng kế hoạch, việc rà soát đối chiếu được thực hiện thường xuyên và nghiêm túc, công bằng, khách quan. Chính vì vậy, trong suốt những năm qua không xảy ra sai sót, nhầm lẫn hay khiếu kiện về kết quả tuyển sinh (2.2.10 - Các Quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm năm học 2023-2024, 2024 - 2025; 2.2.11- Quyết định thành lập lớp năm 2023-2024, 2024-2025; (2.2.12- Báo cáo tuyển sinh năm học 2023- 2024, 2024-2025).

Trường có thành lập Đoàn thanh tra, kiểm tra các hoạt động của trường nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo trong đó có nội dung kiểm tra công tác tuyển sinh. Nội dung kiểm tra công tác tuyển sinh gồm: Công tác chuẩn bị cho công tác tuyển sinh (Thông báo

tuyển sinh; Kế hoạch, các văn bản chỉ đạo, quyết định tổ chức công tác tuyển sinh; Việc phân công, bố trí lực lượng tham gia công tác tuyển sinh; Việc chuẩn bị CSVC, công tác phục vụ cho công tác tuyển sinh); Công tác tổ chức coi thi, chấm thi (năng khiếu)); Thực hiện quy trình xét tuyển; Thực hiện ưu tiên, tuyển thẳng; Việc tổ chức công bố kết quả và triệu tập thí sinh trúng tuyển; Việc hướng dẫn thí sinh và thu nhận hồ sơ. Trong biên bản báo cáo kết quả thanh kiểm tra công tác tuyển sinh đã đánh giá công tác tuyển sinh hàng năm của trường được tổ chức triển khai đúng qui định, công bằng, khách quan và không có khiếu nại nào về công tác tuyển sinh của trường *(2.2.13- Báo cáo của bộ phận kiểm tra, giám sát về công tác tuyển sinh hàng năm của trường)*

Nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch tuyển sinh phù hợp với điều kiện thực tế, Trường khảo sát lấy ý kiến người học, nhà giáo, CBQL về hoạt động tuyển sinh của Trường hàng năm và căn cứ vào nội dung báo cáo của bộ phận kiểm tra giám sát mà xây dựng kế hoạch, đề xuất những biện pháp cải tiến hoạt động tuyển sinh phù hợp và hiệu quả hơn *(2.2.14- Các văn bản đề xuất cải tiến hoạt động tuyển sinh năm học 2023-2024, 2024-2025; 1.1.09- Bộ hồ sơ khảo sát CBQL, giáo viên, học sinh, cựu học sinh, doanh nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025 gồm: kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát, danh sách đối tượng tham gia khảo sát).*

Công tác tuyển sinh được kiểm tra, giám sát bởi các bộ phận chức năng như phòng đào tạo, ban giám hiệu và hội đồng tuyển sinh. Sau mỗi kỳ tuyển sinh, Nhà trường tổ chức đánh giá rút kinh nghiệm, phân tích số liệu, đối sánh với kế hoạch và nhu cầu tuyển sinh để đề xuất các giải pháp cải tiến phù hợp cho những năm tiếp theo. Việc thực hiện đầy đủ các khâu trong quy trình kiểm tra, giám sát và cải tiến công tác tuyển sinh thể hiện tinh thần trách nhiệm và cam kết chất lượng của Nhà trường, đồng thời góp phần từng bước nâng cao uy tín, thu hút người học và ổn định quy mô đào tạo bền vững.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 2: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2.3: Trường xây dựng, ban hành quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp. Hình thức, phương thức, phương pháp đào tạo đa dạng, phù hợp với mục tiêu, nội dung của từng chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Trung cấp Buôn Mê Thuột thực hiện nhiệm vụ đào tạo theo đúng các ngành nghề đã đăng ký và được phê chuẩn cho phép đào tạo, cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội *(1.1.06 – Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 06/GCNĐKHH-SLĐTBXH ngày 28 tháng 8 năm 2017 và số 01/2024/GCNĐKHH-SLĐTBXH ngày 17 tháng 9 năm 2024).*

Nhà trường xây dựng và ban hành đầy đủ quy chế đào tạo, kiểm tra – đánh giá, thi và xét công nhận tốt nghiệp, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Các quy chế này được phổ biến rộng rãi trong nội bộ nhà trường và là cơ sở pháp lý để tổ chức và quản lý quá trình đào tạo một cách thống nhất, minh bạch.

Quy chế đào tạo được cụ thể hóa theo từng trình độ (sơ cấp, trung cấp), ngành nghề và hình thức đào tạo (chính quy, vừa học vừa làm), trong đó quy định rõ: kế hoạch đào tạo, phân bổ thời lượng lý thuyết – thực hành – thực tập, điều kiện học lại, thi lại, nghỉ học, bảo lưu, chuyển ngành hoặc chuyển trường. Quy chế thi và xét tốt nghiệp quy định chi tiết về điều kiện dự thi, hình thức thi, tổ chức hội đồng thi và công nhận tốt nghiệp, đảm bảo công bằng và khách quan *(2.3.01- Các Quyết định ban hành Quy chế đào tạo 2024, 2025; 2.3.02- Kế hoạch đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025; 2.3.03- Các quyết định ban hành Quy chế HS Trường Trung cấp Buôn Mê Thuật).*

Công tác tổ chức thi kết thúc môn học/ mô-đun, học phần được Phòng Đào tạo và Phòng Khảo thí & ĐBCL của Trường tổ chức đúng theo quy trình, quy định ban hành, đảm bảo khách quan, nghiêm túc từ khâu lập kế hoạch, bốc đề, nhân bản đề thi, tổ chức coi thi, mỗi bài thi đều có 02 giám khảo tham gia chấm thi *(2.3.04- Quy trình tổ chức thi kết thúc môn học; 2.3.05- Lịch thi kết thúc môn học năm học 2023-2024, 2024-2025; 2.3.06- Hồ sơ bài thi, biên bản thi kết thúc môn học năm học 2023-2024, 2024-2025).* Việc xét công nhận điểm và công nhận tốt nghiệp được thực hiện đúng quy trình theo Quy chế đào tạo của Trường *(2.3.07- Quy trình xét công nhận tốt nghiệp; 2.3.08- Quyết định công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cho học sinh năm 2023-2024, 2024-2025 và danh sách kèm theo; 2.3.09- Sổ cấp bằng cao đẳng, trung cấp năm 2023-2024, 2024-2025; 2.3.10- Các quyết định ban hành Quy chế in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ văn bằng, chứng chỉ)*

Nhà trường triển khai đa dạng các hình thức, phương thức và phương pháp đào tạo, phù hợp với đặc điểm của từng ngành nghề và mục tiêu đào tạo. Hình thức đào tạo bao gồm học tập tập trung tại trường, đào tạo kết hợp với doanh nghiệp (học kỳ doanh nghiệp, thực hành nghề tại cơ sở sản xuất), đào tạo trực tuyến (E-learning), tích hợp lý thuyết – thực hành. *(2.3.11- Thời khóa biểu các môn học trực tuyến năm học 2023-2024, 2024-2025)*

Phương pháp đào tạo được đổi mới theo hướng lấy người học làm trung tâm, phát huy tính chủ động, sáng tạo như: dạy học theo dự án, mô phỏng, tình huống, tích hợp kỹ năng nghề, kết hợp giảng dạy truyền thống với công nghệ số. Việc áp dụng các phương pháp đa dạng giúp người học tiếp cận kiến thức dễ hơn, đồng thời nâng cao năng lực thực hành và khả năng thích ứng với môi trường làm việc thực tế.

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện được tổ chức linh hoạt, kết hợp giữa đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết, đảm bảo sát với chuẩn đầu ra và yêu cầu của

doanh nghiệp. Các hoạt động tổ chức kiểm tra, thi đều được kiểm soát chặt chẽ, có lưu trữ hồ sơ, đảm bảo tính nghiêm túc và khách quan

Sự thống nhất trong hệ thống quy chế và sự đa dạng trong phương thức đào tạo là nền tảng quan trọng giúp Nhà trường nâng cao chất lượng giảng dạy, quản lý hiệu quả quá trình học tập, đồng thời khẳng định cam kết đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng nghề vững chắc và đáp ứng nhu cầu xã hội.

Hàng năm, để đảm bảo độ chính xác, minh bạch và mang tính khách quan Nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến của đối tượng người học, nhà giáo, CBQL về các hoạt động đào tạo, để từ đó tiếp thu sự đóng góp, xây dựng và có giải pháp tham mưu, điều chỉnh các phương thức tổ chức hoạt động đào tạo hiệu quả hơn dần nâng cao chất lượng trong hoạt động đào tạo của Nhà trường *(1.1.09- Bộ hồ sơ khảo sát CBQL, giáo viên, học sinh, cựu học sinh, doanh nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025 gồm: kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát, danh sách đối tượng tham gia khảo sát).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 2: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2.4: Trường xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo cho từng lớp, khóa học, học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến mô-đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với hình thức đào tạo để người học đáp ứng chuẩn đầu ra.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Trung cấp Buôn Mê Thuật thực hiện nhiệm vụ đào tạo theo đúng các ngành nghề đã đăng ký và được phê chuẩn cho phép đào tạo, cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội *(1.1.06 – Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 06/GCNĐKHD-SLĐTBXH ngày 28 tháng 8 năm 2017 và số 01/2024/GCNĐKHD-SLĐTBXH ngày 17 tháng 9 năm 2024)*. Chương trình đào tạo của các ngành, nghề đã được phê duyệt, trong đó quy định rõ về kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô-đun, môn học, cụ thể cho các giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với chuẩn đầu ra *(2.1.06-Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành, nghề năm 2024, 2025; 2.1.07- Bộ các chương trình đào tạo chi tiết từng nghề 2024, 2025; 2.1.08 – Hồ sơ chuẩn đầu ra của Trường năm 2024, 2025 gồm: kế hoạch xây dựng và thẩm định chuẩn đầu ra, biên bản họp thẩm định chuẩn đầu ra, quyết định ban hành chuẩn đầu ra)*

Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo tổng thể và chi tiết cho từng khóa, từng ngành nghề, từng hình thức đào tạo theo đúng chương trình đào tạo đã được phê duyệt. Kế hoạch đào tạo được lập cho từng lớp, học kỳ và năm học, thể hiện rõ các nội dung về mô-đun/môn học, thời lượng lý thuyết – thực hành – thực tập, hình thức tổ chức giảng dạy và kiểm tra – đánh giá *(2.3.02- Kế hoạch đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025) (2.4.01-Tiến độ & kế hoạch đào tạo các ngành) ;Tiến độ và kế hoạch đào tạo ngành CNKT ô tô) . ;(Tiến độ và kế*

hoạch đào tạo ngành HDDL). ;(Tiến độ và KHĐT ngành KTCBMA). Kế hoạch đào tạo được xây dựng trên cơ sở đảm bảo tính khoa học, logic và khả thi, phù hợp với năng lực giảng dạy, cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên và điều kiện học tập thực tế của người học. Đặc biệt, kế hoạch đào tạo được thiết kế theo hướng tiếp cận chuẩn đầu ra, giúp người học phát triển đầy đủ kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động

Thực hiện kế hoạch đào tạo toàn khóa, các khoa, tổ bộ môn tổ chức phân công giảng viên phụ trách giảng dạy theo từng mô-đun/môn học một cách rõ ràng, đảm bảo đúng chuyên môn và đúng tiến độ đào tạo. Mỗi kế hoạch đào tạo đều gắn với lịch học cụ thể, được thông báo trước cho người học, giúp người học chủ động trong việc học tập và rèn luyện (2.4.02- *Kế hoạch phân công chuyên môn năm học 2023-2024, 2024-2025*; 2.4.03- *Kế hoạch giảng dạy cá nhân của giáo viên năm học 2023-2024, 2024-2025*; 2.4.04- *Thời khóa biểu năm học 2023-2024, 2024-2025*) Căn cứ vào kế hoạch đào tạo toàn khóa, kế hoạch đào tạo từng năm học, kế hoạch giảng dạy cá nhân của giáo viên, Trường đã tổ chức giảng dạy theo đúng nội dung chương trình đào tạo, kế hoạch, tiến độ đã được phê duyệt. Trong quá trình tổ chức giảng dạy, mọi sự thay đổi, điều chỉnh kế hoạch, tiến độ đào tạo đều được Ban Giám hiệu phê duyệt

Khoa và các Bộ môn chịu trách nhiệm thực hiện nội dung giảng dạy theo đúng lịch trình và nội dung quy định. Việc kiểm tra hồ sơ giảng dạy của giáo viên được thực hiện định kỳ trong mỗi học kỳ bao gồm các nội dung: Kế hoạch giảng dạy, giáo án, sổ tay giáo viên, giáo trình hoặc đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo (2.4.05-*Hồ sơ giảng dạy năm học 2023-2024, 2024-2025*; 2.4.06- *Sổ lên lớp năm học 2023-2024, 2024-2025*).

Ngoài kế hoạch lý thuyết và thực hành tại cơ sở, Nhà trường còn tổ chức kế hoạch thực tập tại doanh nghiệp, giúp người học được trải nghiệm môi trường làm việc thực tế, rèn luyện kỹ năng nghề và nâng cao khả năng thích ứng sau khi tốt nghiệp. Việc lồng ghép các học phần thực hành, thực tập và kỹ năng mềm vào kế hoạch đào tạo được triển khai bài bản, phù hợp với đặc điểm từng ngành nghề.

Hàng năm, Nhà trường đều có tổ chức lấy ý kiến của CBQL, nhà giáo, người học về kế hoạch đào tạo, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập có phù hợp với hình thức đào tạo để người học đáp ứng chuẩn đầu ra để có biện pháp cải tiến. (1.1.09 *Bộ hồ sơ khảo sát CBQL, giáo viên, học sinh, cựu học sinh, doanh nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025 gồm: kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát, danh sách đối tượng tham gia khảo sát*). Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo một cách đồng bộ, chi tiết và phù hợp là nền tảng quan trọng giúp đảm bảo chất lượng đầu ra, khẳng định uy tín của Nhà trường và nâng cao khả năng cạnh tranh của người học trên thị trường lao động.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 2: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2.5: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động hoặc các tổ chức, cá nhân trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường tổ chức các hoạt động đào tạo theo đúng mục tiêu và nội dung chương trình đào tạo đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Việc thực hiện chương trình được đảm bảo về mặt cấu trúc, nội dung, thời lượng, phân bổ giữa lý thuyết – thực hành – thực tập, cũng như phương pháp và hình thức đánh giá kết quả học tập. *(2.1.06-Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành, nghề năm 2024, 2025; 2.1.07-Bộ các chương trình đào tạo chi tiết từng nghề 2024, 2025; 2.1.08 – Hồ sơ chuẩn đầu ra của Trường năm 2024, 2025 gồm: kế hoạch xây dựng và thẩm định chuẩn đầu ra, biên bản họp thẩm định chuẩn đầu ra, quyết định ban hành chuẩn đầu ra)*

Nhà trường xây dựng kế hoạch giảng dạy chi tiết cho từng mô-đun, môn học, học kỳ và toàn khóa học, đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ giữa mục tiêu đào tạo với quá trình tổ chức dạy học. Giảng viên được phân công giảng dạy đúng chuyên môn, có trách nhiệm cập nhật nội dung bài giảng phù hợp với thực tiễn nghề nghiệp. *(2.5.01-Bộ môn Ngoại ngữ) (2.5.02-Bộ môn HDDL) (2.5.03-Bộ môn THUD) (2.5.04-Bộ môn TMĐT) (2.5.05-Bộ môn CNOT) (2.5.06-Bộ môn YHCT) (2.5.07-Bộ môn KTCBMA).*

Hàng năm, căn cứ vào tiến độ đào tạo Nhà trường đều có kế hoạch cho người học thực tập tại các cơ sở, doanh nghiệp. Khi cơ sở, doanh nghiệp có yêu cầu, Nhà trường xem xét và chủ động điều chỉnh tiến độ đưa học sinh, sinh viên đi thực tập tại cơ sở, doanh nghiệp. Sau mỗi đợt thực tập tại các cơ sở, doanh nghiệp, từng học sinh, sinh viên đều được nhận xét, đánh giá và xác nhận của các đơn vị thực tập. Trong quá trình thực tập, học tập tại cơ sở, doanh nghiệp Nhà trường có kế hoạch cụ thể cho từng lớp, bố trí giảng viên hướng dẫn *(2.5.08- Kế hoạch thực tập tốt nghiệp của từng lớp năm học 2023-2024, 2024-2025; 2.5.09- Các Quyết định về việc HS thực tập tốt nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025; 2.5.10- Danh sách giáo viên hướng dẫn HS thực tập tốt nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025; 2.5.11- Danh sách học sinh thực tập tốt nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025; 2.5.12- Đề cương thực tập thực tập tốt nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025; 2.5.13- Hồ sơ báo cáo thực tập tốt nghiệp của HS năm học 2023-2024, 2024-2025; 2.5.14 – Các hình ảnh đi thực tập, thực tế năm học 2023-2024, 2024-2025).*

Một điểm nổi bật là Nhà trường có sự phối hợp chặt chẽ với các đơn vị sử dụng lao động, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất – kinh doanh và các tổ chức, cá nhân liên quan trong việc tổ chức hoạt động thực hành – thực tập cho người học. Thông qua các hoạt động như "học kỳ doanh nghiệp", "thực tập tốt nghiệp", "trải nghiệm nghề nghiệp", người học được tiếp cận

thực tế môi trường làm việc, rèn luyện kỹ năng nghề, tác phong công nghiệp và thái độ nghề nghiệp.

Nhà trường chủ động ký kết biên bản hợp tác, hợp đồng đào tạo với các doanh nghiệp, quy định rõ trách nhiệm hai bên trong việc hướng dẫn, đánh giá, giám sát người học trong quá trình thực tập. *(2.5.15- Biên bản ghi nhớ thỏa thuận hợp tác giữa Trường Trung cấp Buôn Mê Thuật với các doanh nghiệp và đơn vị sử dụng lao động năm 2023-2024, 2024-2025)*. Đồng thời, các đơn vị phối hợp còn tham gia góp ý cải tiến chương trình đào tạo, cử chuyên gia tham gia giảng dạy hoặc hỗ trợ thiết bị – công nghệ phục vụ giảng dạy... Trong quá trình đào tạo, không chỉ tiếp nhận học sinh thực tập, các đơn vị, công ty, đơn vị tuyển dụng lao động còn liên kết với Nhà trường tiếp nhận HSSV đào tạo tại đơn vị, công ty, doanh nghiệp trên một số mô đun, môn học giúp các em có cơ hội trải nghiệm thực tế, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp *(2.5.16- Danh sách đơn vị sử dụng lao động tham gia đánh giá kết quả người học năm 2023-2024, 2024-2025; 2.5.17- Kế hoạch thực tế cơ sở năm học 2023 – 2024, 2024-2025)*.

Ngoài ra, doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình đào tạo, tham gia đánh giá kết quả học tập của HSSV qua thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp, đánh giá kết quả học tập sau kết thúc khóa thực tập *(2.5.18- Phiếu đánh giá ý thức thực tập của HSSV năm học 2023-2024, 2024-2025; 2.5.19- Các quyết định về việc thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo có sự tham gia của doanh nghiệp)*.

Việc thực hiện đào tạo gắn với thực hành – thực tập tại doanh nghiệp góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, tăng khả năng thích ứng thực tế của người học, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc giới thiệu việc làm sau tốt nghiệp. Nhà trường thường xuyên đánh giá hiệu quả hoạt động thực tập, lấy ý kiến phản hồi từ doanh nghiệp, giảng viên hướng dẫn và người học để điều chỉnh hoạt động phối hợp, hoàn thiện mô hình liên kết giữa Nhà trường và đơn vị sử dụng lao động *(1.1.09- Bộ hồ sơ khảo sát CBQL, giáo viên, học sinh, cựu học sinh, doanh nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025 gồm: kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát, danh sách đối tượng tham gia khảo sát)*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 2: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2.6: Trường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo, bao gồm cả hình thức đào tạo từ xa (nếu có).

Mô tả, phân tích, nhận định:

Bộ phận Công nghệ thông tin thuộc bộ môn Tin học và Phòng Quản lý đào tạo là đơn vị được Nhà trường giao nhiệm vụ quản trị các thiết bị CNTT (bộ phận IT), quản lý, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống Phòng máy tính, mạng LAN, WAN, Mail nội bộ, Phần mềm Quản lý đào tạo, hệ thống dự phòng, bảo mật, quyền truy cập và các phương tiện có liên quan đến hệ thống máy tính của trường để đáp ứng nhu cầu về đào tạo. Theo đó bộ phận IT chịu trách nhiệm xây

dựng kế hoạch, quản lý bảo dưỡng hệ thống CNTT, cũng như ứng dụng CNTT vào công tác giảng dạy, quản lý tổ chức đào tạo.

Trong giai đoạn 2020 – 2025, trên cơ sở kế hoạch hàng năm đã được phê duyệt Phòng Tổ Chức - Hành Chính triển khai thực hiện đầu tư về thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng cụ thể như : Đầu tư mua mới 180 bộ máy tính cấu hình cao phục vụ cho 8 phòng thực hành CNTT cũng như các ngành khác tại 4 cơ sở, Trung tâm Tin học – Ngoại ngữ cũng được đầu tư 01 phòng máy đạt tiêu chuẩn quốc tế đáp ứng yêu cầu thi chứng chỉ Cambridge [\(2.6.01-Hợp đồng mua sắm trang thiết bị\)](#); Hóa đơn mua máy tính để bàn các thiết bị CNTT 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7), ngoài ra còn trang bị thêm 02 Cloud Server phục vụ cho việc lưu trữ dữ liệu quản lý phần mềm đào tạo cũng nhưng thi online của Nhà trường [\(2.6.02-Máy chủ cloud\)](#), [\(2.6.03-Gia hạn hợp đồng máy chủ Cloud\)](#) mua mới 14 Tivi [\(2.6.01-Hợp đồng mua sắm trang thiết bị\)](#). Hiện nay nhà trường đang đầu tư nghiên cứu giảng dạy trên hệ thống MS Team phục vụ nhu cầu đào tạo [\(2.6.04-Kế hoạch triển khai số hoá\)](#); Trang bị phần mềm quản lý đào tạo tin chỉ Eduman và Thi trắc Nghiệm LMS [\(2.6.05-Phần mềm quản lý đào tạo EdumanUni\)](#) [\(2.6.06-Phần mềm tổ chức thi trực tuyến LMS\)](#) và phần mềm quản lý tài chính kế toán với Công ty cổ phần MISA, thiết kế, nâng cấp website theo từng năm.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 2: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2.7: Hàng năm, trường có kế hoạch và tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động dạy, học theo đúng kế hoạch. Thực hiện biện pháp điều chỉnh kịp thời các hoạt động dạy và học theo đề xuất của báo cáo kiểm tra, giám sát để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học là một trong những khâu quan trọng trong quản lý đào tạo nhằm đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả của quá trình giảng dạy – học tập. Nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm, được phê duyệt bởi ban giám hiệu, phân công cụ thể cho các phòng, ban và đơn vị chuyên môn thực hiện [\(2.7.01-Thông báo dự giờ, thao giảng, bồi dưỡng chuyên môn\)](#).

Trường cũng có cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch đào tạo và định kỳ rà soát, điều chỉnh khi cần thiết để đảm bảo hiệu quả và phù hợp với thực tiễn. Việc thực hiện kế hoạch đào tạo được lưu trữ đầy đủ, có minh chứng rõ ràng, phục vụ tốt cho công tác kiểm tra nội bộ, đánh giá ngoài và kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Hàng năm, Phòng đào tạo phối hợp với các khoa thực hiện dự giờ theo kế hoạch kiểm tra giám sát chuyên môn nhà giáo. Sau các tiết dự giờ, đều được tổ chức đóng góp để rút kinh nghiệm chung cho tất cả giảng viên. Kết quả đánh giá dự giờ từng học kỳ đều được Phòng đào tạo tổng kết và báo cáo về cho Trường [\(2.7.02- Hồ sơ dự giờ năm 2023-2024, 2024-2025 gồm: Kế hoạch dự giờ, Lịch](#)

dự giờ giáo viên, Biên bản dự giờ; Hồ sơ bài giảng tiết dự giờ năm học, Báo cáo công tác dự giờ).

Hoạt động kiểm tra, giám sát được triển khai định kỳ theo từng học kỳ hoặc đột xuất, tập trung vào các nội dung như: thực hiện kế hoạch giảng dạy, chất lượng bài giảng, phương pháp giảng dạy, sự chuẩn bị của giảng viên và người học, tình hình chuyên cần, tiến độ giảng dạy, thực hiện chương trình đào tạo, chất lượng thực hành – thực tập ([2.7.03-Thông báo kiểm tra hồ sơ chuyên môn](#)). Phương pháp giảng dạy, các bước tổ chức lớp học trong quá trình giảng dạy của giảng viên đều thể hiện rõ trong giáo án khi lên lớp. Bên cạnh đó, công tác lên lớp hằng ngày của giảng viên được Phòng đào tạo kiểm tra thường xuyên nhằm đảm bảo giảng viên giảng dạy đúng tiến độ, chương trình đào tạo, lịch giảng ([2.7.04- Hồ sơ kiểm tra hoạt động chuyên môn \(kế hoạch, biên bản, báo cáo\) năm học 2023-2024, 2024-2025](#))

Kết quả kiểm tra, giám sát được tổng hợp thành báo cáo có nhận xét, đánh giá và kiến nghị cụ thể, từ đó làm căn cứ cho việc điều chỉnh, bổ sung, cải tiến hoạt động dạy và học. Nhà trường thực hiện các biện pháp điều chỉnh kịp thời, có thể bao gồm: phân công lại giảng viên, thay đổi phương pháp giảng dạy, bổ sung học liệu, tăng cường kiểm tra nội bộ, tổ chức lớp phụ đạo hoặc hướng dẫn thêm cho người học ([2.7.05- Báo cáo kiểm tra, giám sát và đề xuất cải tiến các hoạt động Trường Trung cấp Buôn Mê Thuật năm học 2023-2024, 2024-2025; 2.7.06-Các biện pháp điều chỉnh kịp thời các hoạt động dạy và học theo đề xuất của báo cáo kiểm tra, giám sát; 2.7.07-Các văn bản thể hiện kết quả rà soát quy định về nội dung, tổ chức và hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát trong Trường Trung cấp Buôn Mê Thuật năm 2024, 2025](#)).

Ngoài ra, Nhà trường còn sử dụng phản hồi từ người học, giảng viên, cố vấn học tập và doanh nghiệp như một kênh giám sát bổ sung, nhằm phát hiện kịp thời những vấn đề phát sinh trong quá trình giảng dạy và học tập ([1.1.09- Bộ hồ sơ khảo sát CBQL, giáo viên, học sinh, cựu học sinh, doanh nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025 gồm: kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát, danh sách đối tượng tham gia khảo sát](#))

Việc duy trì và cải tiến thường xuyên hoạt động kiểm tra – giám sát giúp Nhà trường nâng cao chất lượng đào tạo một cách thực chất, đảm bảo các hoạt động giảng dạy diễn ra đúng định hướng chương trình, phát hiện và xử lý kịp thời các sai sót, góp phần xây dựng môi trường học tập kỷ cương, chuyên nghiệp và hiệu quả ([2.7.08-Thông báo tham gia các hoạt động thi đua, phong trào năm 2023-2024, 2024-2025](#)).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 2: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2.8: Các hình thức, phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của người học được thiết kế phù hợp; được rà soát, đánh giá, cải tiến để bảo đảm độ chính xác, công bằng, khách quan và định hướng người học đạt chuẩn đầu ra.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định công tác đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của người học là một trong những thành tố cốt lõi bảo đảm chất lượng đào tạo. Các hình thức, phương pháp và công cụ đánh giá được thiết kế phù hợp với từng mô-đun, môn học, đặc điểm ngành nghề và trình độ đào tạo, trên cơ sở bám sát chuẩn đầu ra đã được xác định trong chương trình đào tạo.

Nhà trường tổ chức đa dạng hóa các hình thức đánh giá, bao gồm: đánh giá quá trình (chuyên cần, bài tập, tiểu luận, thuyết trình), đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ; kiểm tra thực hành, thực tập, bài thi lý thuyết, bài thi kỹ năng nghề. Các công cụ đánh giá như đề kiểm tra, bảng kiểm, rubrics chấm điểm,... được xây dựng khoa học, rõ ràng, có hướng dẫn đánh giá cụ thể nhằm đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch trong quá trình chấm điểm và được thực hiện theo đúng quy trình thi, kiểm tra kết thúc môn học. *(2.3.04- Quy trình tổ chức thi kết thúc môn học; 2.3.05- Lịch thi kết thúc môn học năm học 2023-2024, 2024-2025; 2.3.06- Hồ sơ bài thi, biên bản thi kết thúc môn học năm học 2023-2024, 2024-2025)*. Việc thiết kế và sử dụng phương pháp – công cụ đánh giá được kiểm tra, rà soát và cải tiến định kỳ, có sự tham gia của tổ chuyên môn, phòng đào tạo và bộ phận khảo thí nhằm đảm bảo độ chính xác và hiệu lực đánh giá. Nhà trường cũng từng bước ứng dụng CNTT trong xây dựng ngân hàng câu hỏi, đề thi trắc nghiệm, chấm thi trực tuyến, đánh giá qua phần mềm LMS, góp phần nâng cao tính minh bạch và tự động hóa quá trình kiểm tra – đánh giá. *(2.8.01-Ngân hàng câu hỏi thi, kiểm tra Bộ môn Ngoại ngữ) (2.8.02-Ngân hàng câu hỏi thi, kiểm tra Bộ môn kỹ thuật chế biến món ăn) (2.8.03-Ngân hàng câu hỏi thi, kiểm tra Bộ môn CNOT) (2.8.04-Bộ môn HDDL) (2.8.05-Ngân hàng câu hỏi thi Bộ môn THUD) (2.8.06-Ngân hàng câu hỏi thi Bộ môn TMĐT) (2.8.07-Ngân hàng câu hỏi thi Bộ môn YHCT)*.

Đối với kết quả rèn luyện, Nhà trường áp dụng hệ thống đánh giá theo điểm rèn luyện kết hợp giữa tự đánh giá, đánh giá của cố vấn học tập, giáo viên bộ môn và tổ chức đoàn thể, nhằm phản ánh đúng tinh thần học tập, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm và kỹ năng mềm của người học. Hàng năm, Nhà trường ban hành quy chế làm việc của hội đồng thi đua, khen thưởng, kỷ luật và xét, cấp học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên. Nhà trường tổ chức họp xét công nhận kết quả rèn luyện và có quyết định công nhận kết quả rèn luyện cho HSSV theo từng học kỳ *(2.8.08- Quyết định ban hành Quy chế làm việc của hội đồng thi đua, khen thưởng, kỷ luật và xét, cấp học bổng khuyến khích học tập đối với HSSV; 2.8.09- Biên bản họp xét kết quả rèn luyện năm học năm học 2023-2024, 2024-2025; 2.8.10- Biên bản xét kết quả học tập từng kỳ của HSSV năm học năm học 2023-2024, 2024-2025)*.

Hàng năm, trường rà soát và bổ sung chỉnh sửa quy định tổ chức thi, xét công nhận tốt nghiệp theo Thông tư mới ban hành và ban hành lại cho phù hợp với quy định hiện hành và

thực tiễn hoạt động của Trường *(2.8.11- Kế hoạch rà soát, bổ sung các Quy định, Quy chế cần thiết lập tại Trường Trung cấp Buôn Mê Thuật năm 2024, 2025; 2.8.12-Báo cáo kết quả rà soát, bổ sung các Quy chế, Quy định cần thiết lập tại Trường Trung cấp Buôn Mê Thuật năm 2024, 2025; 2.8.13- Kế hoạch và Báo cáo kết quả rà soát đánh giá các quy định về thi kết thúc môn, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, cấp văn bằng chứng chỉ năm 2024, 2025; 2.8.14- Kế hoạch và Báo cáo kết quả rà soát đánh giá các quy định về đánh giá kết quả rèn luyện HSSV năm 2024, 2025; 2.7.05- Báo cáo kiểm tra, giám sát và đề xuất cải tiến các hoạt động Trường Trung cấp Buôn Mê Thuật năm học 2023-2024, 2024-2025; 2.7.06-Các biện pháp điều chỉnh kịp thời các hoạt động dạy và học theo đề xuất của báo cáo kiểm tra, giám sát; 2.7.07-Các văn bản thể hiện kết quả rà soát Quy định về nội dung, tổ chức và hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát trong Trung cấp Buôn Mê Thuật năm 2024, 2025)*

Hàng năm, Nhà trường thực hiện khảo sát nhà giáo, CBQL về việc thực hiện công tác tổ chức, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học *(1.1.09- Bộ hồ sơ khảo sát CBQL, giáo viên, học sinh, cựu học sinh, doanh nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025 gồm: kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát, danh sách đối tượng tham gia khảo sát)* và có báo cáo tổng hợp ý kiến, từ đó, phòng Khảo thí & ĐBCL đề xuất các biện pháp nghiên cứu, đánh giá, điều chỉnh kịp thời công tác tổ chức, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học. *(2.8.15 - Các biện pháp cải tiến các hình thức, phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của người học)*

Kết quả đánh giá được lưu trữ đầy đủ, báo cáo định kỳ, đồng thời sử dụng làm cơ sở để phân loại kết quả học tập, xét học bổng, khen thưởng, xét tốt nghiệp và tư vấn hướng nghiệp cho người học. Việc thực hiện đánh giá bài bản, công bằng và gắn với chuẩn đầu ra góp phần định hướng người học phát triển toàn diện về năng lực chuyên môn và phẩm chất nghề nghiệp, đồng thời khẳng định cam kết chất lượng đào tạo của Nhà trường với xã hội.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 2: 02 điểm

3.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:

Mở đầu:

Qua từng giai đoạn phát triển, trường đã xây dựng, đào tạo và bồi dưỡng được đội ngũ giáo viên trực tiếp giảng dạy và cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn cao, có trình độ quản lý tốt. Đặc biệt, Ban giám hiệu rất quan tâm đến việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, nghiệp vụ quản lý cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý cấp phòng, khoa, bộ môn. Việc đề bạt cán bộ được tuyển chọn và thực hiện đúng Quy trình Thủ tục hiện hành và có Chính sách hỗ trợ bồi dưỡng nâng cao trình độ về mọi mặt. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đáp ứng được yêu cầu công việc của Nhà trường. Đây chính là nguồn lực đóng góp rất lớn

vào việc nâng cao chất lượng đào tạo giúp nhà trường ngày càng phát triển chất lượng đào tạo.

** Những điểm mạnh:*

Công tác tổ chức cán bộ tại đơn vị như: tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng ...được thực hiện theo quy định, đảm bảo công bằng, khách quan. Đội ngũ giáo viên đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, kỹ năng thực hành, ngoại ngữ và tin học theo quy định, tỷ lệ học sinh/giáo viên đảm bảo theo quy định, trong đó đa số giáo viên dạy được cả lý thuyết và thực hành; Cán bộ, giáo viên tích cực học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ về chuyên môn, tham gia nghiên cứu khoa học; Hiệu trưởng của trường có kinh nghiệm trong lĩnh vực đào tạo nghề, năng lực và phẩm chất đạo đức tốt, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý hiện tại của Nhà trường và được cán bộ, giáo viên, công nhân viên tin nhiệm cao.

** Những tồn tại:* Đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn không đồng đều.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Xây dựng và đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút người có phẩm chất, năng lực tốt về công tác tại Trường và tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích cán bộ, giáo viên, nhân viên đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ.

Tiếp tục cử cán bộ quản lý, viên chức và người lao động đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ lý luận chính trị. Xây dựng quy hoạch và tạo điều kiện cho giáo viên đăng ký đào tạo sau đại học.

Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để đội ngũ giảng viên Nhà trường được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề phù hợp với ngành nghề giảng dạy và yêu cầu về chuyên môn để giảng dạy thực hành.

Tuyên truyền để người lao động nâng cao ý thức chấp hành nội quy, quy định của nhà trường; xây dựng các tiêu chí để đưa vào đánh giá, phân loại, khen thưởng cuối năm học; nghiêm khắc xử lý các cá nhân vi phạm.

Điểm đánh giá tiêu chí 3

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	14
Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	02
Tiêu chuẩn 3	02
Tiêu chuẩn 4	02
Tiêu chuẩn 5	02
Tiêu chuẩn 6	02
Tiêu chuẩn 7	02

Tiêu chuẩn 3.1: Quy trình tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý của trường được ban hành và đưa vào áp dụng; hằng năm được rà soát, đánh giá để cải tiến.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có ban hành các quy định về công tác tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động theo quy định, cụ thể:

Tuyển dụng: Để thực hiện tốt công tác tuyển dụng, Nhà trường đã thực hiện đúng theo quy định cấp trên, có ban hành quy trình về tuyển dụng cán bộ nhà giáo, nhân viên dựa theo các quy định trong Luật lao động, Thông tư hướng dẫn của Bộ Lao động TB&XH, Điều lệ trường cao đẳng. Nhà trường đã ban hành các kế hoạch, thông báo tuyển dụng giảng viên, nhân viên công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và thực hiện theo Quy trình tuyển dụng được Hiệu trưởng ban hành, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, dựa trên nhu cầu đào tạo và chiến lược phát triển của nhà trường. [\(3.1.01-Quy trình tuyển dụng\)](#).

(3.1.02- Hồ sơ tuyển dụng: kế hoạch tuyển dụng, thông báo tuyển dụng, phiếu đăng ký dự tuyển giáo viên, nhân viên năm 2024, 2025). Kết quả tuyển dụng được công bố công khai và Trường cũng có bộ phận kiểm tra, giám sát công tác tuyển dụng để đảm bảo tính công khai, minh bạch. *(3.1.03 - Các quyết định công nhận kết quả tuyển dụng viên chức của Trường Trung cấp Buôn Mê Thuột năm 2024, 2025; 3.1.04 – Các quyết định ban hành Quy định về tuyển dụng, sử dụng, đào tạo bồi dưỡng Trường Trung cấp Buôn Mê Thuột; 3.1.05-Báo cáo công tác kiểm tra, giám sát kết quả tuyển dụng giáo viên, nhân viên năm 2024, 2025)*

Quy hoạch đội ngũ: Trường xây dựng kế hoạch quy hoạch, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý theo từng giai đoạn 5 năm và cập nhật hằng năm, căn cứ vào nhu cầu đào tạo, số lượng ngành nghề và yêu cầu chuẩn chức danh nghề nghiệp [\(3.1.06-Quy hoạch đội ngũ\)](#). Công tác tổ chức cán bộ, quản lý nhân sự là yếu tố quan trọng và cơ bản trong hệ thống quản lý của Trường Trung cấp Buôn Mê Thuột, giúp thực hiện công tác quy hoạch một cách nghiêm túc, đúng tiêu chuẩn theo quy định, phù hợp với điều kiện của Nhà trường. Nhà trường đã có đầy đủ văn bản quy định và thực hiện đúng quy định quy hoạch về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại *(3.1.07-Quy trình quy hoạch, bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý; 3.1.08 - Các Quyết định ban hành Quy định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Trường Trung cấp Buôn Mê Thuột; 3.1.09-Kế hoạch thực hiện công tác quy hoạch viên chức lãnh đạo, quản lý các đơn vị thuộc Trường Trung cấp Buôn Mê Thuột, nhiệm kỳ 2020-2025 và giai đoạn 2025-2030; 3.1.10- Các Quyết định về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý phòng, khoa, bộ môn, trung tâm; 3.1.11- Danh sách trích ngang cán bộ quản lý năm 2024, 2025).*

Đào tạo, bồi dưỡng: Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý, tổ chức các lớp tập huấn nội bộ và cử cán bộ, giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng do cơ quan quản lý cấp trên tổ chức về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng mềm và chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp (*3.1.12-Đào tạo bồi dưỡng*). Nhằm thực hiện tốt quy định về công tác bồi dưỡng thường xuyên và nâng cao năng lực cho CBQL, giáo viên và nhân viên của Nhà trường, căn cứ vào tình hình thực tế của Nhà trường và địa phương, Trường đã xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nhà giáo, CBQL và nhân viên (*3.1.13: Quy trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ CBQL, nhà giáo, viên chức, NLD ; 3.1.14 – Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2024, 2025; 3.1.15-Quyết định cử viên chức đi học tập, bồi dưỡng năm 2024, 2025*)

Hàng năm, Trường tổ chức đánh giá, phân loại đối với cán bộ, nhà giáo, nhân viên để xếp loại thi đua, bình xét khen thưởng và là cơ sở bố trí, sử dụng, quy hoạch, đề bạt, đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện chính sách với cán bộ, nhà giáo, nhân viên theo quy định và yêu cầu nhiệm vụ của Nhà trường (*3.1.16- Quy trình đánh giá phân loại CBQL, nhà giáo, viên chức, NLD; 3.1.17 – Quyết định về việc Ban hành Quy định Thi đua – Khen thưởng Trường Trung cấp Buôn Mê Thuột; 3.1.18 – Hướng dẫn đánh giá cán bộ, nhà giáo, nhân viên và bình xét thi đua các năm học 2023-2024, 2024-2025; 3.1.19 – Quyết định về việc ban hành quy định đánh giá, xếp loại chuyên môn nghiệp vụ của nhà giáo Trường Trung cấp Buôn Mê Thuột; 3.1.20- Biên bản họp đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động các năm học 2023-2024, 2024-2025*). Sau khi Trường tổ chức đánh giá, phân loại cán bộ, giảng viên, nhân viên sẽ thông báo kết quả đánh giá xếp loại cán bộ, giáo viên, nhân viên đến toàn trường.). Hàng năm đều có đánh giá và báo cáo kết quả (*3.1.21 – Thông báo đánh giá, xếp loại cán bộ, giảng viên, nhân viên năm học 2023-2024, 2024-2025; 3.1.22– Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ năm học 2023-2024, 2024-2025*);

Rà soát, đánh giá cải tiến: Cuối mỗi năm học, Nhà trường tổ chức họp tổng kết, đánh giá công tác nhân sự, bao gồm việc rà soát quy trình tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch đội ngũ. Dựa trên kết quả đánh giá để đề ra các phương án điều chỉnh, bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đội ngũ. Và để công tác tuyển dụng, quy hoạch, bồi dưỡng nhà giáo, CBQL hiệu quả, phù hợp điều kiện thực tế của Nhà trường, hàng năm Trường tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy trình đảm bảo chất lượng cũng như đưa ra các biện pháp cải tiến về công tác tuyển dụng, quy hoạch, bồi dưỡng nhà giáo, CBQL theo hướng dẫn của cấp trên, đáp ứng nhiệm vụ chính trị của Trường (*1.3.14- Kế hoạch và báo cáo rà soát, cải tiến các quy trình đảm bảo chất lượng 2024, 2025*). Căn cứ vào Hướng dẫn quy hoạch CBQL của Hội đồng trường và căn cứ tình hình thực tế của Nhà trường về công tác quy hoạch, rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ, Trường đã thực hiện quy hoạch theo đúng quy định đã đề ra, đội ngũ cán bộ đã được quy hoạch đều đảm bảo theo các tiêu chuẩn quy định, có phẩm chất chính trị

vững vàng, được thử thách rèn luyện qua thực tiễn công tác và trình độ chuyên môn nghiệp vụ ngày càng được nâng cao (3.1.23 – *Quyết định phê duyệt danh sách rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2022-2027, 2026-2031*). Để đánh giá mức độ hài lòng của CBQL, giáo viên, nhân viên về công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, Trường tiến hành khảo sát ý kiến của đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên (1.1.09- *Bộ hồ sơ khảo sát CBQL, giáo viên, học sinh, cựu học sinh, doanh nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025 gồm: kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát, danh sách đối tượng tham gia khảo sát*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 3: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3.2: Trường thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động. Hằng năm, trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột luôn quan tâm thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động theo quy định của pháp luật.

Chính sách tiền lương, bảo hiểm và các chế độ phúc lợi: Nhà trường thực hiện chi trả đầy đủ tiền lương, các khoản phụ cấp và đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho đội ngũ theo đúng quy định hiện hành. Thực hiện chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, nghỉ tết, chế độ thai sản, ốm đau theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn (3.2.01-Bảng lương và bảo hiểm) (3.2.02-Các chế độ lương thưởng và phúc lợi). Trường có xây dựng và ban hành các quyết định quy định về định mức làm việc của giáo viên, cũng như các định mức hỗ trợ, phụ cấp cho các ngành nghề độc hại nguy hiểm (3.2.03-Các quyết định ban hành Quy định chế độ, định mức làm việc đối với nhà giáo GDNN Trường Trung cấp Buôn Mê Thuột; 3.2.04 - Các quy định thực hiện chính sách, chế độ cho nhà giáo, CBQL, nhân viên Trường Trung cấp Buôn Mê Thuột; 3.2.05-Danh sách các ngành nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trình độ trung cấp đang đào tạo tại trường 3.2.06-Quyết định quy định các mô đun được tính chế độ nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trình độ trung cấp)

Chế độ thi đua, khen thưởng: Hằng năm, Nhà trường tổ chức xét thi đua, khen thưởng nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động có thành tích xuất sắc, đúng quy trình quy định (3.2.07-Quy chế thi đua khen thưởng). (3.1.17 – *Quyết định về việc Ban hành Quy định Thi đua – Khen thưởng Trường Trung cấp Buôn Mê Thuột*; 3.1.18 – *Hướng dẫn đánh giá cán bộ, nhà giáo, nhân viên và bình xét thi đua các năm học 2023-2024, 2024-2025*)

Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ: Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo mỗi năm theo đúng quy trình, nhằm chuẩn hóa theo quy định về tiêu chuẩn chức danh và nâng

cao chất lượng chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp. Kế hoạch được lập, trình Hiệu trưởng phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện (3.2.08-Kế hoạch đào tạo đội ngũ giáo viên). (3.1.13: Quy trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ CBQL, nhà giáo, viên chức, NLD; 3.1.14 – Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2024, 2025; 3.1.15-Quyết định cử viên chức đi học tập, bồi dưỡng năm 2024, 2025)

Mức độ hài lòng của CBQL, giáo viên, nhân viên về các chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động được Trường tiến hành khảo sát ý kiến để có kế hoạch cải tiến, nâng cao chính sách và chế độ cho CBQL, giáo viên, NLD (1.1.09- Bộ hồ sơ khảo sát CBQL, giáo viên, học sinh, cựu học sinh, doanh nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025 gồm: kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát, danh sách đối tượng tham gia khảo sát).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 3: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác, bảo đảm về số lượng, cơ cấu ngành, nghề đáp ứng yêu cầu đào tạo của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột xác định đội ngũ nhà giáo là nhân tố quyết định chất lượng đào tạo, do đó luôn chú trọng xây dựng đội ngũ đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo đúng quy định.

Đạt chuẩn trình độ đào tạo: 100% nhà giáo giảng dạy tại trường có trình độ từ cao đẳng trở lên, phù hợp với ngành nghề đào tạo; trong đó, tỷ lệ nhà giáo có trình độ đại học và sau đại học ngày càng tăng. Nhà giáo dạy lý thuyết chuyên môn có bằng cấp đúng chuyên ngành (3.3.01-Danh sách trích ngang giáo viên Trường Trung cấp Tây Nguyên).

Đạt chuẩn về nghiệp vụ sư phạm: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đều có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm theo yêu cầu của giáo dục nghề nghiệp (3.3.02-Hồ sơ giáo viên).

Cơ cấu ngành, nghề: Nhà trường tổ chức đào tạo các ngành Tin học ứng dụng, Thương mại điện tử, Du lịch, Kỹ thuật chế biến món ăn, Công nghệ kỹ thuật ô tô, Tiếng Anh, Tiếng Trung, Y học cổ truyền. Đội ngũ nhà giáo sắp xếp hợp lý theo cơ cấu ngành nghề, đáp ứng yêu cầu khung chương trình đào tạo đã xây dựng. Căn cứ danh sách HS trúng tuyển và tình hình nhập học của HS, Nhà trường tiến hành phân lớp cho HS và danh sách lớp này được duy trì đến cuối khóa học (3.3.03- Sĩ số HS từng nghề năm học 2023-2024, 2024-2025; 3.3.04- Danh sách HS từng lớp năm học 2023-2024, 2024-2025) và so với số HS qui đổi trong Quy định chế độ làm việc của nhà giáo, Trường đảm bảo tỉ lệ HSSV/giảng viên theo đúng quy định cụ thể:

Năm	Tổng số HSSV quy đổi	Tổng số Giáo viên quy đổi	Tỉ lệ HSSV/Giáo viên
Năm học 2023 - 2024	864	56	15,43
Năm học 2024 - 2025	1543	104	14,83

Nhà trường luôn thực hiện nghiêm quy định về tỷ lệ HSS/ giảng viên (*3.3.05- Thống kê số lượng giảng viên quy đổi năm 2024, 2025; 3.3.06- Thống kê số lượng HS quy đổi năm 2024, 2025; 3.3.07- Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo năm 2024, 2025*). (*3.3.08- Kế hoạch bố trí giảng dạy theo từng ngành nghề*) (*3.3.09-Báo cáo thống kê cơ cấu đội ngũ nhà giáo hàng năm*).

Công tác tuyển dụng, bổ sung nhà giáo: Nhà trường thường xuyên tuyển dụng, hợp đồng giảng viên thỉnh giảng để bảo đảm đủ số lượng giảng viên cho từng ngành nghề đào tạo, đặc biệt ở các môn chuyên ngành (*3.3.10-Thông báo tuyển dụng*) (*3.3.11-Hồ sơ giáo viên thỉnh giảng*).

Chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy tại trường được phòng Tổ chức – Hành chính quản lý theo dõi qua bảng thống kê như sau:

+ Văn bằng chuyên môn:

TT	Vị trí việc làm	Chia theo trình độ				
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	ĐH	CĐ	TC
1	Giáo viên cơ hữu	0	6	30	9	10

+ Chứng chỉ sư phạm:

TT	Vị trí việc làm	NVSP
1	Giáo viên cơ hữu	55

+ Trình độ tin học:

TT	Vị trí việc làm	Trình độ A/Chứng nhận của Trường	Trình độ B	Ứng dụng CNTT Cơ bản	Ứng dụng CNTT Nâng cao	Đại học
1	Giáo viên cơ hữu	0	0	46	0	9

- Trình độ ngoại ngữ:

TT	Vị trí việc làm	Chứng nhận của Trường	A1	A2	B1	B2	Đại học	Thạc sĩ
1	Giáo viên cơ hữu	0	0	19	20	6	10	0

Hàng năm, Nhà trường tổ chức thực hiện khảo sát ý kiến của nhà giáo, CBQL về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nhằm lấy ý kiến khách quan để có cơ sở đánh giá và xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên (*1.1.09- Bộ hồ sơ khảo sát CBQL, giáo viên, học sinh, cựu học sinh, doanh nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025 gồm: kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát, danh sách đối tượng tham gia khảo sát*).

Như vậy, Căn cứ theo Nghị định số 140/2018/NĐ-CP, ngày 08/10/2018 và Nghị định số 24/2022/NĐ-CP, ngày 06/4/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi nghề đào tạo theo quy định, đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác, bảo đảm về số lượng, cơ cấu ngành, đáp ứng được nhu cầu đào tạo của Trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 3: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu, yêu cầu của chương trình đào tạo và thực hiện các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột tổ chức đào tạo các ngành nghề theo đúng quy định hiện hành. Các giáo viên tham gia giảng dạy đều cam kết và thực hiện giảng dạy theo đúng nội dung, mục tiêu, yêu cầu của chương trình đào tạo được nhà trường ban hành.

Giảng dạy đúng chương trình đào tạo: 100% giáo viên của Trường giảng dạy theo chuẩn đầu ra, nội dung, thời lượng từng môn học/mô-đun được quy định trong chương trình đào tạo đã được phê duyệt. Trước mỗi học kỳ, các giáo viên đều xây dựng kế hoạch bài giảng, giáo án chi tiết, trình Phòng Quản lý đào tạo thẩm định và phê duyệt (*3.4.01-Báo cáo xếp loại thi đua hàng tháng*). (*2.4.02- Kế hoạch phân công chuyên môn năm học 2023-2024, 2024-2025; 2.4.03- Kế hoạch giảng dạy cá nhân của giáo viên năm học 2023-2024, 2024-2025; 2.4.04- Thời khóa biểu năm học 2023-2024, 2024-2025; 2.4.05-Hồ sơ giảng dạy năm học 2023-2024, 2024-2025; 2.4.06- Sổ lên lớp năm học 2023-2024, 2024-2025*)

Thực hiện quy định về tổ chức đào tạo: Giáo viên thực hiện đầy đủ quy chế chuyên môn: lên lớp đúng giờ, ghi chép đầy đủ sổ đầu bài, tổ chức kiểm tra, đánh giá đúng tiến độ. Tuân thủ quy định về kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ và đánh giá kết quả học tập của học viên theo đúng quy định nội bộ và quy chế đào tạo hiện hành (*3.4.02-Quy định về tổ chức đào tạo*).

Giám sát và hỗ trợ: Phòng Quản lý Đào tạo thường xuyên dự giờ, kiểm tra giáo án, kiểm tra việc thực hiện quy chế chuyên môn. Kết quả giám sát được ghi nhận và sử dụng làm

căn cứ đánh giá chất lượng giảng dạy hàng năm ([2.7.01-Thông báo dự giờ,thao giảng,bồi dưỡng chuyên môn](#)) ([2.7.03-Thông báo kiểm tra hồ sơ chuyên môn](#)).

Ứng dụng công nghệ trong giảng dạy: Giáo viên từng bước ứng dụng CNTT, phần mềm hỗ trợ giảng dạy, đặc biệt trong các môn lý thuyết và thực hành mô phỏng. Để hỗ trợ giáo viên, Nhà trường có mua các phần mềm ứng dụng CNTT cho việc giảng dạy ([3.4.03-Ứng dụng công nghệ trong giảng dạy](#)).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 3: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3.5: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột xác định đội ngũ nhà giáo là nhân tố quyết định chất lượng đào tạo, vì vậy Nhà trường luôn quan tâm, xây dựng và thực hiện các chính sách, biện pháp nhằm khuyến khích đội ngũ nhà giáo học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, cụ thể:

Chính sách hỗ trợ, khuyến khích học tập: Nhà trường có quy định hỗ trợ một phần kinh phí cho nhà giáo tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, công nghệ thông tin, ngoại ngữ. Nhà giáo đạt thành tích học tập, bồi dưỡng tốt được biểu dương, ưu tiên xét thi đua, khen thưởng hàng năm ([3.5.01-Các chính sách hỗ trợ của nhà trường](#)).

Các biện pháp khuyến khích bồi dưỡng: Thường xuyên cử nhà giáo tham gia các lớp tập huấn chuyên môn, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, hội thảo chuyên đề do các cơ quan chuyên môn tổ chức; khuyến khích nhà giáo tự học, tự nghiên cứu tài liệu, đổi mới phương pháp giảng dạy, áp dụng công nghệ mới vào bài giảng ([3.5.02-Các biện pháp bồi dưỡng](#)).

Thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy: Các nhà giáo chủ động đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường ứng dụng CNTT, mô phỏng thực hành trong quá trình giảng dạy. Nhà trường tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo tổ bộ môn để chia sẻ kinh nghiệm đổi mới phương pháp giảng dạy ([3.5.03-Các kế hoạch đổi mới phương pháp giảng dạy](#)).

Trên cơ sở đó Phòng Tổ chức – hành chánh báo cáo kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của giáo viên toàn Trường hàng năm như sau:

TT	Nội dung	2023-2024	2024-2025
1. Kết quả đào tạo			
1	Tiến sĩ		
2	Thạc sĩ		
3	Đại học		

2. Kết quả bồi dưỡng			
1	Bồi dưỡng chính trị hệ		
2	Bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng – an ninh		
3	Bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý cơ sở GDNN		
4	Bồi dưỡng cập nhật kiến thức về phòng, chống dịch Covid-19 cho CBGVNV		
5	Bồi dưỡng nhà giáo thực tập tại doanh nghiệp		
6	Chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản Bồi dưỡng ứng dụng CNTT		
7	Chứng chỉ ứng dụng CNTT nâng cao		
8	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm		
9	Bồi dưỡng ngoại ngữ		
10	Bồi dưỡng kỹ năng mềm, Hội nghị liên kết kỹ năng nghề; bồi dưỡng kiến thức nền tảng để hình thành các ý tưởng khởi nghiệp.		

Nhà trường thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho giảng viên nhằm khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. Ngoài ra Nhà trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến của cán bộ, giảng viên để có căn cứ điều chỉnh bổ sung cơ chế chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy (1.1.09 – *Bộ hồ sơ khảo sát CBQL, giáo viên, học sinh, cựu học sinh, doanh nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025 gồm: kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát, danh sách đối tượng tham gia khảo sát*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 3: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo định kỳ được học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo yêu cầu đặc thù của ngành, nghề đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột thường xuyên tổ chức và cử nhà giáo tham gia các hoạt động học tập, bồi dưỡng, thực tập nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu đặc thù của từng ngành, nghề đào tạo.

Kế hoạch bồi dưỡng, cập nhật kiến thức: Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho nhà giáo, trong đó ưu tiên các nội dung cập nhật kiến thức mới, công nghệ mới phù hợp với yêu cầu ngành, nghề đào tạo. Nhà trường liên hệ với

các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, đơn vị chuyên ngành để tổ chức cho nhà giáo đi thực tập, cập nhật thực tiễn sản xuất ([3.5.02-Các biện pháp bồi dưỡng](#)) ([3.5.03-Các kế hoạch đổi mới phương pháp giảng dạy](#)).

Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng: Các nhà giáo được tham gia các khóa bồi dưỡng nâng cao về công nghệ thông tin, kỹ năng sư phạm, kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu theo từng ngành. Một số ngành nghề đặc thù như Kỹ thuật chế biến món ăn, Công nghệ kỹ thuật ô tô, Thương mại điện tử... nhà giáo được tổ chức đi thực tập tại các cơ sở thực tế nhằm nâng cao tay nghề ([3.6.01-Kế hoạch bồi dưỡng ngoài nhà trường năm 2024, 2025](#)). *3.6.02- Danh sách giáo viên đi bồi dưỡng, thực tập thực tế tại các đơn vị năm học 2023-2024, 2024-2025*

Sau khi kết thúc đợt đi thực tế học tập tại doanh nghiệp, mỗi giáo viên đều có báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch học tập của cá nhân có xác nhận của đơn vị thực tập (*3.6.03- Báo cáo kết quả thực tập của giáo viên có xác nhận của đơn vị năm học 2023-2024, 2024-2025; 3.6.04- Các hình ảnh đi thực tập, thực tế của giáo viên tại đơn vị năm học 2023-2024, 2024-2025*)

Hàng năm, Nhà trường tổ chức thực hiện khảo sát ý kiến của nhà giáo về việc học tập tại đơn vị sử dụng lao động ([1.1.07 – Bộ hồ sơ khảo sát CBQL – nhân viên, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, doanh nghiệp năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024](#)).

Hàng năm, có 100% giảng viên cơ hữu giảng dạy tại các khoa nghề đều tham gia học tập tại các cơ sở, doanh nghiệp để cập nhật kiến thức, nghiệp vụ để đào tạo tốt hơn. Sau các khóa đào tạo, bồi dưỡng Nhà trường có đánh giá tổng kết, rút kinh nghiệm và đưa ra các giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế từ đó rà soát, lập danh sách các giảng viên còn chưa đạt chuẩn chuyên môn nghiệp vụ tạo điều kiện thời gian để các giảng viên tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng thực hành ([1.1.09- Bộ hồ sơ khảo sát CBQL, giáo viên, học sinh, cựu học sinh, doanh nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025 gồm: kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát, danh sách đối tượng tham gia khảo sát](#)).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 3: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3.7: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đáp ứng các tiêu chuẩn và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao. Đội ngũ viên chức, người lao động đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao. Cán bộ quản lý, viên chức, người lao động định kỳ được bồi dưỡng, cập nhật nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột có đội ngũ cán bộ quản lý đầy đủ theo quy định, bao gồm: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Trưởng/Phó các phòng, ban chuyên môn, tổ trưởng chuyên môn ([3.7.01-Danh sách trích ngang Cán bộ quản lý Trường Trung cấp Tây Nguyên](#)).

Các cán bộ quản lý đều đạt chuẩn về trình độ đào tạo (tối thiểu đại học, ưu tiên thạc sĩ) ([3.7.02-Hồ sơ cán bộ quản lý](#)).

Nhân viên, người lao động tại Trường đáp ứng yêu cầu công việc, được tuyển dụng theo quy trình quy định, thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao ([3.7.03-Danh sách trích ngang nhân viên](#)).

Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động, bao gồm các nội dung về kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng quản lý đào tạo, kỹ năng sử dụng công nghệ trong quản lý giáo dục ([3.7.04-Kế hoạch bồi dưỡng nhân viên](#)).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 3: 02 điểm

3.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình đào tạo, giáo trình

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:

Mở đầu:

Chương trình đào tạo của Trường được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ lao động – Thương binh và Xã hội.

Đối với nghề Đào tạo lái xe ô tô thực hiện theo thông tư số: 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 quy định về đào tạo, sát hạch cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ. Đến tháng 12 năm 2024, Nhà trường thực hiện theo thông tư số: 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 quy định về đào tạo, sát hạch cấp giấy phép lái xe, cấp sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

Đối với trình độ Sơ cấp các ngành: Xoa bóp bấm huyệt, Chăm sóc người cao tuổi. Nhà trường thực hiện theo thông tư số 42/2015/ TT – BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015 quy định đào tạo trình độ sơ cấp và thông tư số 34/2018/TT – BLĐTBXH ngày 26 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung.

Đối với trình độ Trung cấp các ngành: Tin học ứng dụng, Thương mại điện tử, Hướng dẫn du lịch, Tiếng anh, Tiếng Trung, Công nghệ kỹ thuật ô tô, Kỹ thuật chế biến món ăn, Y học cổ truyền nhà trường thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT – BLĐTBXH ngày 30 tháng 03 năm 2022.

Trong quá trình biên soạn và thẩm định chương trình đào tạo, Nhà trường đã nhận được sự góp ý của chuyên gia, doanh nghiệp và của học sinh sau đào tạo để điều chỉnh, bổ sung, cải tiến cho phù hợp với nhu cầu thực tế. Bên cạnh đó việc biên soạn giáo trình thích ứng với phương pháp dạy học tích cực còn cơ sở các tài liệu tham khảo trong và ngoài nước và kết

hợp thêm phần kinh nghiệm thực tiễn để nội dung dạy học mang đảm bảo tính khoa học và thực tế, dạy học mang lại hiệu quả.

** Những điểm mạnh:*

Các chương trình đào tạo được xây dựng, điều chỉnh theo chương trình khung của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội và biên soạn, cập nhật định kỳ; thể hiện rõ mục tiêu đào tạo của Nhà trường, phù hợp với kỹ thuật, công nghệ hiện đại. Giáo trình giảng dạy đã được biên soạn, thẩm định và phê duyệt theo đúng quy định. Giáo trình đáp ứng yêu cầu đổi mới về nội dung và phương pháp dạy học; cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ trong chương trình dạy nghề, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

** Những tồn tại:* Một số chương trình đào tạo mới chưa có đầy đủ giáo trình hoặc giáo trình còn chưa mang tính logic cao.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:* Từ năm học 2024-2025, Nhà trường tổ chức xây dựng lại các chương trình đào tạo, có sử dụng và tham khảo ý kiến đóng góp của các giáo viên, nhà sử dụng lao động, thêm chuẩn đầu ra, sửa đổi, bổ sung chương trình, giáo trình giảng dạy để phù hợp với nhu cầu đầu ra của từng nghề cụ thể.

Điểm đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	14
Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	02
Tiêu chuẩn 3	02
Tiêu chuẩn 4	02
Tiêu chuẩn 5	02
Tiêu chuẩn 6	02
Tiêu chuẩn 7	02

Tiêu chuẩn 4.1: Trường ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo. Quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp được Nhà trường tổ chức xây dựng nghiêm túc, đúng quy trình về tổ chức biên soạn, thẩm định, phê duyệt ban hành (**4.1.01- Quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo; 4.1.02 - Quy trình đánh giá, cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo**).

Khi xây dựng chương trình đào tạo, Trường thành lập Tổ biên soạn, Hội đồng thẩm định để xây dựng, thẩm định chương trình đào tạo. Các thành viên Tổ biên soạn, Hội đồng thẩm định bảo đảm cơ cấu, thành phần theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Đến năm 2024, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19/02/2024 quy định về xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, Nhà trường đã thực hiện việc xây dựng, thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo hướng dẫn của Thông tư này. Các chương trình đào tạo của trường theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề đều được Hiệu trưởng ra Quyết định phê duyệt, ban hành và có tên đúng theo quy định tại Thông tư số 26/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2020 Ban hành Danh mục ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp (*1.1.06 – Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 06/GCNDKHD-SLĐTBXH ngày 28 tháng 8 năm 2017 và số 01/2024/GCNDKHD-SLĐTBXH ngày 17 tháng 9 năm 2024*)

Chương trình đào tạo tất cả các ngành, chuyên ngành của trường được xây dựng đầy đủ, bám sát chương trình khung trung cấp của Bộ Giáo dục Đào tạo, Bộ LĐTBXH, chương trình trung cấp chuyên nghiệp của các Bộ, ngành liên quan như Bộ Y tế và các bộ, ban ngành khác. Nhà trường thực hiện xây dựng chương trình đào tạo theo quy định. Khi xây dựng chương trình luôn thành lập ban xây dựng chương trình đào tạo trong đó thành phần không chỉ có cán bộ, giáo viên, nhân viên của Nhà trường mà còn có sự tham gia của doanh nghiệp (*4.1.03-Quyết định thành lập và ban hành chương trình đào tạo*). Sau khi chương trình đào tạo xây dựng, Nhà trường thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo, hội đồng thẩm định có sự tham gia của các giảng viên đầu ngành về ngành đào tạo của Nhà trường (*4.1.04-Quyết định thành lập hội đồng thẩm định CTĐT*). Hội đồng thẩm định phê duyệt chương trình đào tạo luôn chú trọng tính liên thông, liên kết và tất cả đều có biên bản thống nhất của các thành viên hội đồng (*4.1.05-Biên bản thẩm định CTĐT*). Sau khi hội đồng thông qua, tất cả các chương trình đào tạo đều được Hiệu trưởng ký quyết định ban hành và áp dụng cho các khóa lớp của Nhà trường (*4.1.06-Quyết định ban hành chương trình đào tạo*).

Định kỳ, chương trình đào tạo của trường được rà soát, bổ sung và điều chỉnh chương trình theo kế hoạch để đáp ứng nhu cầu đào tạo (*4.1.07- Bộ hồ sơ Thực hiện rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo các ngành Cao đẳng, Trung cấp theo luật GDNN năm 2019, 2022, 2023, 2024*). Toàn bộ chương trình đào tạo của Trường được tiến hành điều chỉnh, hoàn thiện để phù hợp với tình hình thực tế vận hành, sản xuất kinh doanh của các cơ sở, doanh nghiệp và xu thế hội nhập về dạy nghề.

Chương trình đào tạo của Trường được xây dựng và thẩm định theo quy trình và đều có sự tham gia đóng góp ý kiến của nhà giáo, CBQL GDNN, đại diện của đơn vị sử dụng lao động *4.1.08-Hồ sơ tổ chức Hội thảo xin ý kiến Đơn vị, Doanh nghiệp về chương trình đào tạo các ngành trình độ Cao đẳng, Trung cấp, Liên thông năm 2024, 2025*). *4.1.09- Danh sách CBQL, Cán bộ KHKT của các doanh nghiệp, giảng viên bên ngoài trường và giảng viên cơ hữu nhà trường tham gia xây dựng chương trình đào tạo theo quyết định hội đồng năm 2024, 2025; 4.1.10- Danh sách CBQL, Cán bộ KHKT của các doanh nghiệp, giảng viên bên ngoài trường và giảng viên cơ hữu nhà trường tham gia thẩm định chương trình đào tạo theo Quyết định hội đồng năm 2024, 2025; 1.1.09 – Bộ hồ sơ khảo sát CBQL, giáo viên, học sinh, cựu học sinh, doanh nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025 gồm: kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát, danh sách đối tượng tham gia khảo sát*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4.2: Trường ban hành đầy đủ các chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo mà trường được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nói riêng và cả nước nói chung; từ những năm oái thành lập, Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột đã nghiên cứu triển khai đào tạo các ngành như: Trung cấp Dược, Trung cấp Xây dựng, Trung cấp Sư phạm Mầm non, đào tạo lái xe, sơ cấp kỹ thuật nấu ăn. Năm 2019, Nhà trường đăng ký bổ sung đào tạo trình độ sơ cấp chăm sóc người cao tuổi, xoa bóp bấm huyệt. Năm 2022, Nhà trường đăng ký bổ sung đào tạo các ngành Y học cổ truyền, Thương mại điện tử, Tin học ứng dụng và Hướng dẫn du lịch. Năm 2023, Nhà trường đăng ký bổ sung đào tạo ngành Tiếng Anh; năm 2024, Nhà trường đăng ký bổ sung đào tạo ngành Tiếng Trung, Tiếng Nhật, Công nghệ kỹ thuật ô tô và Kỹ thuật chế biến món ăn. Đối với các ngành Thương mại điện tử, Tin học ứng dụng, Hướng dẫn du lịch, Tiếng Anh, Tiếng Trung, Tiếng Nhật, Công nghệ kỹ thuật ô tô và Kỹ thuật chế biến món ăn, nhà trường mở rộng thêm đối tượng đào tạo là học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở nhằm đưa học sinh bước vào thị trường lao động sớm đáp ứng xu hướng nghề nghiệp hiện nay. Nhà trường có thực hiện đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp cũng như đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo quy định và cũng đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp (*1.1.06 – Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 06/GCNDKHĐ-SLĐTBXH ngày 28 tháng 8 năm 2017 và số 01/2024/GCNDKHĐ-SLĐTBXH ngày 17 tháng 9 năm 2024*)

Trường có đầy đủ chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra của các ngành nghề đang đào tạo. Nội dung các chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra đều được biên soạn theo hướng nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, đảm bảo cho HSSV sau khi tốt nghiệp ra trường có thể tìm được việc làm hoặc tiếp tục học lên ở bậc cao hơn. Tất cả chương trình đào tạo nghề của Trường xây dựng, đều có tờ trình của Hội đồng thẩm định và quyết định phê duyệt, ban hành của Hiệu trưởng Nhà trường (2.1.05-Danh sách các ngành, nghề đào tạo theo giấy phép hoạt động của trường năm học 2023-2024, 2024-2025; 2.1.06-Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành, nghề năm 2024, 2025; 2.1.07-Bộ các chương trình đào tạo chi tiết từng nghề 2024, 2025; 2.1.08 – Hồ sơ chuẩn đầu ra của Trường năm 2024, 2025 gồm: kế hoạch xây dựng và thẩm định chuẩn đầu ra, biên bản họp thẩm định chuẩn đầu ra, quyết định ban hành chuẩn đầu ra). Các chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của từng ngành, Nhà trường đều có quyết định ban hành chuẩn đầu ra theo quy định

Hàng năm, nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến của đối tượng người học, nhà giáo, CBQL về mức độ phù hợp của chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra với thị trường lao động, thực tiễn sản xuất để từ đó tiếp thu sự đóng góp, xây dựng và có giải pháp tham mưu, điều chỉnh các hoạt động hiệu quả hơn dần nâng cao chất lượng trong hoạt động đào tạo của Nhà trường (1.1.09- Bộ hồ sơ khảo sát CBQL, giáo viên, học sinh, cựu học sinh, doanh nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025 gồm: kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát, danh sách đối tượng tham gia khảo sát).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4.3: Chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo và được công bố công khai.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các ngành, nghề đào tạo của trường 100% được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN (1.1.06 – Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 06/GCNĐKHD-SLĐTBXH ngày 28 tháng 8 năm 2017 và số 01/2024/GCNĐKHD-SLĐTBXH ngày 17 tháng 9 năm 2024). Trong từng năm đều có sự rà soát chương trình nhằm kịp thời cập nhật, bổ sung những nội dung mới đáp ứng với nhu cầu thực tiễn. 100% các ngành, nghề đào tạo có đầy đủ chương trình đào tạo thể hiện chi tiết mục tiêu, yêu cầu đầu ra của nghề được xác định rõ ràng, trong đó quy định cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng; phương pháp và hình thức đào tạo; nội dung giảng dạy và cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng môn học, mô đun của từng nghề, từng trình độ. Các chương trình đào tạo xây dựng, rà soát điều chỉnh đều căn cứ theo quy định đối với từng chương trình đào

tạo trình độ Tất cả các chương trình đào tạo đều có mục tiêu rõ ràng, xác định cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng và hình thức đào tạo và có đủ các chương trình môn học theo quy định. Bên cạnh đó, trong chương trình đào tạo từng ngành nghề, từng trình độ đều thể hiện đầy đủ chuẩn đầu ra của ngành nghề đó bằng vị trí việc làm tương ứng. Sau khi được biên soạn, thẩm định hoàn chỉnh, Nhà trường tiến hành đưa vào sử dụng các bộ chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra theo đúng quy định. (2.1.05-Danh sách các ngành, nghề đào tạo theo giấy phép hoạt động của trường năm học 2023-2024, 2024-2025; 2.1.06-Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành, nghề năm 2024, 2025; 2.1.07-Bộ các chương trình đào tạo chi tiết từng nghề 2024, 2025; 2.1.08 – Hồ sơ chuẩn đầu ra của Trường năm 2024, 2025 gồm: kế hoạch xây dựng và thẩm định chuẩn đầu ra, biên bản họp thẩm định chuẩn đầu ra, quyết định ban hành chuẩn đầu ra).

Chuẩn đầu ra của Nhà trường đã thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng, quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ, và đúng theo quy định đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động tại địa phương, đảm bảo tính hệ thống, thể hiện rõ mục tiêu đào tạo nhân lực trình độ trung cấp từng ngành, chuyên ngành. Chuẩn đầu ra của tất cả các ngành đào tạo đều được công khai trên website của nhà trường. Chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp (4.3.01-Bảng đối sánh chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo với Khung trình độ quốc gia Việt Nam)

Hàng năm Nhà trường thông qua các cuộc khảo sát, lấy ý kiến đánh giá, nhận xét của chuyên gia từ các cơ sở sở y tế, doanh nghiệp, các CBQL, giáo viên và người học tốt nghiệp đã đi làm về mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo so với yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và mức độ phù hợp với yêu cầu thực tế tại các đơn vị tuyển dụng lao động làm cơ sở để thực hiện điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra cho phù hợp với thực tiễn (1.1.09- Bộ hồ sơ khảo sát CBQL, giáo viên, học sinh, cựu học sinh, doanh nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025 gồm: kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát, danh sách đối tượng tham gia khảo sát).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4.4: Các chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến chất lượng để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và sự phát triển của ngành, địa phương.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm 2017, Nhà trường xây dựng kế hoạch hiệu chỉnh chương trình đào tạo đối với trình độ trung cấp ngành Dược theo Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH. Từ năm 2018 đến nay trường ngừng tuyển sinh học sinh học Trung cấp Dược để chuyển sang các ngành nghề đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương hơn. Đến năm 2022, nhà trường khai giảng và nhập học các lớp khóa đầu tiên thuộc các ngành/ngành mới đăng ký bổ sung: Y học cổ truyền, Thương mại điện tử, Tin học ứng dụng và Hướng dẫn du lịch. Năm 2023, Nhà trường khai giảng và nhập học các lớp khóa đầu tiên thuộc các ngành/ngành mới đăng ký bổ sung: Tiếng Anh. Năm 2024 khai giảng và nhập học các lớp khóa đầu tiên thuộc các ngành/ngành mới đăng ký bổ sung: Tiếng Trung, Công nghệ kỹ thuật ô tô và Kỹ thuật chế biến món ăn. Thực hiện chỉ đạo của Ban giám hiệu từ đầu năm 2025 tiến hành rà soát và điều chỉnh chương trình đào tạo của các ngành: Y học cổ truyền ([4.4.01-Y học cổ truyền](#)), Tin học ứng dụng ([4.4.02-Tin học ứng dụng](#)), Thương mại điện tử ([4.4.03-Thương mại điện tử](#)), Hướng dẫn du lịch ([4.4.04-Hướng dẫn du lịch](#)), Kỹ thuật chế biến món ăn ([4.4.05-Kỹ thuật chế biến món ăn](#)), Công nghệ kỹ thuật ô tô ([4.4.06-Công nghệ kỹ thuật ô tô](#)), Tiếng Trung ([4.4.07-Tiếng Trung](#)), Tiếng Anh ([4.4.08-Tiếng Anh](#)). ([4.4.09 – Bộ hồ sơ Thực hiện rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo các ngành Cao đẳng, Trung cấp theo luật GDNN năm 2024, 2025](#)).

Nhà trường xác định việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo là nhiệm vụ quan trọng nhằm từng bước đưa chương trình đào tạo phù hợp thực tế sản xuất của doanh nghiệp và cập nhật các tiến bộ khoa học công nghệ vào giảng dạy. ([4.4.10- Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến chương trình đào tạo](#); [4.4.11-Bảng liệt kê thông tin cập nhật, cải tiến của các chương trình đào tạo](#))

Quá trình điều chỉnh, Nhà trường có tham khảo chương trình đào tạo của các nghề chuyển giao từ các nước ngoài mà Tổng cục GDNN đã công khai nhằm tiếp cận với khoa học công nghệ tiên tiến vào chương trình đào tạo của Nhà trường. Mặt khác, cán bộ, giáo viên được Nhà trường quan tâm khuyến khích, tạo điều kiện để nghiên cứu, tham khảo chương trình đào tạo nghề của nước ngoài và cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến nghề đào tạo của Trường để vận dụng vào việc bổ sung kiến thức, điều chỉnh đối với 100% chương trình đang đào tạo tại Nhà trường ([4.4.12- Các chương trình đào tạo tham khảo nước ngoài](#))

Qua phân tích các nội dung trên, chương trình đào tạo của Trường Trung cấp Buôn Mê Thuật được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến chất lượng để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và sự phát triển của ngành, địa phương.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4.5: Trường ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo. Quá trình xây dựng và thẩm định
--

giáo trình đào tạo có sự tham gia của chuyên gia, cán bộ quản lý có kinh nghiệm của ngành, nghề đào tạo và các bên liên quan.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thực hiện xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo theo thông tư số 01/ 2024/ TT-BLĐTBOXH ban hành ngày 19 tháng 02 năm 2024. Khi tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình của từng ngành, nghề nhà trường ban hành các tiêu chí và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng trong quá trình xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo (4.5.01- Quy trình xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, thẩm định ban hành GTĐT, tài liệu giảng dạy)

Giáo trình là một trong những yếu tố giúp công tác dạy và học đạt kết quả cao. 100% giáo trình đào tạo được xây dựng đều bám sát chương trình đào tạo được Nhà trường phê duyệt, sử dụng. Thực hiện đúng Theo quy định tại Điều 14, Điều 15 và Điều 16 Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBOXH. Giáo trình nội bộ các môn học, mô đun được xây dựng có hệ thống, đảm bảo chất lượng. Trong quá trình xây dựng và thẩm định giáo trình đào tạo thành phần không chỉ có cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường mà còn có sự tham gia của doanh nghiệp, các trường Cao đẳng và Đại học. Đội ngũ xây dựng giáo trình có trình độ cao, có thâm niên giảng dạy và có kỹ năng nghề nghiệp. Vì vậy, giáo trình của các nghề đang đào tạo được xây dựng theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức (4.5.02 – Kế hoạch biên soạn và thẩm định giáo trình đào tạo các ngành đào tạo năm 2024, 2025; 4.5.03- Các Quyết định thành lập tổ biên soạn giáo trình đào tạo 2024, 2025; 4.5.04 - Các Biên bản làm việc của tổ biên soạn giáo trình đào tạo các ngành đào tạo 2024, 2025; 4.5.05 - Hồ sơ thực hiện tổ chức hội thảo xin ý kiến Đơn vị, Doanh nghiệp góp ý xây dựng giáo trình đào tạo ngành đào tạo 2024, 2025;

Sau khi giáo trình đào tạo được biên soạn và lựa chọn, nhà trường thành lập hội đồng thẩm định gồm danh sách giáo viên của nhà trường, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, các trường Cao đẳng, Đại học và đơn vị sử dụng lao động tham gia quá trình thẩm định giáo trình đào tạo (4.5.06-Các Quyết định thành lập hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo các ngành đào tạo 2024, 2025; 4.5.07- Thư mời các đơn vị, doanh nghiệp tham gia thẩm định giáo trình đào tạo các ngành đào tạo 2024, 2025; 4.5.08- Các Biên bản họp Hội đồng thẩm định giáo trình năm 2024, 2025; 4.5.09- Bộ hồ sơ rà soát, điều chỉnh giáo trình theo luật GDNN năm 2024, 2025). Sau khi xây dựng xong, Nhà trường tổ chức nghiệm thu và trình Hiệu trưởng phê duyệt giáo trình và đưa vào sử dụng (4.5.10- Các Quyết định phê duyệt giáo trình năm 2024, 2025; 4.5.11- Danh sách giáo trình các nghề được ban hành kèm theo Quyết định năm 2024, 2025; 4.5.12- Bản in các giáo trình mô đun/môn học các ngành nghề đào tạo năm 2024, 2025).

Thông qua mối liên hệ với các cơ sở, doanh nghiệp, giảng viên các khoa tham quan thực tế tại doanh nghiệp, đồng thời các khoa liên hệ cơ sở, công ty, xí nghiệp đưa HSSV thực tập tốt nghiệp kết hợp lắng nghe sự góp ý xây dựng giáo trình sao cho phù hợp thực tế vận hành, sản xuất, kinh doanh của cơ sở, doanh nghiệp. Hàng năm, Nhà trường đã khảo sát những ý kiến của nhà giáo, CBQL, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp nhận xét, đánh giá về chất lượng, mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo, để rút kinh nghiệm và điều chỉnh nội dung nhằm đáp ứng yêu cầu mới về nội dung, phương pháp dạy học, kỹ thuật công nghệ. Kết quả khảo sát ý kiến về chất lượng giáo trình đáp ứng yêu cầu đổi mới về nội dung, phương pháp dạy học gần đây cho thấy 100% giáo trình của các mô-đun, môn học chuyên môn ngành/ngành đã được lấy ý kiến của nhà giáo, CBQL, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo (1.1.09 – Bộ hồ sơ khảo sát CBQL, giáo viên, học sinh, cựu học sinh, doanh nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025 gồm: kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát, danh sách đối tượng tham gia khảo sát).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4.6: Trường ban hành đầy đủ giáo trình các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. Các giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo và phù hợp với phương pháp dạy học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các ngành đào tạo của Nhà trường đều được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. (1.1.06 – Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 06/GCNDKHD-SLDTBXH ngày 28 tháng 8 năm 2017 và số 01/2024/GCNDKHD-SLDTBXH ngày 17 tháng 9 năm 2024; 2.1.05-Danh sách các ngành, nghề đào tạo theo giấy phép hoạt động của trường năm học 2023-2024, 2024-2025; 2.1.06-Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành, nghề năm 2024, 2025; 2.1.07-Bộ các chương trình đào tạo chi tiết từng nghề 2024, 2025; 2.1.08 – Hồ sơ chuẩn đầu ra của Trường năm 2024, 2025 gồm: kế hoạch xây dựng và thẩm định chuẩn đầu ra, biên bản họp thẩm định chuẩn đầu ra, quyết định ban hành chuẩn đầu ra).

Công tác biên soạn tài liệu môn học luôn được chú trọng, tất cả các môn học, mô-đun đều có giáo trình hoặc tài liệu môn học lưu hành nội bộ cho giáo viên và học sinh tham khảo (Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp). Đồng thời, tất cả giáo trình hoặc tài liệu môn học lưu hành nội bộ đều có ít nhất 01 bản in để tại bộ môn. Nhà trường đã biên soạn và lựa chọn 143 giáo trình và tài liệu môn học lưu hành nội bộ tương ứng với mỗi mô-đun học. Điều này cho thấy Nhà trường có đủ giáo trình cho tất cả các mô-đun, môn học của các ngành nghề. (4.5.10- Các Quyết định

phê duyệt giáo trình năm 2024, 2025; 4.5.11- Danh sách giáo trình các nghề được ban hành kèm theo Quyết định năm 2024, 2025; 4.5.12- Bản in các giáo trình mô đun/môn học các ngành nghề đào tạo năm 2024, 2025).

Công tác biên soạn tài liệu môn học luôn được chú trọng. Tất cả các môn học, mô-đun đều có giáo trình hoặc tài liệu môn học lưu hành nội bộ cho giáo viên và học sinh tham khảo; được xây dựng theo đúng quy định của ngành, cụ thể: giáo trình của khoa đào tạo lái xe sử dụng bộ giáo trình của tổng cục đường bộ, giáo trình các môn học chung của các ngành trung cấp sử dụng theo bộ giáo trình của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp ban hành theo công văn số 147/TCGDNN-ĐTCQ ngày 22/01/2020. 100% giáo trình của các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo trung cấp được xây dựng, lựa chọn đúng theo quy định tại Điều 14, Điều 15 và Điều 16 Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH và thông tư 01/2024/TT-BLĐTBXH ([4.6.01-Quy định về biên soạn,thẩm định giáo trình](#)) và tất cả giáo trình đều có quyết định ban hành, lựa chọn theo quy định ([4.6.02-Giáo trình các bộ môn](#)). Giáo trình đào tạo sơ cấp nghề Chăm sóc người cao tuổi, Xoa bóp bấm huyệt, được xây dựng theo quy chế đào tạo sơ cấp.

Các giáo trình của Nhà trường được đưa ra đánh giá tại các buổi thảo luận chuyên môn và thông qua ở các khoa, tổ bộ môn về mức độ giáo trình cụ thể hoá được các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng cần đạt trong chương trình dạy nghề tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4.7: Các giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự thay đổi của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Sau khi quyết định ban hành chương trình đào tạo, chương trình đào tạo đã cập nhật chỉnh sửa bổ sung, Nhà trường lập kế hoạch tổ chức rà soát, điều chỉnh, biên soạn, thẩm định và ban hành các giáo trình đã được chỉnh sửa phù hợp với chương trình đào tạo theo đúng quy định tại Điều 14, Điều 15 và Điều 16 Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH. Nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá và cập nhật giáo trình định kỳ nhằm đảm bảo tính phù hợp với nội dung chương trình đào tạo và yêu cầu thực tiễn. Việc cập nhật giáo trình được lồng ghép trong quy trình xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo, tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Cụ thể, từ năm 2022 đến nay, sau khi đăng ký bổ sung và triển khai đào tạo các ngành/ngành mới như Y học cổ truyền, Thương mại điện tử, Tin học ứng dụng, Hướng dẫn du lịch và Tiếng Anh, Nhà trường đã xây dựng hệ thống giáo trình cho các ngành này trên cơ sở tham khảo các chương trình chuẩn và tài liệu chuyên ngành. Các giáo trình được biên soạn bởi tổ chuyên môn, có sự thẩm định nội bộ và ban hành chính thức làm căn cứ giảng dạy. Giáo trình của từng ngành đào tạo được rà soát, cập nhật theo sự thay

đổi của chương trình đào tạo (4.5.09- *Bộ hồ sơ rà soát, điều chỉnh giáo trình theo luật GDNN năm 2024, 2025*). Giáo trình sau khi cập nhật, chỉnh sửa, bổ sung trình Hiệu trưởng phê duyệt và đưa vào sử dụng, cập nhật lên thư viện điện tử của trường và được lưu trữ ở thư viện dưới dạng bản in để HSSV tham khảo (4.5.10- *Các Quyết định phê duyệt giáo trình năm 2024, 2025*; 4.5.11- *Danh sách giáo trình các nghề được ban hành kèm theo Quyết định năm 2024, 2025*; 4.5.12- *Bản in các giáo trình mô đun/môn học các ngành nghề đào tạo năm 2024, 2025*).

Thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu, từ đầu năm 2025 Nhà trường đã triển khai kế hoạch rà soát và điều chỉnh giáo trình cho các ngành Y học cổ truyền (4.7.01-*Ngành Y học cổ truyền*), Thương mại điện tử (4.7.02-*Ngành Thương mại điện tử*), Tin học ứng dụng (4.7.03-*Ngành Tin học ứng dụng*) và Hướng dẫn du lịch (4.7.04-*Ngành Hướng dẫn du lịch*). Quá trình rà soát dựa trên kết quả đánh giá quá trình triển khai giảng dạy, ý kiến góp ý của giảng viên và phản hồi từ người học. (4.7.05-*Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá, cập nhật giáo trình đào tạo*; 4.7.06-*Thống kê giáo trình đào tạo trước và sau khi chương trình đào tạo có sự thay đổi: thông tin về những nội dung được cập nhật, bổ sung, cải tiến trong giáo trình (thay đổi thời lượng; thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến...)*);

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 4: 02 điểm

3.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5

Mở đầu:

Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột hiện có hai cơ sở đào tạo và ba địa điểm học tập, tạo điều kiện thuận lợi cho học viên tiếp cận các chương trình học.

- Trụ sở chính: 131 Phan Huy Chú, P. Khánh Xuân, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
- Các cơ sở đào tạo:
 - + Cơ sở 1: 01A Lê Hồng Phong, Phường Tân Tiến, TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk.
 - + Cơ sở 2: 298 Hà Huy Tập, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk.
- Các địa điểm đào tạo
 - + Địa điểm đào tạo 1: Trung tâm GDNN – GDTX huyện Krông Pắc. Địa chỉ: 01 Lê Hồng Phong, Thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, Đắk Lắk
 - + Địa điểm đào tạo 2: Trung tâm GDNN – GDTX huyện Ea H'leo. Địa chỉ: TT. EaDrăng, Ea H'Leo, Đắk Lắk.
 - + Địa điểm đào tạo 3: Trung tâm GDNN – GDTX huyện Cư Kuin. Địa chỉ: Khu trung tâm hành chính huyện Cư Kuin, Xã Dray Bhang, Huyện Cư Kuin, Đắk Lắk.

** Những điểm mạnh:*

- Vị trí thuận lợi: Trường sở hữu hai cơ sở và ba địa điểm gần trung tâm, giúp học viên dễ dàng tiếp cận các tiện ích như chợ, trường học, siêu thị và các cơ quan hành chính. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho việc di chuyển và sinh hoạt hàng ngày.

- Giao thông thuận tiện: Vị trí của trường nằm trong khu vực có hạ tầng giao thông phát triển, giúp học viên dễ dàng di chuyển đến và từ trường học.

- Cơ sở vật chất đầy đủ: Trường được trang bị hệ thống phòng học lý thuyết và thực hành hiện đại, với các thiết bị tiên tiến như ti vi, máy chiếu, và hệ thống âm thanh chất lượng cao phục vụ cho việc giảng dạy. Các máy móc và trang thiết bị thực hành được nhập khẩu từ các nước phát triển, đảm bảo tiêu chuẩn quốc tế và đáp ứng nhu cầu học tập thực tế của học viên. Các phòng thí nghiệm và xưởng thực hành được thiết kế khoa học, tạo điều kiện tối ưu cho học viên thực hành và trải nghiệm thực tế.

- Thư viện đáp ứng nhu cầu: Thư viện của trường được đặt tại các cơ sở và trung tâm, hình thức thuê sử dụng chung, kết hợp với thư viện số. Với hệ thống máy tính được trang bị đầy đủ, học viên có thể dễ dàng tìm kiếm tài liệu, truy cập vào các nguồn thông tin trực tuyến và tài liệu tham khảo phong phú. Không gian thư viện được thiết kế thoáng đãng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập và nghiên cứu.

** Những tồn tại:*

- Vấn đề tài liệu: Trường đang tích cực bổ sung tài liệu cho các ngành học, nâng cao khả năng tiếp cận kiến thức cho học viên.

- Cơ sở vật chất chưa đầy đủ và đồng bộ: Một số ngành học như Kỹ thuật công nghệ ô tô và Kỹ thuật chế biến món ăn chưa có đủ trang thiết bị và cơ sở vật chất cần thiết để phục vụ giảng dạy và thực hành hiệu quả.

- Bảo quản thiết bị chưa đảm bảo: Việc bảo quản các thiết bị giảng dạy chưa được thực hiện đầy đủ, dẫn đến tình trạng hỏng hóc không rõ nguyên nhân xảy ra nhiều.

- Công tác quản lý cơ sở vật chất còn bất cập: Quá trình quản lý và bảo trì cơ sở vật chất còn nhiều thiếu sót, gây khó khăn trong việc duy trì chất lượng đào tạo và môi trường học tập.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Xây dựng quy trình quản lý và bảo trì cơ sở vật chất:

- Thiết lập quy trình bảo trì định kỳ: Xây dựng quy trình bảo trì toàn diện cho thiết bị và cơ sở vật chất, bao gồm lịch trình định kỳ để kiểm tra và ghi nhận tình trạng thiết bị.

- Phân công trách nhiệm: Xác định rõ ràng trách nhiệm của từng nhân viên trong việc quản lý và bảo trì cơ sở vật chất, đảm bảo mỗi cá nhân đều có nhiệm vụ cụ thể và có trách nhiệm với công việc của mình.

Đào tạo nhân viên quản lý cơ sở vật chất:

- Khóa đào tạo định kỳ: Tổ chức các khóa đào tạo thường xuyên cho nhân viên về quy trình bảo trì, quản lý thiết bị, và các kỹ năng cần thiết để duy trì chất lượng cơ sở vật chất.

- Khuyến khích tham gia hội thảo: Khuyến khích nhân viên tham gia các hội thảo và khóa học bên ngoài nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng chuyên môn và bổ sung thêm các tài liệu cần thiết.

Kiểm tra và đánh giá định kỳ:

- Hệ thống kiểm tra định kỳ: Thiết lập một hệ thống kiểm tra định kỳ để đánh giá tình trạng của các thiết bị và cơ sở vật chất, từ đó đưa ra phương án cải thiện kịp thời.

- Tiêu chí đánh giá rõ ràng: Sử dụng các tiêu chí cụ thể và rõ ràng để đảm bảo tính minh bạch và khách quan trong quá trình kiểm tra, giúp đưa ra các quyết định dựa trên dữ liệu chính xác.

Tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản lý:

- Triển khai phần mềm quản lý: Sử dụng phần mềm quản lý cơ sở vật chất để theo dõi tình trạng, lịch bảo trì và việc sử dụng thiết bị, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý.

- Phân tích dữ liệu: Ứng dụng công nghệ để ghi nhận, phân tích dữ liệu về tình trạng thiết bị và cơ sở vật chất, giúp đưa ra quyết định chính xác và kịp thời.

Khuyến khích sự tham gia của học viên:

- Tạo cơ hội giám sát: Tạo điều kiện cho học viên tham gia vào việc giám sát và phản hồi về tình trạng cơ sở vật chất, qua đó nâng cao ý thức trách nhiệm của các em đối với tài sản của trường.

- Cuộc họp định kỳ: Tổ chức các cuộc họp định kỳ với học viên để lắng nghe ý kiến và phản hồi của họ về cơ sở vật chất, tạo ra một kênh giao tiếp hiệu quả giữa học viên và nhà trường.

Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	16
Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	02
Tiêu chuẩn 3	02
Tiêu chuẩn 4	02
Tiêu chuẩn 5	02
Tiêu chuẩn 6	02
Tiêu chuẩn 7	02
Tiêu chuẩn 8	02

Tiêu chuẩn 5.1: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ quản lý thiết bị, xưởng thực hành, phòng học, các phòng công năng khác đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ người học và các hoạt động khác của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột cam kết ban hành và áp dụng quy trình quản lý thiết bị, xưởng thực hành, phòng học và các phòng công năng khác tại tất cả các cơ sở và trung tâm đào tạo, bao gồm TP. Buôn Ma Thuột và các huyện Krông Pắc, Ea H'leo, Cư Kuin, nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ người học và các hoạt động khác của trường. Quy trình này được xây dựng chi tiết, bao gồm việc lập lịch bảo trì định kỳ, kiểm tra và ghi chép tình trạng thiết bị, đảm bảo các thiết bị luôn ở trong tình trạng tốt nhất để phục vụ cho việc giảng dạy và học tập (*5.1.07- Quy trình quản lý, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị - Quy trình quản lý phòng học, phòng thực tập, nhà xưởng*) (*5.1.01-Quyết định ban hành quy định về quản lý, sử dụng phòng học lý thuyết, phòng thực hành*).

Nhân viên phụ trách quản lý thiết bị tại từng cơ sở và trung tâm được phân công rõ ràng với nhiệm vụ cụ thể để đảm bảo quy trình được thực hiện hiệu quả và xuyên suốt. Hệ thống quản lý xưởng thực hành và phòng học được thiết lập nhằm theo dõi việc sử dụng, bảo trì và cải thiện chất lượng cơ sở vật chất trên toàn bộ hệ thống. (*5.1.02-Quy định về nhiệm vụ quản lý, bảo quản, bảo trì và sử dụng thiết bị dạy học*).

Quy trình quản lý và bảo trì không chỉ phục vụ cho việc giảng dạy mà còn hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu và dịch vụ người học, tạo ra môi trường học tập thuận lợi, khuyến khích sự sáng tạo và đổi mới trong nghiên cứu. Nhà trường thường xuyên đánh giá hiệu quả quản lý thiết bị và cơ sở vật chất tại tất cả các cơ sở đào tạo, nhằm đưa ra các biện pháp cải tiến liên tục. Hệ thống phản hồi từ giảng viên và học viên cũng được sử dụng để nâng cao chất lượng quản lý (*5.1.03-Hệ thống phản hồi ý kiến về CSVC*).

Thông qua việc áp dụng quy trình quản lý chặt chẽ và hiệu quả, Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột đảm bảo rằng các thiết bị, xưởng thực hành, phòng học và các phòng công năng khác tại tất cả các cơ sở và trung tâm, bao gồm TP. Buôn Ma Thuột và các huyện Krông Pắc, Ea H'leo, Cư Kuin, luôn đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và dịch vụ giáo dục. (*5.1.04-Nội quy phòng thực hành chế biến món ăn*) (*5.1.05-Nội quy phòng thực hành tin học*) (*5.1.06-Nội quy phòng thực hành kỹ thuật ô tô*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể các khuôn viên của trường phù hợp với công năng, bền vững về môi trường. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường theo quy chuẩn và tiêu chuẩn hiện hành, đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường xây dựng quy hoạch tổng thể cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật dựa trên các cơ sở sau đây: 1) Quyết định số 2482/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2007 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc cho phép thành lập Trường Trung cấp Kinh tế - Công nghệ Tây Nguyên; 2) Quyết định số 404/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc đổi tên Trường trung cấp Kinh tế - Công nghệ Tây Nguyên thành Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột; 3) Giấy chứng nhận số 06/GCNĐKHHĐ-SLĐTBXH ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk về việc cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột. Theo đó, việc quy hoạch cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật của Nhà trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố [\(5.2.01-Sơ đồ các cơ sở và trung tâm đào tạo\)](#).

Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột cam kết thực hiện quy hoạch tổng thể các khuôn viên của trường phù hợp với công năng và bền vững về môi trường [\(5.2.01-Sơ đồ các cơ sở và trung tâm đào tạo\)](#). Đối với các cơ sở và trung tâm đào tạo, bao gồm TP. Buôn Ma Thuột và các huyện Krông Pắc, Ea H'leo, Cư Kuin, Nhà trường đã chú trọng đến việc thiết kế và bố trí không gian học tập, thực hành và sinh hoạt một cách hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giảng dạy và học tập [\(5.2.02-Diện tích và hình ảnh các phòng học\)](#).

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường được xây dựng theo quy chuẩn và tiêu chuẩn hiện hành, bao gồm các yếu tố như giao thông nội bộ, cấp nước, thoát nước, điện, và thông tin liên lạc. Các khuôn viên được quy hoạch hợp lý, đảm bảo không gian xanh, sạch, và an toàn cho học viên và cán bộ giáo viên. Việc trồng cây xanh và tạo cảnh quan cũng được chú trọng nhằm tạo ra môi trường học tập thân thiện và bền vững.

Hệ thống cơ sở vật chất Nhà trường tại TP. Buôn Ma Thuột và các huyện đều được thiết kế phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ và sinh hoạt của học viên. Các phòng học, xưởng thực hành và khu vực dịch vụ được bố trí hợp lý, giúp tối ưu hóa việc sử dụng không gian và tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động giáo dục.

Địa điểm cơ sở và trung tâm đào tạo:

1. Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột, thành phố Buôn Ma Thuột
 - Thời gian thuê: 01/11/2024 đến 31/10/2029 (5 năm).
 - Diện tích thuê: khoảng 1.800 m².
 - Các điều khoản liên quan đến việc sử dụng cơ sở vật chất: [\(5.2.03-Hợp đồng thuê CSVC đầu giá BMT\)](#)
2. Trung tâm GDNN – GDTX huyện Krông Pắc
 - Thời gian thuê: 21/3/2023 đến 31/3/2028
 - Diện tích thuê: Khoảng 700m².

- Các điều khoản liên quan đến việc sử dụng cơ sở vật chất: [\(5.2.04-Hợp đồng liên kết đào tạo huyện Krông Pắc\)](#)

3. Trung tâm GDNN – GDTX huyện Ea H'leo

- Thời gian thuê: 01/01/2024 đến 30/12/2029.

- Diện tích thuê: Khoảng 600m².

- Các điều khoản liên quan đến việc sử dụng cơ sở vật chất: [\(5.2.05-Hợp đồng phối hợp đào tạo huyện Ea H'Leo\)](#)

4. Trung tâm GDNN – GDTX huyện Cư Kuin

- Thời gian thuê: 18/09/2024 đến 18/09/2029 (5 năm)

- Diện tích thuê: Khoảng 750m².

- Các điều khoản liên quan đến việc sử dụng cơ sở vật chất: [\(5.2.06-Hợp đồng liên kết đào tạo huyện Cư Kuin\)](#)

Nhà trường cũng thường xuyên đánh giá và cải tiến quy hoạch và hạ tầng kỹ thuật để đảm bảo rằng mọi yếu tố đều đáp ứng nhu cầu phát triển và thay đổi trong tương lai.

[\(5.1.03-Hệ thống phản hồi ý kiến về CSVC\)](#)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5.3: Khu hiệu bộ, khu học lý thuyết, khu học thực hành, khu rèn luyện thể chất, khu phục vụ và các hạng mục khác phục vụ sinh hoạt cho người học, nhà giáo có cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo, bảo đảm các yêu cầu công nghệ và bảo vệ môi trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột cam kết cung cấp cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo đầy đủ nhằm đáp ứng nhu cầu học tập và giảng dạy. Khu hiệu bộ được trang bị văn phòng làm việc hiện đại cho cán bộ quản lý và giảng viên, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý và giáo dục [\(5.3.01-Hình ảnh mô tả về trang thiết bị văn phòng khu hiệu bộ\)](#).

Khu học lý thuyết bao gồm các phòng học được thiết kế hiện đại với bảng điện tử, máy chiếu và đảm bảo ánh sáng, thông gió đầy đủ, tạo không gian học tập thoải mái cho học viên. [\(5.2.02-Diện tích và hình ảnh các phòng học\)](#).

Khu học thực hành được trang bị các xưởng thực hành với máy móc và thiết bị phù hợp với từng ngành nghề đào tạo, đảm bảo sự an toàn và hiệu quả trong quá trình học tập [\(5.3.03.Danh sách thiết bị thực hành và hình ảnh về các xưởng thực hành\)](#).

Khu rèn luyện thể chất được đầu tư với các dụng cụ thể thao, sân chơi và phòng tập thể dục, phục vụ nhu cầu rèn luyện sức khỏe của học viên [\(5.3.02-Hình ảnh và thông tin về diện tích khu thể chất\)](#)

Ngoài ra, khu phục vụ bao gồm nhà ăn và khu vực sinh hoạt chung, cung cấp các dịch vụ hỗ trợ thiết yếu cho học viên ([5.3.03-Cung cấp thông tin về thực đơn,sức chứa của nhà ăn và hình ảnh khu vực phục vụ](#)).

Tất cả các khu vực này đều được thiết kế theo hiện đại, bảo đảm yêu cầu công nghệ và bảo vệ môi trường. Nhà trường sẽ thực hiện đánh giá định kỳ về chất lượng cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo để kịp thời có các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục và sự hài lòng của học viên.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5.4: Các tiêu chuẩn về môi trường, an toàn, sức khỏe nghề nghiệp được trường xác định và triển khai, bao gồm cả các nhu cầu, các điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật (nếu có) và không phân biệt đối xử về giới.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột cam kết thực hiện các tiêu chuẩn về môi trường, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp nhằm bảo vệ sức khỏe cho học viên và cán bộ giáo viên. Nhà trường đã xác định và triển khai các biện pháp cần thiết để đảm bảo môi trường học tập an toàn và thân thiện. Các khu vực học tập, thực hành và sinh hoạt đều được thiết kế và quản lý theo tiêu chuẩn an toàn, từ hệ thống điện, cấp nước đến quy trình xử lý chất thải, nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường.

Nhà trường thực hiện các chương trình đào tạo về an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp cho học viên, giúp họ nhận thức rõ hơn về các rủi ro trong quá trình học tập và làm việc, từ đó có những biện pháp phòng ngừa hiệu quả. ([5.4.01-Quyết định ban hành quy định về tiêu chuẩn môi trường,an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp](#))

Nhà trường cũng cam kết không phân biệt đối xử về giới trong mọi hoạt động giáo dục, đảm bảo rằng tất cả học viên đều có cơ hội học tập và phát triển như nhau trong một môi trường bình đẳng. ([5.4.02-Quyết định ban hành văn hoá ứng xử trong nhà trường](#))

Thông qua việc triển khai các tiêu chuẩn này, Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột không chỉ tạo ra một môi trường học tập an toàn mà còn góp phần nâng cao ý thức cộng đồng về bảo vệ môi trường và sức khỏe nghề nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5.5: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo và được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe, vệ sinh môi trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột cam kết cung cấp thiết bị và dụng cụ phục vụ đào tạo đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo. Tất cả thiết bị được lựa chọn và trang bị dựa trên tiêu chuẩn chất lượng cao, phù hợp với từng ngành nghề đào tạo, nhằm đảm bảo hiệu quả trong quá trình giảng dạy và học tập. Các dụng cụ và thiết bị này được quản lý chặt chẽ, thực hiện bảo trì và bảo dưỡng định kỳ để duy trì hiệu suất hoạt động và an toàn khi sử dụng.

Nhà trường đã xây dựng quy trình quản lý thiết bị rõ ràng, bao gồm việc ghi chép, theo dõi tình trạng và lịch bảo trì của từng dụng cụ ([5.5.01-Quy định về nhiệm vụ quản lý, bảo quản, bảo trì và sử dụng](#)). Các thiết bị và dụng cụ được bố trí hợp lý trong các khu vực học tập và thực hành, đảm bảo sự thuận tiện cho giảng viên và học viên trong quá trình sử dụng.

Đồng thời, Nhà trường cũng chú trọng đến các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe và vệ sinh môi trường trong việc sử dụng thiết bị. Các phòng học và xưởng thực hành đều được trang bị hệ thống thông gió, ánh sáng đầy đủ, cùng với các biện pháp an toàn cần thiết để đảm bảo sức khỏe cho người học.

Nhà trường cũng thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nâng cao kỹ năng sử dụng thiết bị cho giảng viên và học viên, nhằm đảm bảo mọi người đều nắm rõ cách sử dụng an toàn và hiệu quả các dụng cụ phục vụ đào tạo.

Thông qua việc chú trọng đến thiết bị và dụng cụ phục vụ đào tạo, Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột không chỉ nâng cao chất lượng giáo dục mà còn bảo đảm môi trường học tập an toàn, vệ sinh và hiệu quả cho tất cả học viên. Hầu như các trang thiết bị và dụng cụ phục vụ đào tạo đều được bảo quản trong trạng thái tốt và sẵn sàng phục vụ việc dạy và học ([5.5.02-Hình ảnh các phòng học, xưởng thực hành và tài liệu về các biện pháp an toàn được áp dụng](#)).

Thực hiện việc rà soát kê khai danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành nhà trường đã chỉ đạo các phòng khoa chức năng chuyên môn rà soát kê khai danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường để làm cơ sở so sánh, đối chiếu tìm ra những danh mục thiết bị còn thiếu, chưa đồng bộ từ đó có kế hoạch trang bị bổ sung cho kịp thời (*5.5.03- Danh mục đối chiếu các thiết bị tối thiểu dạy nghề cho các môn học, mô đun bắt buộc trình độ Trung cấp với danh mục thiết bị dạy nghề của Bộ LĐ – TB&XH*). Việc thanh, kiểm tra thiết bị đào tạo hiện có tại trường được tiến hành theo định kỳ để đảm bảo thiết bị được vận hành thường xuyên và liên tục đáp ứng nhu cầu đào tạo (*5.5.04-Biên bản kiểm tra, đánh giá trang thiết bị tại các phòng thực hành năm 2024, 2025*).

Định kỳ, các khoa của trường có thực hiện đối sánh danh mục thiết bị với các văn bản quy phạm pháp luật quy định về danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ LĐTBXH ban hành theo Thông tư số 15/2020/TT – BLĐTBXH ngày 28/12/2020, Thông tư số 16/2021/TT – BLĐTBXH ngày 08/11/2021, danh mục thiết bị hiện có của Trường đáp ứng khoảng hơn 80% so với danh mục thiết bị tối thiểu theo quy định, với số lượng ít dụng cụ còn thiếu nhà trường

đã có kế hoạch mua sắm bổ sung cho những năm học tiếp theo. *(5.5.05- Danh mục các chủng loại, số lượng thiết bị còn thiếu của từng nghề so cho các môn học, mô đun bắt buộc trình độ Trung cấp với danh mục thiết bị dạy nghề của Bộ LĐ – TB&XH).*

Các thiết trang thiết bị phục vụ đào tạo và dụng cụ – vật tư – hóa chất được bố trí hợp lý tại các phòng thực hành đảm bảo tính khoa học, an toàn và thuận lợi cho người dạy và học *(5.5.06- Hình ảnh bố trí các dụng cụ vật tư tại các Phòng Thực hành; 5.5.07- Hình ảnh bố trí các trang thiết bị phục vụ đào tạo).* Để sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo của Nhà trường đã xây dựng quy trình sử dụng, bảo dưỡng thiết bị đào tạo phù hợp với yêu cầu của nhà sản xuất. Các quy trình mua sắm dụng cụ, vật tư cũng được Nhà trường quan tâm *(5.5.08- Đề xuất mua sắm vật tư thiết bị năm 2024, 2025; 5.5.09- Biên bản nghiệm thu, bàn giao vật tư thiết bị năm 2024, 2025).*

Nhà trường có thủ tục riêng về quy trình quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo. Tất cả thiết bị đào tạo của Nhà trường đều được theo dõi trên sổ sách quản lý. Với đầy đủ thông tin: Tên thiết bị vật tư, nước sản xuất, số lượng, năm sản xuất, năm sử dụng, nguyên giá, giá trị còn lại. Các thiết bị được giao cho các giảng viên quản lý, một số thiết bị có tần suất sử dụng cao, có tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu, thường xuyên phải bảo trì, bảo dưỡng đều được lập sổ lý lịch thiết bị để theo dõi tình hình sử dụng, tình hình bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa. Bên cạnh đó các khoa cập nhật lịch bảo trì, bảo dưỡng *(5.5.10 - Sổ nhật ký theo dõi, quản lý thiết bị đào tạo nghề tại các phòng thực hành, xưởng thực hành bao gồm tên thiết bị, số lượng, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng và nhật ký sử dụng; 5.5.11 - Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị đào tạo nghề tại các phòng thực hành, xưởng thực hành của Trường năm 2024, 2025).*

Để đánh giá tình trạng bảo trì, bảo dưỡng, phòng thực hiện việc báo cáo tình hình bảo trì, bảo dưỡng *(5.5.12 - Báo cáo tình hình thực hiện việc bảo trì, bảo dưỡng của các phòng thực hành, xưởng thực hành năm 2024, 2025).* Trong những năm qua được sự đầu tư của Trường, đến thời điểm hiện tại thiết bị đào tạo của trường đã đảm bảo về số lượng, chất lượng cũng như đáp ứng yêu cầu về công nghệ *(5.5.13- Hồ sơ đấu thầu các thiết bị đào tạo, thiết bị thực hành).* Thời điểm bàn giao trang thiết bị, đều có biên bản kiểm tra cũng như tình trạng hoạt động của máy móc thiết bị đó *(5.5.14- Báo cáo công tác kiểm soát hoạt động các phòng thực hành năm học 2023-2024, 2024-2025).*

Hàng năm, nhà trường tiến hành xây dựng kế hoạch, mẫu phiếu khảo sát và thực hiện tổng hợp số liệu khảo sát về thiết bị, dụng cụ, phục vụ đào tạo được bố trí an toàn, hợp lý thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng để đảm bảo yêu cầu về sự phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường của người học, nhà giáo, CBQL *(1.1.09 – Bộ hồ sơ khảo sát CBQL – nhân viên, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, doanh nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5.6: Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí hợp lý, đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo và được tái sử dụng hiệu quả.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện hướng dẫn theo Thông tư số 16/2021/TT – BLĐTBXH ngày 08 tháng 11 năm 2021 và Thông tư số 15/2020/TT – BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội “Quy định về việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế – kỹ thuật về đào tạo trong lĩnh vực GDNN” Nhà trường đã tổ chức xây dựng và ban hành định mức kinh tế – kỹ thuật trong đó quy định chi tiết về định mức lao động, định mức thiết bị và định mức vật tư (*5.6.06- Quyết định về việc ban hành định mức kinh tế – kỹ thuật các ngành nghề đào tạo tại Trường Cao đẳng Bến Tre; 5.6.07- Quyết định thành lập hội đồng thẩm định; Các Biên bản thẩm định định mức kinh tế - kỹ thuật các nghề đào tạo các năm*). Trên cơ sở định mức kinh tế – kỹ thuật, căn cứ vào đặc thù từng ngành nghề đào tạo trường đã quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo (*5.6.08- Quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư phục vụ đào tạo*).

Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột thực hiện quy trình quản lý và cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ đào tạo với sự nghiêm túc và hiệu quả. Quy trình này nhằm đảm bảo rằng tất cả các thiết bị và vật tư cần thiết cho việc giảng dạy đều được cung cấp kịp thời, phù hợp với từng chương trình học (*5.6.09- Quy trình kiểm kê tài sản; Quy trình thanh lý tài sản thiết bị; Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; (5.6.01-Kiểm kê tài sản 2025)*).

Các phòng thực hành được tổ chức một cách khoa học, với sơ đồ bố trí rõ ràng, giúp giảng viên và học viên dễ dàng tiếp cận và sử dụng thiết bị. Việc sắp xếp này không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình học tập mà còn góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy.

Phòng Quản lý đào tạo thực hiện việc ghi chép và theo dõi quá trình giảng dạy thông qua kế hoạch giảng dạy, đảm bảo rằng mọi thông tin liên quan đến việc sử dụng thiết bị và vật tư đều được ghi nhận chính xác (*5.6.02-Sổ theo dõi tài sản cố định 2024*).

Quy trình cấp phát vật tư diễn ra một cách minh bạch. Mỗi khi có nhu cầu về nguyên, nhiên, vật liệu, các đơn vị trong trường sẽ gửi đề xuất tới phòng Tổ chức hành chính. Phòng này sẽ tiến hành mua sắm và bàn giao vật tư theo đúng thời hạn đã xác định, đảm bảo rằng các hoạt động đào tạo diễn ra liên tục và không bị gián đoạn. Tất cả các giao dịch này đều được ghi chép cẩn thận trong sổ theo dõi cấp phát, giúp Nhà trường giữ được tính chính xác và minh bạch trong quản lý (*5.6.03-Phiếu xuất kho và biên bản bàn giao*).

Để đáp ứng nhu cầu học tập của từng học kỳ, các đơn vị sẽ lập kế hoạch về nguyên, nhiên, vật liệu và gửi tới phòng Tổ chức hành chính. Việc này giúp đảm bảo rằng các vật tư

cần thiết luôn sẵn có, phù hợp với tiến độ giảng dạy ([5.6.04-Quyết định về việc ban hành quy định mua sắm trang thiết bị hàng năm](#)) ([5.6.05-Thông báo kế hoạch mua sắm và sửa chữa VC TB hàng năm](#))

Hằng năm, Phòng Tổ chức - Hành chính sẽ tổng hợp và báo cáo công tác quản lý, cấp phát vật tư phục vụ đào tạo. Báo cáo này không chỉ giúp đánh giá hiệu quả sử dụng mà còn là cơ sở để điều chỉnh các quy trình trong tương lai, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

Qua việc thực hiện các quy trình quản lý chặt chẽ và minh bạch, Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột không chỉ nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu mà còn góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng chương trình đào tạo, giúp học viên được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động ([5.1.02-Quyết định về nhiệm vụ quản lý bảo quản bảo trì và sử dụng thiết bị dạy học](#))

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5.7: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc điện tử; phòng đọc của cán bộ, nhà giáo; phòng đọc của người học; kho sách bảo đảm tiêu chuẩn thiết kế và định mức diện tích sử dụng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột cam kết đầu tư và phát triển hệ thống thư viện, nhằm đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và học viên. Thư viện được thiết kế với các không gian chức năng cụ thể, bao gồm phòng đọc điện tử, phòng đọc dành cho cán bộ và nhà giáo, phòng đọc dành cho người học, cùng với kho sách được tổ chức hợp lý, đảm bảo tiêu chuẩn thiết kế và định mức diện tích sử dụng.

Phòng đọc dành cho học viên được thiết kế để tạo môi trường học tập thoải mái và thân thiện. Không gian được trang trí sinh động, có bàn học, ghế ngồi thoải mái và tài liệu phong phú phục vụ cho nhu cầu học tập. Học viên có thể tham gia vào các hoạt động đọc sách, nghiên cứu nhóm và thảo luận.

Phòng đọc dành riêng cho cán bộ và giảng viên được bố trí yên tĩnh, với không gian thoáng đãng và đầy đủ ánh sáng tự nhiên. Tại đây, cán bộ, nhà giáo có thể tham khảo tài liệu chuyên môn, nghiên cứu và chuẩn bị bài giảng. Phòng được trang bị bàn làm việc, ghế ngồi thoải mái và tài liệu tham khảo, thư giãn phong phú ([5.7.01-Số liệu các sách hiện tại của thư viện TCTN-GDTEX](#)) ([5.7.02-Sách nhập bổ sung năm 2024 - 2025](#))

Kho sách được tổ chức một cách khoa học, với các phân loại rõ ràng, giúp dễ dàng trong việc tìm kiếm và quản lý tài liệu. Tất cả sách được bảo quản cẩn thận, đảm bảo chất lượng và độ bền. Kho sách cũng thường xuyên được cập nhật, bổ sung tài liệu mới để phục vụ nhu cầu học tập của sinh viên ([5.7.03-Sổ theo dõi mượn sách](#)).

Phòng đọc điện tử được trang bị đầy đủ các thiết bị công nghệ thông tin hiện đại, cho phép người dùng truy cập vào kho tài liệu số phong phú. Không gian phòng được thiết kế thoải mái, với các máy tính cá nhân và kết nối internet nhanh chóng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu tài liệu, nghiên cứu và học tập ([5.7.04-Bản thoả thuận hợp tác](#)) ([5.7.05-Hình ảnh thư viện](#)). ([5.7.06-Sơ đồ thư viện](#)).

Thư viện của Nhà trường không chỉ là nơi lưu trữ tài liệu mà còn là trung tâm học tập năng động, nơi khuyến khích sự phát triển tư duy và sáng tạo của học viên. Hằng năm, thư viện cũng tổ chức các hoạt động như buổi giới thiệu sách, tọa đàm chuyên đề và các khóa học kỹ năng tìm kiếm thông tin để nâng cao hiệu quả sử dụng tài liệu.

Thông qua việc đầu tư vào hệ thống thư viện, Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột không chỉ nâng cao chất lượng giáo dục mà còn góp phần phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng học sinh, sinh viên, giúp họ trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết để thành công trong sự nghiệp tương lai. Trong kế hoạch sắp đến, Nhà trường sẽ lập kế hoạch cải tiến các khảo sát nhu cầu và ý kiến phản hồi, đánh giá về thư viện tại các cơ sở khác nhau trong hệ thống.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5.8: Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp, được cập nhật, áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động và người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột cam kết xây dựng và duy trì một thư viện với nguồn học liệu phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của cán bộ, giảng viên, nhân viên và học viên. Thư viện không chỉ đảm bảo cung cấp đầy đủ tài liệu mà còn liên tục cập nhật và áp dụng những tiến bộ trong công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài liệu.

Thư viện của Nhà trường cung cấp nhiều loại tài liệu, bao gồm sách giáo trình, tài liệu tham khảo, tạp chí chuyên ngành, bài báo nghiên cứu và tài liệu điện tử. Tất cả tài liệu được lựa chọn và cập nhật thường xuyên để đảm bảo phù hợp với chương trình đào tạo và nhu cầu nghiên cứu của người dùng ([5.8.01-Danh mục sách thư viện](#))

Thư viện đã áp dụng CNTT hiện đại trong quản lý và sử dụng tài liệu. Hệ thống quản lý thư viện điện tử cho phép người dùng dễ dàng tra cứu, mượn và trả sách trực tuyến. Ngoài ra, các tài liệu điện tử được lưu trữ và truy cập thông qua nền tảng trực tuyến, giúp người dùng linh hoạt trong việc tìm kiếm thông tin ([5.8.02-Hướng dẫn sử dụng](#)).

Thư viện không chỉ cung cấp tài liệu mà còn tổ chức các hoạt động hỗ trợ học tập như buổi hướng dẫn sử dụng tài liệu, tọa đàm chuyên đề và các khóa học kỹ năng tìm kiếm thông tin

tin. Những hoạt động này nhằm trang bị cho học viên và giảng viên những kỹ năng cần thiết để tối ưu hóa việc sử dụng nguồn học liệu ([5.8.03-Quy trình khảo sát thư viện 2024](#))

Nhà trường thường xuyên tiến hành đánh giá chất lượng nguồn học liệu và dịch vụ của thư viện thông qua khảo sát ý kiến người dùng. Qua đó, các phản hồi sẽ được sử dụng để cải tiến chất lượng dịch vụ và cập nhật nguồn học liệu, nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dùng ([5.8.04-Báo cáo thống kê khảo sát năm 2024](#)).

Thông qua việc đầu tư vào thư viện và xây dựng nguồn học liệu, Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột không chỉ nâng cao chất lượng dạy và học mà còn tạo ra môi trường học tập tích cực, khuyến khích sự sáng tạo và phát triển tư duy của học viên. Thư viện sẽ tiếp tục là một môi trường học tập quan trọng, hỗ trợ toàn diện cho các hoạt động giáo dục và nghiên cứu của Nhà trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 5: 02 điểm

3.2.6. Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế

Đánh giá tổng quát tiêu chí 6:

Mở đầu:

Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược phát triển toàn diện của Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột. Những hoạt động này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo mà còn thúc đẩy sự phát triển chuyên môn cho đội ngũ giảng viên, đồng thời khẳng định vị thế và uy tín của nhà trường trong bối cảnh hội nhập giáo dục hiện nay.

*** Những điểm mạnh:**

- Đội ngũ nhà giáo có năng lực trẻ, tâm huyết, sẵn sàng học hỏi và phát triển chuyên môn.
- Nhà trường đã từng bước triển khai và ứng dụng hiệu quả các kết quả nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến vào thực tiễn giảng dạy và quản lý.
- Có mối quan hệ hợp tác ban đầu với các tổ chức nước ngoài trong lĩnh vực khảo thí và xuất khẩu lao động.

*** Những tồn tại:**

- Khó khăn trong công tác tuyển sinh từ năm 2017 đến nay khiến số lượng học sinh theo học hệ Trung cấp giảm mạnh, ảnh hưởng đến nguồn lực triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.
- Một số giáo viên phải điều chuyển công tác, dẫn đến thiếu nhân lực chuyên trách cho các hoạt động khoa học và hợp tác.

Chưa có bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí trong nước và quốc tế.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

- Trong thời gian tới, nhà trường sẽ nghiên cứu xây dựng và ban hành các chính sách khuyến khích, hỗ trợ đội ngũ cán bộ, giáo viên phát huy khả năng sáng tạo, nghiên cứu khoa học.

- Khuyến khích viết bài báo khoa học, sáng kiến kinh nghiệm, đề xuất các đề tài nghiên cứu thiết thực gắn với thực tiễn đào tạo.

- Tăng cường hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước để mở rộng cơ hội phát triển chuyên môn và nâng cao chất lượng đào tạo.

Điểm đánh giá tiêu chí 6

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	06
Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	02
Tiêu chuẩn 3	02
Tiêu chuẩn 4	00

Tiêu chuẩn 6.1: *Trường ban hành quy định và thực hiện chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động và người học tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến, chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo và phục vụ cộng đồng*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Xác định nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo là một trong những nền tảng quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo nghề, Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột đã chủ động xây dựng và ban hành hệ thống văn bản quản lý nhằm cụ thể hóa các định hướng chiến lược thành chính sách thiết thực. Trong đó, việc khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến được xem là một nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển chuyên môn và văn hóa học thuật của nhà trường.

Cụ thể, Quy chế chi tiêu nội bộ ([6.1.01-Quy chế chi tiêu nội bộ](#)) đã quy định rõ các khoản hỗ trợ kinh phí dành cho hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm và triển khai sáng kiến, đảm bảo tính công khai, minh bạch và khả thi trong thực tiễn áp dụng. Chính sách tài chính này thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Ban Giám hiệu đối với việc phát triển năng lực nghiên cứu và sáng tạo trong Nhà trường.

Tiếp nối định hướng này, nhà trường đã ban hành Kế hoạch tổ chức Hội thi nghiên cứu khoa học cấp trường ([6.1.02-Kế hoạch dự thi nghiên cứu khoa học cấp trường](#)) như một cơ chế thúc đẩy phong trào sáng kiến trong toàn thể đội ngũ. Kế hoạch không chỉ đề cập đến nội dung, tiến độ, cách thức tổ chức mà còn thể hiện rõ trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong việc tham gia và lan tỏa tinh thần đổi mới trong giảng dạy.

Bên cạnh đó, việc hoàn thiện các nội dung chuẩn bị tổ chức Hội thi thiết bị đào tạo cấp trường là minh chứng cho tính chủ động, nghiêm túc và khoa học trong công tác tổ chức các hoạt động nghiên cứu, đổi mới tại Nhà trường. Các hoạt động này không chỉ dừng lại ở quy mô nội bộ mà còn tạo tiền đề để tuyển chọn sản phẩm tiêu biểu tham gia hội thi cấp tỉnh, cấp quốc gia (6.1.03-Thông báo hoàn thiện nội dung chuẩn bị tổ chức Hội thi thiết bị đào tạo cấp trường).

Việc xây dựng chính sách và triển khai đồng bộ đã góp phần tạo dựng môi trường học thuật tích cực, nơi giảng viên và người học được khuyến khích phát huy khả năng sáng tạo, ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn, từ đó không ngừng nâng cao chất lượng giảng dạy và đào tạo nghề. Những văn bản trên vừa thể hiện tính pháp lý chặt chẽ, vừa cho thấy tầm nhìn chiến lược và quyết tâm đổi mới giáo dục nghề nghiệp của Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột trong thời kỳ đổi mới và hội nhập. *6.1.04 – Các Quyết định ban hành quy định quản lý hoạt động NCKH công nghệ và quy trình thực hiện đề tài NCKH cấp cơ sở*).

Trong công tác NCKH, sáng kiến kinh nghiệm, cán bộ, giảng viên, nhân viên luôn luôn chấp hành các quy định của pháp luật hiện hành và quy chế, quy định về công tác NCKH của Nhà trường và thực hiện theo đúng quy trình, các biểu mẫu do nhà trường ban hành (*6.1.05 – Các Quyết định thành lập Hội đồng tuyển chọn, xét duyệt đề tài NCKH, sáng kiến, mô hình thiết bị đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025; 6.1.06 – Các Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu các đề tài NCKH, sáng kiến, mô hình thiết bị đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025; 6.1.07 – Phiếu đăng ký đề tài NCKH, sáng kiến năm học 2023-2024, 2024-2025*).

Để khuyến khích công tác NCKH, Nhà trường tổ chức khen thưởng cho các tác giả có sáng kiến được nghiệm thu (*6.1.08 – Quyết định về việc tặng giấy khen và chi tiền khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua năm học 2020 – 2021, 2022 – 2023, 2023-2024; 6.1.10 – Thông báo kết luận của Hội nghị thẩm định kinh phí đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở mức M2 của giảng viên và sinh viên trường Trung cấp Buôn Mê Thuột từ năm học 2023-2024, 2024-2025*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 6: 02 điểm

Tiêu chuẩn 6.2: Hằng năm, trường có tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên, được ứng dụng, phục vụ trực tiếp công tác đào tạo của trường và phục vụ cộng đồng

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong năm học 2023–2024, Nhà trường đã tổ chức thành công Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp trường. Đây là một hoạt động trọng điểm nhằm khơi dậy và phát huy tinh thần đổi mới sáng tạo trong đội ngũ nhà giáo. Các thiết bị, mô hình tham gia hội thi được nghiên cứu, thiết kế dựa trên chính nội dung bài giảng và bài thực hành thực tế, giúp nâng cao hiệu quả

giảng dạy, cải thiện kỹ năng nghề cho học sinh và đồng thời giảm đáng kể chi phí đầu tư vào thiết bị dạy học. Hội thi không chỉ là sân chơi học thuật mà còn là diễn đàn để các tổ chuyên môn trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ giải pháp kỹ thuật trong giảng dạy thực hành, phát huy tinh thần “mỗi thầy, cô là một nhà sáng chế”.

Căn cứ vào kết quả tuyển chọn nội bộ ([6.2.01-Biên bản tổng hợp kết quả dự thi cấp trường](#)), nhà trường đã ban hành Quyết định số 23/QĐ-TCTN ngày 01/4/2024 ([6.2.02-Quyết định thành lập Đoàn tham gia dự thi cấp tỉnh](#)) về việc thành lập Đoàn tham gia Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp tỉnh năm 2024 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk tổ chức ([6.2.03-Quyết định về việc ban hành quy định hội thi thiết bị đào tạo tự làm tỉnh Đắk Lắk](#)). Sản phẩm đại diện của trường được đánh giá cao tại hội thi cấp tỉnh, Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột đã vinh dự nhận về 03 Giải (một giải Khuyến khích và 02 giải Ba) tại Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp tỉnh năm 2024. Đây là thành tích đáng tự hào, khẳng định uy tín chuyên môn và năng lực nghiên cứu ứng dụng của đội ngũ giảng viên Nhà trường ([6.2.04-Giấy khen Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp tỉnh](#)).

Điểm nổi bật của hoạt động này là các thiết bị đạt giải không chỉ dừng lại ở mô hình lý thuyết mà đã được ứng dụng trực tiếp vào giảng dạy tại các xưởng thực hành, phòng mô phỏng chuyên ngành, giúp nâng cao hứng thú học tập, rút ngắn thời gian thao tác nghề, tăng tính trực quan và cải thiện rõ rệt kết quả thực hành của học sinh. Điều này khẳng định rằng hoạt động nghiên cứu khoa học tại Trường đã thực sự góp phần đổi mới phương pháp giảng dạy, tối ưu hóa quy trình đào tạo và phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương.

Như vậy, Tiêu chuẩn 6.2 đã được Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột triển khai một cách bài bản, thiết thực và có chiều sâu, thể hiện qua hệ thống văn bản đầy đủ, quy trình tổ chức chặt chẽ, kết quả cụ thể và đặc biệt là giá trị ứng dụng rõ rệt trong thực tiễn giảng dạy. Đây là minh chứng rõ ràng cho năng lực đổi mới, tinh thần sáng tạo và hiệu quả hoạt động nghiên cứu của Nhà trường – đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp hiện hành.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 6: 02 điểm

Tiêu chuẩn 6.3: Hằng năm, trường có các bài báo của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các tạp chí chuyên ngành hoặc ấn phẩm tương đương.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong bối cảnh giáo dục nghề nghiệp đang đẩy mạnh hội nhập và nâng cao chất lượng, việc xây dựng văn hóa nghiên cứu – công bố khoa học trong đội ngũ nhà giáo là yếu tố then chốt góp phần nâng cao vị thế học thuật của cơ sở đào tạo và lan tỏa tri thức nghề nghiệp tới cộng đồng. Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột xác định rằng công bố kết quả nghiên cứu

không chỉ là minh chứng cho quá trình học thuật, mà còn là cách thể hiện trách nhiệm chuyên môn của người giảng dạy đối với xã hội.

Trong năm 2025, Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột đã ghi nhận kết quả tích cực khi có giảng viên của Nhà trường tham gia viết và công bố bài báo chuyên ngành trên ấn phẩm truyền thông uy tín. Cụ thể, bài tham luận chuyên đề về Y học cổ truyền của giảng viên đã được đăng tải trên Báo Sức khỏe Việt, một ấn phẩm có nội dung chuyên sâu, phục vụ cộng đồng và có giá trị tham khảo học thuật. Đây là kết quả rất đáng ghi nhận trong bối cảnh công bố khoa học tại các trường trung cấp nghề còn gặp nhiều thách thức về nguồn lực, kỹ năng và cơ chế hỗ trợ ([6.3.01-Báo báo tham luận ngành YHCT](#)).

Việc công bố bài viết không chỉ thể hiện năng lực chuyên môn của cá nhân giảng viên mà còn góp phần khẳng định chất lượng đào tạo của nhà trường trước cộng đồng học thuật và người sử dụng lao động. Đồng thời, đây cũng là tiền đề quan trọng để xây dựng mạng lưới chia sẻ tri thức nội bộ, từ đó lan tỏa cảm hứng nghiên cứu đến các tổ chuyên môn, hình thành động lực phấn đấu, học hỏi trong đội ngũ ([6.3.02-Sáng kiến kinh nghiệm ngành TMDT](#)); ([6.3.03-Sáng kiến kinh nghiệm ngành HDDL](#)); ([6.3.04-Sáng kiến kinh nghiệm ngành KTCBMA](#)); ([6.3.05-Sáng kiến kinh nghiệm ngành CNOT](#)); ([6.3.06-Sáng kiến kinh nghiệm ngành Ngoại ngữ](#)).

Tuy nhiên, Nhà trường cũng nhìn nhận rằng số lượng công bố hiện tại còn khiêm tốn, chủ yếu mới ở dạng tự phát, chưa hình thành phong trào đồng đều giữa các khoa ngành. Một số giảng viên còn e ngại nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu chưa khoa học, chưa tự tin tham gia viết bài chuyên môn trên các diễn đàn học thuật hoặc tạp chí nghề nghiệp. Đây là thực trạng phổ biến ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện nay, nhất là đối với giảng viên kỹ thuật vốn quen thực hành hơn là lý luận.

Nhằm từng bước cải thiện và phát triển tiêu chí này, Nhà trường đã và đang xây dựng kế hoạch đề ra các biện pháp:

- Tổ chức các buổi chia sẻ phương pháp viết bài, tọa đàm chuyên đề tại tổ bộ môn, giúp giảng viên định hình cấu trúc bài viết học thuật.
- Khuyến khích công bố nội bộ qua kỷ yếu hội thảo cấp trường để tạo nguồn bài viết trước khi đưa ra công bố bên ngoài.
- Hướng tới liên kết với các tạp chí chuyên ngành hoặc các kênh học thuật địa phương để tạo “sân chơi học thuật” thường niên cho nhà giáo.
- Lòng ghép kết quả công bố bài viết vào đánh giá thi đua, khen thưởng cuối năm, tạo động lực rõ ràng và hiệu quả.

Mặc dù còn ở giai đoạn khởi đầu, nhưng những bước đi này đã tạo nền tảng quan trọng cho việc hình thành văn hóa công bố khoa học tại Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột – một

yếu tố ngày càng quan trọng trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo hướng tiếp cận chuẩn quốc gia và quốc tế.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 6: 02 điểm

Tiêu chuẩn 6.4: Có hoạt động hợp tác với các trường hoặc các tổ chức, cá nhân nước ngoài góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong xu thế toàn cầu hóa giáo dục, hợp tác quốc tế không còn là lựa chọn mà đã trở thành một tiêu chí bắt buộc đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nhằm cập nhật phương pháp đào tạo tiên tiến, chia sẻ nguồn lực học thuật và từng bước nâng cao năng lực hội nhập cho đội ngũ giảng viên cũng như người học. Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột nhận thức rõ tầm quan trọng của hợp tác quốc tế như một động lực chiến lược giúp đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, đồng thời tạo cầu nối đưa nhà trường ra với khu vực và thế giới.

Những năm gần đây, Nhà trường đã chủ động xúc tiến và thiết lập mối quan hệ hợp tác chính thức với một số cơ sở đào tạo và tổ chức giáo dục quốc tế. Nổi bật là việc ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác (MoU) với Uli Canada – một đơn vị có kinh nghiệm đào tạo nghề tại thị trường Bắc Mỹ, trong đó thống nhất hợp tác về lĩnh vực đào tạo nghề, chia sẻ chương trình đào tạo, hỗ trợ nâng cao năng lực giảng viên và trao đổi chuyên gia theo hình thức trực tuyến. Đây là bước đi chiến lược mở ra nhiều cơ hội chuyển giao công nghệ giáo dục và tiếp cận phương pháp đào tạo hiện đại.

Ngoài ra, Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột còn ký kết hợp đồng hợp tác giáo dục với St. Clair College (Canada) – một trường cao đẳng cộng đồng uy tín có nhiều chương trình đào tạo nghề hướng thực hành. Thỏa thuận hợp tác này được ký kết từ ngày 06/9/2022, là minh chứng cho tầm nhìn dài hạn trong chiến lược quốc tế hóa giáo dục của nhà trường. Hai bên cam kết phối hợp triển khai một số hoạt động như: trao đổi tài liệu giảng dạy, tham quan học tập trực tuyến, tìm hiểu mô hình đào tạo kép (dual education) tại Canada và hỗ trợ đánh giá chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế ([6.4.01-Thỏa thuận hợp tác với các đối tác nước ngoài](#))

Không chỉ dừng lại ở việc ký kết văn bản hợp tác, nhà trường còn bước đầu triển khai một số hoạt động chuyên môn gắn với nội dung hợp tác quốc tế, như:

Tổ chức hội thảo trực tuyến với chuyên gia nước ngoài (qua nền tảng Zoom/Google Meet);

Tham gia hội nghị quốc tế về giáo dục nghề nghiệp do các tổ chức nước ngoài tổ chức;
Mời chuyên gia có kinh nghiệm trong các chương trình hợp tác đào tạo đến chia sẻ chuyên đề với giảng viên Nhà trường.

Tuy nhiên, do điều kiện địa phương và hạn chế về nguồn lực, các hoạt động hợp tác vẫn chủ yếu ở mức độ kết nối bước đầu, mang tính chuẩn bị nền tảng. Nhà trường đang xây dựng Báo cáo tổng hợp hoạt động hợp tác quốc tế ([6.4.02-Báo cáo các hoạt động hợp tác quốc tế](#)) để đánh giá hiệu quả các thỏa thuận đã ký và đề xuất phương án triển khai trong giai đoạn 2025–2027 theo hướng cụ thể, thực chất và bền vững hơn.

Trong giai đoạn tiếp theo, Nhà trường xác định các định hướng trọng tâm như sau: Tăng cường tính thực chất của hợp tác, chuyển từ giai đoạn ký kết sang giai đoạn triển khai cụ thể; tìm kiếm các chương trình tài trợ, viện trợ giáo dục từ các tổ chức phi chính phủ và quỹ quốc tế; hỗ trợ giảng viên học tập kinh nghiệm quốc tế qua các khóa học trực tuyến có chứng chỉ; xây dựng học phần tích hợp nội dung quốc tế trong một số ngành đào tạo thế mạnh; tiến tới xây dựng bộ phận phụ trách hợp tác quốc tế chuyên trách, đóng vai trò cầu nối, tổ chức, giám sát và đánh giá các hoạt động đối ngoại giáo dục.

Có thể khẳng định rằng, Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột đã có bước khởi đầu bài bản trong lĩnh vực hợp tác quốc tế, thể hiện qua các thỏa thuận hợp tác hợp pháp, định hướng chiến lược rõ ràng và một số hoạt động chuyên môn ban đầu được triển khai. Tiêu chuẩn 6.4 đã và đang được Nhà trường thực hiện một cách nghiêm túc, chủ động và từng bước đi vào chiều sâu, tạo nền móng vững chắc cho tiến trình hội nhập giáo dục nghề nghiệp theo chuẩn khu vực và quốc tế.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 6: 00 điểm

3.2.7. Tiêu chí 7: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu:

Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột luôn xác định người học là thành tố quan trọng và có tính quyết định trong hoạt động giáo dục và đào tạo của Nhà trường. Chính vì thế, người học luôn được Nhà trường tư vấn đầy đủ các thông tin về ngành học, chế độ chính sách mà người học được hưởng, các khoản thu học phí, hướng dẫn đầy đủ về mục tiêu, chương trình đào tạo và các yêu cầu trong kiểm tra, đánh giá một cách minh bạch, rõ ràng. Song song đó, người học luôn được hướng dẫn làm các thủ tục hưởng các chế độ chính sách về miễn giảm học phí, được chăm sóc sức khỏe theo quy định về y tế học đường.

Người học còn được tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; được đảm bảo an toàn trong trường học; được giáo dục và rèn luyện về chính trị tư tưởng, đạo đức và lối sống; đồng thời được tạo môi trường thuận lợi để học sinh tham gia các hoạt động đoàn thể, xã hội.

*** Những điểm mạnh:**

Được sự quan tâm và tin tưởng của Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao động -Thương binh và Xã hội, Nhà trường luôn là đơn vị được tham gia tập huấn và tham gia công tác tư vấn hướng nghiệp cho học sinh khối 9 trên địa bàn toàn tỉnh. Qua đó, các thông tin đưa đến

cho người học luôn chính xác, minh bạch được phổ biến sâu rộng. Đồng thời Nhà trường có cơ hội giao lưu, học hỏi thêm kinh nghiệm tuyển sinh, cũng như các thông tin mới nhất dành cho người học.

Đầu mỗi khóa học – năm học, Nhà trường tổ chức gặp mặt đầu khóa, qua đó cung cấp đầy đủ thông tin cho học sinh về nội quy, quy chế và tất cả các thông tin liên quan đến người học; phân công giáo viên chủ nhiệm bám sát lớp, lập các trang zalo của lớp để triển khai các thông tin đến học sinh nhanh chóng, kịp thời. Ngoài ra các thông tin về Pháp luật và kỹ năng hoạt động nhóm, kỹ năng mềm, kỹ năng xử lý tình huống về phòng cháy, chữa cháy đều được nhà trường phổ biến và cho học sinh thực nghiệm từ đầu khóa học.

Chương trình đào tạo luôn được đổi mới để phù hợp với nhu cầu người học, xã hội và doanh nghiệp. Các chế độ chính sách dành cho người học được thông báo đến học viên ngay từ đầu và rất rõ ràng, dễ hiểu. Các thông tin về thủ tục miễn giảm luôn được hướng dẫn một cách tỉ mỉ, tận tình.

Nhà trường đã trải qua hơn 17 năm hình thành và phát triển, thương hiệu, uy tín và chất lượng đào tạo đã được khẳng định, nên học viên đã và đang tham gia học tập tại trường rất tin tưởng, am hiểu về thông tin các ngành nghề và là cầu nối tuyển sinh của trường. Nhà trường đã kết nối với các doanh nghiệp lớn để tạo điều kiện cho học sinh thực hành, thực tập và giới thiệu việc làm cho học sinh sau khi ra trường.

** Những tồn tại:*

Hiện nay các bộ môn và các phòng ban đang phụ trách cả hoạt động tư vấn giới thiệu việc làm cho học sinh, Nhà trường chưa có bộ phận chuyên trách để phát triển hoạt động này.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Nhà trường nghiên cứu thành lập bộ phận tư vấn hướng nghiệp và giới thiệu việc làm cho học sinh trong cuối năm. Ngoài ra, đang yêu cầu các bộ môn tăng cường liên kết với các doanh nghiệp, đơn vị để giới thiệu việc làm cho học sinh sau khi tốt nghiệp, tìm kiếm và tuyển dụng thêm các giáo viên trước đây đã từng làm việc hoặc có kinh nghiệm làm việc với các công ty giảng dạy tại Trường.

Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	10
Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	02
Tiêu chuẩn 3	02
Tiêu chuẩn 4	02
Tiêu chuẩn 5	02

Tiêu chuẩn 7.1: Các thông tin về ngành, nghề, chương trình đào tạo và việc tổ chức thực hiện quy chế đào tạo, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với người học được mô tả rõ ràng, đầy đủ và công khai.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã triển khai đầy đủ các thông tin tuyển sinh đến người học thông qua các thiết kế trên Sổ tay, trên các Thông báo tuyển sinh, thông báo tuyển sinh được nhà trường làm theo từng năm, từng đợt, tách bạch cho từng đối tượng, ngành nghề tuyển sinh trên Website: Website Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột đăng tải đầy đủ các nội dung: giới thiệu trường, cơ cấu tổ chức, chương trình đào tạo, quy chế đào tạo, quy chế học sinh, sinh viên, quy định nề nếp, các thông tin về ngành nghề đào tạo, hình thức xét tuyển, các chế độ chính sách của học viên và các hoạt động của nhà trường một cách công khai và trên Facebook: Các bài viết được đăng tải, chia sẻ rộng rãi, hiện Facebook trường đang có 7,7k lượt thích và 8,3k người theo dõi. Các bình luận, đánh giá được hiển thị công khai và các thắc mắc của học viên sẽ luôn được giải đáp nhanh chóng, chính xác. Thông tin tuyển sinh còn được công khai trên tờ rơi, áp phích, standee ([7.1.01-Các thông tin về ngành nghề](#)).

Chương trình đào tạo thể hiện đầy đủ các thông tin về modum, các môn học, cơ hội việc làm, chuẩn đầu ra, đối tượng, thời gian đào tạo các ngành sơ cấp sơ cấp, Trung cấp ([7.1.02-Chương trình trên Webste](#)).

Thông tin về tổ chức thực hiện quy chế đào tạo thể hiện trên các Thiết kế sổ tay quy chế tạo trên sổ tay và Wesb ([7.1.03-Thông tin tổ chức thực hiện Quy chế đào tạo](#)).

Thông tin về Kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp nằm tại điều 13,14,15,16,17,21,22,23 của Quy chế đào tạo và được đăng tải trên Web của trường ([7.1.04-Thông tin về kiểm tra thi,xét công nhận tốt nghiệp trên Website](#)).

Thông tin về nội quy, quy chế nhà trường luôn được công khai đầy đủ tại tại các phòng học, phòng thực hành như: bếp ăn, phòng máy tính, phòng thực hành Y học cổ truyền, xoa bóp bấm huyệt, các bảng nội quy quy định riêng phù hợp với từng ngành nghề. Nội quy, quy chế trên sổ tay đầy đủ, cụ thể nhất được thể hiện trên Web ([7.1.05-Thông tin về nội quy, quy chế nhà trường](#)).

Nhà trường luôn chú trọng đến chế độ chính sách với người học. Trong nhiều năm qua trường đã phối hợp Sở Giao thông vận tải thực hiện Chính sách miễn giảm học phí lái xe với Bộ đội xuất ngũ: Bộ đội xuất ngũ có thể học nghề sẽ được miễn giảm học phí theo quy định. Với đối tượng hưởng trợ cấp thất nghiệp, Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột đã phối hợp với Trung tâm giới thiệu việc làm Đắk Lắk thực hiện tốt chính sách miễn giảm học phí lớp sơ cấp Xoa bóp bấm huyệt cho học viên. Đặc biệt trong 3 năm vừa qua, trường đã phối hợp với các Sở Lao động Thương binh và Xã hội thực hiện Chính sách hỗ trợ 100% học phí học Trung

cấp cho đối tượng học sinh tốt nghiệp THCS ([7.1.06-Thông tin về chính sách đối với người học](#)).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, bảo đảm quyền lợi của người học, tạo điều kiện cho người học thuộc đối tượng chính sách có cơ hội tiếp cận học nghề, lập nghiệp. Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xây dựng và thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với người học theo quy định của pháp luật. Các quyền lợi chính đáng của người học được đảm bảo trong quá trình học tập và sinh hoạt tại trường như: miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập; cấp học bổng, vay vốn ưu đãi; được tham gia các hoạt động ngoại khóa, tư vấn tâm lý – hướng nghiệp; tham gia công tác Đoàn – Hội và các phong trào thi đua và được ghi chép trong sổ tay người học ([7.1.01.01-Sổ tay người học](#)).

Nhà trường chú trọng việc triển khai các biện pháp hỗ trợ đối tượng người học thuộc diện chính sách, dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa, hộ nghèo, cận nghèo,... nhằm tạo điều kiện thuận lợi để các em có cơ hội tiếp cận chương trình đào tạo, rèn luyện kỹ năng nghề và hướng tới lập nghiệp bền vững ([7.2.01-Thông báo, kế hoạch, quyết định hỗ trợ người học](#)).

Trường thiết lập các kênh tiếp nhận phản ánh, khiếu nại của người học về việc thực hiện chính sách và đảm bảo quyền lợi, đồng thời có quy trình xử lý minh bạch, rõ ràng. Ngoài ra, việc tuyên truyền, phổ biến về quyền và nghĩa vụ của người học được lồng ghép thường xuyên thông qua các hoạt động giáo dục chính khóa và ngoại khóa, góp phần xây dựng môi trường học tập thân thiện, nhân văn và phát triển toàn diện ([7.2.02-Danh sách người học hưởng các chế độ chính sách](#)).

Bên cạnh đó, Nhà trường thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tôn trọng, đối xử công bằng và bình đẳng trong môi trường học đường. Mọi người học đều được tiếp cận các dịch vụ, cơ hội học tập, sinh hoạt, rèn luyện và phát triển bản thân một cách công bằng, không bị phân biệt đối xử vì giới tính, tôn giáo, tín ngưỡng, dân tộc, hoàn cảnh gia đình hay nguồn gốc xuất thân ([5.4.02-Quyết định ban hành văn hóa ứng xử trong nhà trường](#)).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7.3: Trường có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện; hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường ban hành và thực hiện đầy đủ các chính sách khen thưởng, động viên nhằm ghi nhận, khuyến khích tinh thần phấn đấu trong học tập, rèn luyện và tham gia hoạt động phong trào của người học. Các hình thức khen thưởng được thực hiện công khai, minh bạch, đúng quy chế và bao gồm: khen thưởng cuối kỳ, cuối năm học; học bổng khuyến học, học bổng vượt khó; giấy khen, bằng khen trong các cuộc thi học thuật, văn nghệ, thể thao và kỹ năng nghề các cấp và nằm trong Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường hàng năm (6.1.01-Quy chế chi tiêu nội bộ).

Nhà trường đồng thời xây dựng các cơ chế hỗ trợ kịp thời cho người học gặp khó khăn trong học tập, đời sống hoặc tâm lý. Việc hỗ trợ được thực hiện thông qua các hình thức như: phân công giáo viên cố vấn học tập; tổ chức lớp phụ đạo; hỗ trợ tài liệu học tập; hướng dẫn kỹ năng học tập; và kết nối các nguồn lực xã hội hỗ trợ sinh viên có hoàn cảnh khó khăn (7.3.01-Chính sách chế độ khen thưởng người học).

Nhà trường đã ban hành và thực hiện chính sách khen thưởng đối với người học đạt thành tích cao trong học tập, rèn luyện và tham gia các hoạt động phong trào. Các hình thức khen thưởng bao gồm:

- Khen thưởng học kỳ, năm học dành cho học sinh đạt loại giỏi, xuất sắc;
- Khen thưởng chuyên đề trong các cuộc thi kỹ năng nghề, hội thi văn nghệ, thể dục thể thao, sáng tạo khoa học kỹ thuật,...
- Học bổng khuyến học và học bổng vượt khó, góp phần động viên, hỗ trợ tinh thần học tập cho người học.

Công tác phối hợp giữa các phòng, ban chức năng và tổ chức Đoàn – Hội trong Nhà trường được phát huy hiệu quả nhằm phát hiện, hỗ trợ và theo dõi quá trình tiến bộ của người học. Mọi hoạt động khen thưởng, hỗ trợ đều hướng tới mục tiêu tạo động lực học tập tích cực, giúp người học phát triển toàn diện cả về kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7.4: Người học được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, nghiên cứu khoa học và các hoạt động xã hội khác để phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định rõ vai trò quan trọng của việc phát triển toàn diện người học thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp, nhằm bổ trợ, nâng cao phẩm chất đạo đức, kỹ năng sống, tinh thần trách nhiệm cộng đồng và năng lực nghề nghiệp.

Nhà trường xây dựng kế hoạch, phối hợp với các tổ chức Đoàn – Hội triển khai thường xuyên các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học và các hoạt động xã hội, tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích cho người học. Các hoạt động này được thiết kế

đa dạng, phù hợp với lứa tuổi, trình độ, sở thích, chuyên ngành đào tạo và điều kiện thực tiễn của nhà trường ([7.4.01-Kế hoạch Đoàn](#)).

Nhà trường tạo điều kiện về cơ sở vật chất, thời gian, kinh phí và nhân lực để các hoạt động này diễn ra hiệu quả, đồng thời có chính sách ghi nhận, khen thưởng và tuyên dương người học có đóng góp tích cực ([7.4.02-Kế hoạch hoạt động ngoại khóa, dự án chuyên đề của các bộ môn](#)).

Người học được khuyến khích tích cực tham gia các hội thi, hội thao, lễ hội truyền thống, hoạt động thiện nguyện, chương trình hướng nghiệp – khởi nghiệp, và các cuộc thi nghiên cứu khoa học, sáng tạo kỹ thuật, kỹ năng nghề các cấp. Những hoạt động này không chỉ giúp người học phát triển năng lực cá nhân mà còn tăng cường khả năng làm việc nhóm, tư duy sáng tạo, kỹ năng giao tiếp và thích ứng xã hội ([7.4.03-Quy chế nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm cho người học](#)).

Việc tham gia các hoạt động ngoại khóa và cộng đồng được lồng ghép như một phần trong quá trình giáo dục toàn diện và được ghi nhận trong hồ sơ rèn luyện, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của người học.

Những hoạt động này được Nhà trường lồng ghép trong kế hoạch năm học, có phân công tổ chức, lưu trữ hình ảnh, biên bản, kế hoạch, quyết định khen thưởng và bài viết truyền thông làm minh chứng.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7.5: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát, quản lý người học được định kỳ rà soát và cải tiến để đáp ứng nhu cầu của người học và các bên liên quan.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xây dựng hệ thống hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học trên nhiều phương diện: học tập, rèn luyện, tư vấn tâm lý, hỗ trợ đời sống, hướng nghiệp – việc làm,... nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất để người học đạt kết quả tốt trong quá trình học tập và phát triển toàn diện. Các hoạt động này được tổ chức bài bản, có đầu mối phụ trách rõ ràng và được công bố công khai để người học dễ dàng tiếp cận ([7.5.01-Báo cáo tổng kết các hoạt động bao gồm các hoạt động đoàn, hoạt động thể dục thể thao](#)).

Song song với đó, Nhà trường triển khai hệ thống giám sát và quản lý người học hiệu quả thông qua các công cụ như phần mềm quản lý đào tạo, hệ thống điểm danh – đánh giá rèn luyện, sổ tay học sinh – sinh viên, phản hồi từ cố vấn học tập, giám thị, giáo viên bộ môn và các tổ chức Đoàn – Hội.

Định kỳ hàng năm hoặc theo chu kỳ học kỳ, Nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá hiệu quả các hoạt động hỗ trợ và giám sát người học thông qua thu thập ý kiến phản hồi từ

người học, phụ huynh và các bên liên quan. Kết quả rà soát được sử dụng làm căn cứ để điều chỉnh, cải tiến quy trình, nội dung, hình thức hỗ trợ nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, kịp thời đáp ứng các nhu cầu phát sinh, tăng mức độ hài lòng của người học ([7.5.02-Các chính sách về hỗ trợ người học như quần áo, ăn ở, chi phí đi lại](#)).

Nhà trường cũng thường xuyên cập nhật các xu hướng mới trong công nghệ giáo dục, kỹ năng nghề nghiệp, nhu cầu doanh nghiệp để điều chỉnh các chương trình hỗ trợ người học tiếp cận với môi trường học tập hiện đại, sát thực tế và định hướng phát triển nghề nghiệp bền vững.

Việc cải tiến các hoạt động hỗ trợ và giám sát người học thể hiện cam kết của nhà trường trong việc lấy người học làm trung tâm, đồng thời tăng cường trách nhiệm giải trình đối với xã hội và các bên liên quan. 7.5.03-Kế hoạch rà soát các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát, quản lý người học; 7.5.04- Báo cáo rà soát các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát, quản lý người học; 7.5.05- Đề xuất cải tiến các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát, quản lý người học).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 7: 02 điểm

3.2.8. Tiêu chí 8: Giám sát, đánh giá chất lượng

Mở đầu:

Nhà trường đã nhận thức rõ vai trò then chốt của công tác giám sát, đánh giá chất lượng trong việc duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo. Nhà trường đã ban hành các quy định, quy trình liên quan đến việc kiểm tra, giám sát và đánh giá chất lượng ở các cấp độ: chương trình đào tạo, hoạt động giảng dạy, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, hoạt động hỗ trợ người học và kết quả học tập của người học.

**Những điểm mạnh:* Hệ thống giám sát được tổ chức thông qua nhiều kênh: kiểm tra nội bộ theo kế hoạch định kỳ; giám sát đột xuất; thu thập ý kiến phản hồi từ người học, giáo viên và doanh nghiệp; kết quả đánh giá chất lượng dạy học, chất lượng thực tập, rèn luyện và kết quả đầu ra. Việc phân tích dữ liệu được thực hiện để xác định điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đề xuất các biện pháp cải tiến cụ thể, kịp thời.

Hoạt động đánh giá chất lượng được triển khai trên nguyên tắc khách quan, công khai, minh bạch, có tham chiếu các bộ tiêu chí kiểm định chất lượng do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành. Các kết quả đánh giá được báo cáo định kỳ, công bố trong nội bộ và phục vụ trực tiếp cho công tác điều chỉnh kế hoạch đào tạo, xây dựng chiến lược phát triển nhà trường.

Bên cạnh đó, Nhà trường từng bước áp dụng các công cụ số và phần mềm quản lý để hỗ trợ công tác giám sát – đánh giá như hệ thống LMS, phần mềm quản lý đào tạo, phần mềm

khảo sát trực tuyến,... góp phần nâng cao hiệu quả, tiết kiệm thời gian và tăng độ chính xác của công tác đánh giá.

* *Những tồn tại*: Tuy nhiên, một số hạn chế vẫn tồn tại như: việc đánh giá chất lượng đôi khi còn mang tính hình thức; chưa khai thác đầy đủ dữ liệu phản hồi từ các bên liên quan; hoạt động cải tiến sau đánh giá chưa đồng đều giữa các đơn vị chuyên môn.

* *Kế hoạch nâng cao chất lượng*: Nhà trường sẽ tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy trình giám sát, đánh giá chất lượng đào tạo theo hướng đồng bộ, minh bạch và thực chất. Các hoạt động đánh giá sẽ được chuẩn hóa, bám sát các tiêu chí kiểm định chất lượng của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin thông qua các phần mềm quản lý đào tạo, khảo sát trực tuyến, hệ thống LMS nhằm nâng cao hiệu quả thu thập và phân tích dữ liệu. Tăng cường việc khai thác phản hồi từ người học, giảng viên và doanh nghiệp một cách có hệ thống; tổ chức các hoạt động đối thoại, khảo sát định kỳ để kịp thời phát hiện và xử lý những điểm còn hạn chế. Đồng thời, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách công tác đảm bảo chất lượng; yêu cầu các đơn vị chuyên môn xây dựng kế hoạch cải tiến cụ thể sau mỗi đợt đánh giá và công khai kết quả thực hiện. Nhà trường hướng tới xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ theo chu trình PDCA, vận hành liên tục và hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo một cách bền vững.

Điểm đánh giá tiêu chí 8

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 8	12
Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	02
Tiêu chuẩn 3	02
Tiêu chuẩn 4	02
Tiêu chuẩn 5	02
Tiêu chuẩn 6	02

Tiêu chuẩn 8.1: Tỷ lệ tốt nghiệp của người học và tỷ lệ bỏ học được xác lập, giám sát, đối sánh (nếu có) để cải tiến.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định rõ tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ bỏ học là hai chỉ số quan trọng phản ánh chất lượng và hiệu quả đào tạo. Do đó, Nhà trường thiết lập cơ chế theo dõi, thống kê và giám sát định kỳ các chỉ số này theo từng khóa, từng ngành nghề và hệ đào tạo ([8.1.01-Bảng tổng hợp tỷ lệ tốt nghiệp người học và tỷ lệ bỏ học được xác lập, giám sát](#)).

Việc thu thập và cập nhật dữ liệu tốt nghiệp – bỏ học được thực hiện thường xuyên bởi phòng đào tạo hoặc bộ phận chuyên trách. Các số liệu được phân tích nhằm phát hiện xu

hướng, nguyên nhân, đặc biệt chú trọng đến các ngành có tỷ lệ bỏ học cao hoặc tỷ lệ tốt nghiệp chưa đạt kỳ vọng ([8.1.02-Quyết định thôi học](#)).

Nhà trường đồng thời tiến hành đối sánh nội bộ giữa các lớp, các ngành và giữa các năm học nhằm so sánh tiến độ, hiệu suất đào tạo. Trong điều kiện cho phép, Nhà trường có thể đối sánh ngoại vi với các cơ sở đào tạo khác có cùng quy mô, ngành nghề để tham khảo mô hình hiệu quả và rút ra bài học cải tiến ([8.1.03.-Quyết định công nhận tốt nghiệp](#)) ([8.1.04-Quyết định thành lập lớp](#)).

Kết quả phân tích được sử dụng làm căn cứ để điều chỉnh các hoạt động quản lý đào tạo, tư vấn học tập, hỗ trợ tâm lý, chính sách miễn giảm học phí – học bổng, nâng cao chất lượng giảng dạy, cải thiện điều kiện học tập và tăng cường động lực học nghề cho người học ([1.3.03-Báo cáo hàng năm](#)).

Nhà trường thường xuyên tổ chức các cuộc họp chuyên môn, họp giáo viên chủ nhiệm, họp cố vấn học tập và họp giao ban giữa các phòng, khoa để theo dõi tình hình học tập, rèn luyện của học sinh và kịp thời đưa ra giải pháp giảm tỷ lệ thôi học ([8.1.05-Biên bản họp GVCN](#)).

Bảng 8.1.1. Bảng thống kê số lượng SV tốt nghiệp năm học 2023-2024; tỷ lệ SV bỏ học, tỷ lệ SV có việc làm

STT	Ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Số sinh viên bỏ học (tỷ lệ %)	Số lượng SV có việc làm Tỷ lệ (%)
1	Y học cổ truyền	72	7/72 (9,7%)	62/72 (86,11%)
2	Xoa bóp bấm huyệt	89	8/89 (8,9%)	72/89 (80,89%)
	Tổng	161	15/161 (9,3%)	134/161 (83,22%)

Bảng 8.1.2. Bảng thống kê số lượng SV tốt nghiệp năm học 2024-2025; tỷ lệ SV bỏ học, tỷ lệ SV có việc làm

STT	Ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Số sinh viên bỏ học (tỷ lệ %)	Số lượng SV có việc làm Tỷ lệ (%)
1	Y học cổ truyền	70	10/70 (14,28%)	56/70 (80%)
2	Tin học ứng dụng	62	12/62 (19,35%)	31/62 (50%)
3	Hướng dẫn du lịch	76	4/76 (5,26%)	30/76 (39,47%)
4	Thương mại điện tử	22	0/22 (0%)	20/22 (90,9%)
	Tổng	230	26/230 (11,30%)	137/230 (59,56%)

Việc công bố và minh bạch hóa các tỷ lệ này trong nội bộ giúp nâng cao trách nhiệm của các đơn vị chuyên môn và tạo động lực để nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp, giảm tỷ lệ bỏ học.

Đồng thời, đây cũng là nguồn dữ liệu quan trọng trong việc lập kế hoạch chiến lược và đánh giá hiệu quả chương trình đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 8: 02 điểm

Tiêu chuẩn 8.2: Trường triển khai hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm cơ sở để đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường nhận thức rõ vai trò của đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan như doanh nghiệp, cơ quan tuyển dụng, tổ chức nghề nghiệp, cựu học sinh, phụ huynh,... trong việc đánh giá chất lượng đầu ra và nâng cao mức độ phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn. Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, gắn đào tạo với thị trường lao động, mở rộng quan hệ với doanh nghiệp, Nhà trường xây dựng và thực hiện quy trình khảo sát lấy ý kiến đơn vị sử dụng lao động. Hệ thống, công cụ khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và được thực hiện hàng năm theo đúng quy trình [\(8.2.01-Quy trình khảo sát doanh nghiệp\)](#). Nội dung khảo sát tập trung vào mức độ hài lòng về: kỹ năng nghề, kỹ năng mềm, thái độ làm việc, năng lực thích ứng, tinh thần kỷ luật và hiệu quả làm việc của người tốt nghiệp trong môi trường sản xuất – kinh doanh – dịch vụ thực tế. Doanh nghiệp tham gia khảo sát là những đơn vị có ký kết hợp đồng hợp tác đào tạo học sinh trong quá trình giảng dạy và cũng là những doanh nghiệp, đơn vị đang sử dụng nguồn lao động là học sinh của trường sau tốt nghiệp [\(8.2.02-Kế hoạch khảo sát doanh nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025; 8.2.03-Danh sách doanh nghiệp tham gia khảo sát năm 2023-2024, 2024-2025\)](#) [\(8.2.04-Phiếu khảo sát đơn vị sử dụng lao động năm 2023-2024, 2024-2025\)](#).

Các kênh thu thập phản hồi bao gồm: khảo sát trực tiếp, khảo sát trực tuyến, hội thảo nhà trường – doanh nghiệp, hoạt động hội đồng tư vấn doanh nghiệp, phỏng vấn sâu, báo cáo đánh giá của đơn vị sử dụng lao động sau đợt thực tập hoặc tuyển dụng

Thông tin thu được được phân tích có hệ thống và sử dụng làm cơ sở thực tiễn để điều chỉnh, cải tiến các chính sách như: chương trình đào tạo, nội dung môn học, kế hoạch thực hành – thực tập, hoạt động hỗ trợ người học, chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên, kết nối doanh nghiệp,... từ đó góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo [\(8.2.05-Thống kê khảo sát của các nhà tuyển dụng năm 2023-2024, 2024-2025\)](#). [\(8.2.06- Báo cáo cải tiến \(đề xuất, kiến nghị\) sau kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2023-2024,2024- 2025\)](#)

Nhà trường đồng thời thiết lập cơ chế phản hồi hai chiều, trong đó doanh nghiệp không chỉ đánh giá kết quả đào tạo mà còn được tham gia góp ý xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo, đồng hành trong hoạt động hướng nghiệp, tuyển dụng và khởi nghiệp cho người học.

Việc lồng ghép tiếng nói của doanh nghiệp và xã hội vào quá trình ra quyết định giáo dục là minh chứng rõ ràng cho tinh thần cầu thị và cam kết cải tiến không ngừng của nhà trường nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ đào tạo và năng lực cạnh tranh của người học trên thị trường lao động.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 8: 02 điểm

Tiêu chuẩn 8.3: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo; sử dụng kết quả khảo sát để thực hiện đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp xác định đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý là lực lượng nòng cốt quyết định chất lượng đào tạo. Vì vậy, nhà trường thiết lập cơ chế khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đội ngũ này về các chính sách có liên quan trực tiếp đến hoạt động giảng dạy, công tác quản lý và phát triển nghề nghiệp.

Nhà trường xây dựng quy trình và công cụ khảo sát chuẩn hóa, bảo đảm tính khách quan, ẩn danh, dễ tiếp cận và phù hợp với đặc thù từng đối tượng. Trường đã ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo (8.3.01-Quy trình khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý). Nội dung khảo sát tập trung vào các nhóm chính sách như:

- Chính sách giảng dạy, đánh giá kết quả học tập;
- Chính sách tuyển dụng, hợp đồng lao động, phân công nhiệm vụ;
- Chính sách đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, cập nhật kiến thức và kỹ năng sư phạm;
- Chính sách khen thưởng, đãi ngộ, hỗ trợ phát triển nghề nghiệp;
- Chính sách bổ nhiệm, quy hoạch và luân chuyển cán bộ quản lý.

Hàng năm, Nhà trường tiến hành lập kế hoạch thu thập ý kiến cán bộ viên chức qua khảo sát bằng phiếu về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm CBQL, nhà giáo, viên chức và người lao động (8.3.02-Kế hoạch khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2023-2024, 2024-2025; 8.2.03-Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý tham gia khảo sát năm 2023-2024, 2024-2025 (8.3.04-Phiếu khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý về các chính sách năm học 2023-2024, 2024-2025)

Kết quả khảo sát được tổng hợp, phân tích định kỳ và báo cáo trong nội bộ để đánh giá mức độ phù hợp, hiệu lực và hiệu quả của các chính sách hiện hành. Nhà trường sử dụng thông tin thu được như một căn cứ thực tiễn để cải tiến, điều chỉnh hoặc xây dựng mới các chính sách đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp với yêu cầu phát triển đội ngũ và mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo [\(8.3.05.-Kết quả khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025\)](#).

Việc thực hiện khảo sát một cách định kỳ, khoa học thể hiện tinh thần cầu thị, dân chủ trong quản lý; đồng thời góp phần thúc đẩy môi trường làm việc tích cực, tôn trọng ý kiến chuyên môn và tăng cường sự gắn bó, trách nhiệm của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đối với sự phát triển của nhà trường [\(8.3.06-Báo cáo cải tiến sau khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025\)](#).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 8: 02 điểm

Tiêu chuẩn 8.4: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức đào tạo, về chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường; sử dụng kết quả khảo sát để thực hiện đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định người học là trung tâm của quá trình đào tạo, do đó việc lắng nghe và ghi nhận ý kiến phản hồi từ người học là cơ sở quan trọng để điều chỉnh, cải tiến chất lượng giảng dạy và dịch vụ đào tạo. Nhà trường đã ban hành các quy trình khảo sát chuẩn hóa, kèm theo hệ thống công cụ khảo sát phù hợp, nhằm thu thập ý kiến người học một cách toàn diện và có hệ thống. *(8.4.01- Quy trình khảo sát hoạt động đào tạo của HS; Quy trình Khảo sát ý kiến phản hồi của HS đối với giảng viên)*

Nội dung khảo sát được xây dựng khoa học, bao quát các khía cạnh như:

- Mức độ hài lòng về chất lượng giảng dạy của giảng viên;
- Đánh giá về hiệu quả của các hình thức đào tạo (trực tiếp, trực tuyến, thực hành, tích hợp...);
- Chất lượng dịch vụ hỗ trợ người học (thư viện, thiết bị, tư vấn, ký túc xá, hoạt động ngoại khóa...);
- Mức độ phù hợp và khả năng tiếp cận của các chính sách học bổng, hỗ trợ học tập, khen thưởng và các chế độ ưu đãi khác.

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch lấy ý kiến người học đánh giá chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học *(8.4.02-Kế hoạch khảo sát người học năm học 2023-*

2024, 2024-2025; 8.4.03-Danh sách người học tham gia khảo sát năm 2023-2024, 2024-2025
(8.4.04-Phiếu khảo sát người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025)

Các cuộc khảo sát được thực hiện định kỳ (thường theo học kỳ hoặc năm học) và được đảm bảo tính ẩn danh để khuyến khích người học phản hồi trung thực. Dữ liệu thu thập được phân tích và báo cáo một cách khách quan, có đối sánh giữa các khóa, ngành học hoặc theo thời gian nhằm phát hiện những tồn tại, xu hướng thay đổi và mức độ đáp ứng kỳ vọng của người học.

Kết quả khảo sát không chỉ là công cụ giám sát mà còn là nền tảng quan trọng để nhà trường đánh giá lại các chính sách, quy trình đào tạo và dịch vụ liên quan đến người học, từ đó thực hiện các điều chỉnh, cải tiến cần thiết nhằm nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện **(8.4.05-Thống kê khảo sát của từng môn học và báo cáo tổng hợp năm học 2023-2024, 2024-2025).** **(8.3.06-Báo cáo cải tiến sau khảo sát người học năm học 2023-2024, 2024-2025).**

Việc người học được tham gia đóng góp ý kiến thể hiện môi trường giáo dục dân chủ, lấy người học làm trung tâm, đồng thời nâng cao tinh thần trách nhiệm, sự gắn bó và hài lòng của người học đối với nhà trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 8: 02 điểm

Tiêu chuẩn 8.5: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng, có kế hoạch thực hiện kiểm định chất lượng trường; có kế hoạch và biện pháp để thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Trung cấp Buôn Ma Thuật xây dựng và duy trì hệ thống tự đánh giá chất lượng nội bộ một cách bài bản, định kỳ theo quy định tại các thông tư, hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Việc tự đánh giá được tổ chức có sự tham gia của các đơn vị chức năng, phòng ban chuyên môn và các bên liên quan, đảm bảo tính toàn diện, khách quan và minh bạch trong quá trình thực hiện. Nhà trường đã ban hành quy trình, biểu mẫu, kế hoạch tự đánh giá, phân công rõ ràng nhiệm vụ cho các nhóm phụ trách từng tiêu chí, tiêu chuẩn. ***(8.5.01- Quy trình tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN).***

Hàng năm, để thực hiện việc tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN, Phòng TT-KT&ĐBCLGD đã tham mưu xây dựng trình Hiệu trưởng phê duyệt và ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng Nhà trường, ban hành Kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN, triển khai tới toàn thể các đơn vị trong Nhà trường thực hiện ***(8.5.02- Các Quyết thành lập Hội đồng và Ban thư ký tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2024, 2025; 8.5.03-Các Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2024, 2025).***

Trên cơ sở tự đánh giá của các đơn vị, Ban thư ký Hội đồng tổng hợp và xây dựng báo cáo; lấy ý kiến các đơn vị trực thuộc trường, tổng hợp và hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng. Hội đồng tự đánh giá chất lượng tiến hành nghiên cứu, họp thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng. Sau khi Hội đồng tự đánh giá chất lượng thống nhất nội dung báo cáo, Hiệu trưởng phê duyệt Báo cáo tự đánh giá chất lượng. Trước ngày 25 tháng 12 hàng năm, Nhà trường báo cáo kết quả thực hiện tự đánh giá chất lượng về Tổng cục GDNN, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh. Báo cáo tự đánh giá được xây dựng dựa trên hệ thống minh chứng đầy đủ, có phân tích điểm mạnh, điểm yếu, đồng thời đề xuất các biện pháp cải tiến cụ thể phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường ([8.5.04-Báo cáo tự đánh giá cơ sở GDNN năm 2024, 2025](#)). Căn cứ vào kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục hàng năm, những nội dung trường chưa đạt, Nhà trường đã xác định và đưa vào kế hoạch hành động trong các năm tiếp theo để từng bước hoàn thiện góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ([8.5.05-Kế hoạch khắc phục các hạn chế trong Báo cáo tự đánh giá CSGDNN năm 2024, 2025](#); [8.5.06- Báo cáo khắc phục các hạn chế trong Báo cáo tự đánh giá CSGDNN năm 2024, 2025](#))

Bên cạnh hoạt động tự đánh giá, nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện kiểm định chất lượng theo các chu kỳ quy định. Nhà trường chuẩn bị minh chứng, hoàn thiện hồ sơ và sẵn sàng tiếp nhận hoạt động đánh giá ngoài của cơ quan có thẩm quyền. Nhà trường cũng đã, đang hoặc sẽ tham gia kiểm định theo bộ tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành.

Trên cơ sở kết quả tự đánh giá và/hoặc đánh giá ngoài (nếu có), nhà trường xác lập các kế hoạch cải tiến chất lượng có lộ trình, phân công trách nhiệm và thời gian thực hiện rõ ràng, tập trung vào các lĩnh vực như: nâng cao năng lực đội ngũ, cải tiến chương trình đào tạo, đầu tư cơ sở vật chất – thiết bị, tăng cường gắn kết doanh nghiệp, nâng cao chất lượng phục vụ người học,...

Việc thực hiện chu trình tự đánh giá – kiểm định – cải tiến chất lượng thể hiện rõ cam kết của Nhà trường trong việc xây dựng văn hóa chất lượng, không ngừng nâng cao hiệu quả đào tạo, đáp ứng yêu cầu của người học, doanh nghiệp và xã hội.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 8: 02 điểm

Tiêu chuẩn 8.6: Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% người học tốt nghiệp có việc làm.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định tỷ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp là chỉ số đầu ra quan trọng phản ánh chất lượng đào tạo và mức độ đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Nhà trường thiết lập cơ chế theo dõi, khảo sát và thống kê tỷ lệ việc làm của người học sau tốt

nghiệp trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ ngày cấp bằng. *(8.6.01- Quy trình khảo sát người học đã tốt nghiệp (điều tra lần vết)).*

Việc khảo sát việc làm được thực hiện định kỳ hằng năm thông qua các hình thức như: khảo sát trực tuyến, phỏng vấn qua điện thoại, liên hệ trực tiếp, phối hợp với doanh nghiệp tuyển dụng, hoặc thông qua cựu học sinh và các kênh truyền thông xã hội. Nội dung khảo sát tập trung vào: tình trạng việc làm, lĩnh vực nghề nghiệp, mức độ phù hợp giữa ngành học và công việc, mức thu nhập và mức độ hài lòng với công việc hiện tại. Thông qua khảo sát lần vết hàng năm, Nhà trường đã ghi nhận và đánh giá học sinh, sinh viên có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 12 tháng từ khi tốt nghiệp đạt tỷ lệ trung bình đạt trên 80% *(2.3.05- Quyết định công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cho học sinh năm 2023-2024, 2024-2025 và danh sách kèm theo; 8.6.02-Kế hoạch khảo sát người học đã tốt nghiệp 2023-2024, 2024-2025).* (8.6.03-Phiếu khảo sát người học đã tốt nghiệp).

Những HSSV tốt nghiệp của Nhà trường đều được đưa vào danh sách theo dõi của Trung tâm Giới thiệu việc làm, đây là cơ sở cho việc liên lạc với các em sau này *(8.6.04- Danh sách HS phản hồi thông tin việc làm chuyên môn sau 12 tháng 2023-2024, 2024-2025)*

Nhà trường duy trì mối quan hệ chặt chẽ với doanh nghiệp, tổ chức các hoạt động kết nối như: ngày hội việc làm, hợp tác đào tạo – tuyển dụng, thực tập – thực tế tại doanh nghiệp,... nhằm tạo điều kiện thuận lợi để người học tiếp cận cơ hội việc làm ngay sau khi tốt nghiệp.

Số liệu thống kê việc làm được phân tích và so sánh với mục tiêu đề ra (ít nhất 80% có việc làm trong 12 tháng) để làm căn cứ đánh giá hiệu quả đào tạo và điều chỉnh chương trình đào tạo, nội dung học phần, phương pháp giảng dạy và chính sách hỗ trợ nghề nghiệp. (8.6.05-Bảng tổng hợp người học tốt nghiệp có việc làm). *8.6.06- Báo cáo cải tiến (đề xuất, kiến nghị) sau kết quả khảo sát người học đã tốt nghiệp năm 2023-2024,2024- 2025)*

Qua kết quả khảo sát cho thấy trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, số lượng học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo các năm đảm bảo tỷ lệ theo qui định, cụ thể:

Năm tốt nghiệp	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 - 2025	TỔNG
Tổng số học sinh tốt nghiệp Trung cấp	72	230	302
Tổng	72	230	302

Năm học 2023-2024: Trường thực hiện lấy ý kiến HS tốt nghiệp là 72 HSSV. Tổng số HSSV phản hồi là 65 học sinh tỉ lệ là 90,27%. Số lượng HS có việc làm là 62 HS đạt tỉ lệ 95,38%

Bảng 8.6.1. Bảng thống kê số lượng HS tốt nghiệp năm học 2023-2024; tỷ lệ SV phản hồi

STT	Ngành	Số sinh viên được khảo sát	Số sinh viên phản hồi (tỷ lệ %)	Số lượng SV có việc làm Tỷ lệ (%)
1	Y học cổ truyền	72	65/72 (90,27%)	62/65 (95,38%)
	Tổng	72	65/72 (90,27%)	62/65 (95,38%)

Năm học 2024-2025: Trường thực hiện lấy ý kiến HS tốt nghiệp là 230 HSSV. Tổng số HSSV phản hồi là 159 học sinh tỉ lệ là 68,26%. Số lượng HS có việc làm là 137 HS đạt tỉ lệ 87,26%

Bảng 8.6.2. Bảng thống kê số lượng HS tốt nghiệp năm học 2024-2025; tỷ lệ SV phản hồi

STT	Ngành	Số sinh viên được khảo sát	Số sinh viên phản hồi (tỷ lệ %)	Số lượng SV có việc làm Tỷ lệ (%)
1	Y học cổ truyền	70	60/70 (85,71%)	56/60 (93,33%)
2	Tin học ứng dụng	62	35/62 (56,45%)	31/35 (88,57%)
3	Hướng dẫn du lịch	76	40/76 (52,63%)	30/40 (75%)
4	Thương mại điện tử	22	22/22 (100%)	20/22 (90,9%)
	Tổng	230	159/230 (68,26%)	137/157 (87,26%)

Kết quả đạt được thể hiện cam kết của Nhà trường trong việc đào tạo gắn với nhu cầu xã hội, hướng tới mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh của người học trên thị trường lao động, đồng thời khẳng định uy tín và vị thế của nhà trường đối với các bên liên quan.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 8: 02 điểm

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Căn cứ vào kết quả tự đánh giá theo Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH, Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp với các nội dung trọng tâm sau:

1. Về tổ chức và quản lý

- Tiếp tục rà soát, cập nhật các văn bản quản lý nội bộ phù hợp với định hướng phát triển và quy định hiện hành.

- Tăng cường năng lực cho bộ phận đảm bảo chất lượng và triển khai đầy đủ chu trình PDCA (Lập kế hoạch - Thực hiện - Đánh giá - Cải tiến).

2. Về hoạt động đào tạo

- Rà soát và cập nhật chuẩn đầu ra, nội dung chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận năng lực, phù hợp khung trình độ quốc gia.

- Mở rộng liên kết đào tạo với các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động để nâng cao chất lượng thực hành, thực tập.

- Triển khai hiệu quả hệ thống quản lý học tập (LMS) và số hóa tài liệu học tập.

3. Về đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm cho đội ngũ.

- Khuyến khích giảng viên tham gia các khóa học nâng cao trình độ, đổi mới phương pháp giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

4. Về chương trình, giáo trình

- Định kỳ rà soát, cải tiến chương trình, giáo trình trên cơ sở góp ý của chuyên gia và doanh nghiệp.

- Tăng cường sử dụng giáo trình điện tử, tích hợp phương pháp giảng dạy tích cực.

5. Về cơ sở vật chất, thiết bị

- Lập kế hoạch đầu tư trang thiết bị thực hành hiện đại, ưu tiên các ngành kỹ thuật và dịch vụ (Kỹ thuật chế biến món ăn, Thương mại điện tử, Du lịch...).

- Cải thiện môi trường học tập, đảm bảo an toàn và thuận tiện cho người học.

6. Về hoạt động hỗ trợ người học

- Phát triển các chương trình kỹ năng mềm, hướng nghiệp, khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên.

- Củng cố hoạt động tư vấn tâm lý, tư vấn học tập, giới thiệu việc làm.

7. Về giám sát, đánh giá chất lượng

- Tiếp tục thực hiện đánh giá nội bộ định kỳ theo bộ tiêu chí tự đánh giá.

- Tăng cường công khai kết quả đánh giá, lấy ý kiến người học và nhà tuyển dụng.

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để thực hiện hiệu quả kế hoạch nâng cao chất lượng, Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột kính đề xuất, kiến nghị:

1. Với Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk:

- Tiếp tục quan tâm, chỉ đạo và tạo điều kiện thuận lợi trong công tác tuyển sinh, mở ngành mới và liên kết đào tạo.

- Hỗ trợ nguồn kinh phí để nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo theo lộ trình đổi mới giáo dục nghề nghiệp.

2. Với Cục Giáo dục nghề nghiệp:

- Cung cấp tài liệu hướng dẫn cập nhật tiêu chí, tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng theo thông tư mới.

- Tăng cường tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng năng lực đánh giá chất lượng cho cán bộ, giáo viên của trường.

3. Với các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động:

- Tăng cường hợp tác trong đào tạo, thực tập và tuyển dụng học sinh, sinh viên sau tốt nghiệp.

- Tham gia góp ý chương trình đào tạo và chia sẻ thực tiễn nghề nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo gắn với thị trường lao động.

4. Với chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội:

- Hỗ trợ công tác tuyên truyền, giới thiệu ngành nghề đào tạo.

- Tạo điều kiện phối hợp trong các hoạt động giáo dục hướng nghiệp, khởi nghiệp và phục vụ cộng đồng.

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 06 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRƯỜNG TRUNG CẤP BUỒN MA THUỘT**

Số: /QĐ-TCBMT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đổi tên và kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp
Năm học 2024 - 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG CẤP BUÔN MA THUỘT

Căn cứ thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 quy định về Điều lệ trường Trung cấp;

Căn cứ quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về việc sáp nhập trường Trung cấp Tây Nguyên và Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột;

Căn cứ quyết định số 23/QĐ-TCTN ngày 17 tháng 03 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Tây Nguyên về việc thành lập hội đồng tự đánh giá Trường Trung cấp Tây Nguyên năm học 2024 – 2025;

Căn cứ tình hình thực tế của Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột;

Xét đề nghị của phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đổi tên Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp Trường Trung cấp Tây Nguyên năm học 2024 - 2025 thành: Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột năm học 2024 – 2025.

Điều 2. Kiện toàn lại danh sách thành viên Hội đồng tự đánh giá (danh sách kèm theo).

Nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên do Chủ tịch hội đồng phân công.

Điều 3. Hội đồng có trách nhiệm tiếp tục triển khai hoạt động tự đánh giá theo quy định tại Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH và các văn bản liên quan.

Điều 4. Các Phòng, ban, bộ môn trong nhà trường và các cá nhân có tên tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

HIỆU TRƯỞNG

- HĐQT, BGH (để b/c);
- Như Điều 4 (để t/h);
- Lưu: VT, KT&ĐBCL.

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TCTN ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Bà Trần Thị Thiết	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	Ông Nguyễn Huy Tuấn	Phó Hiệu trưởng	P. Chủ tịch thường trực Hội đồng
3	Ông Trần Quốc Cường	Phó Hiệu trưởng	P. Chủ tịch Hội đồng
4	Ông Nguyễn Xuân Toàn	Trưởng phòng KT&ĐBCL	Thư ký Hội đồng
5	Ông Đỗ Tường Hiệp	Phó GD Sở GD-ĐT Đắk Lắk	Ủy viên Hội đồng
6	Bà Cao Thị Giang	Trưởng phòng QLĐT	Ủy viên Hội đồng
7	Bà Mai Thị Bích Ngọc	Trưởng phòng TC-HC	Ủy viên Hội đồng
8	Bà Đào Thị Xuân	Trưởng phòng TT-TS	Ủy viên Hội đồng
9	Ông Phan Thanh Hiền	Trưởng bộ môn Tin học ứng dụng	Ủy viên Hội đồng
10	Bà Nguyễn Hoàng Mỹ Trinh	Trưởng bộ môn Thương mại điện tử	Ủy viên Hội đồng
11	Bà Dương Thị Kỳ Duyên	Phụ trách bộ môn Hướng dẫn du lịch	Ủy viên Hội đồng
12	Ông Vũ Mạnh Thắng	Trưởng bộ môn Y học cổ truyền	Ủy viên Hội đồng
13	Ông Nguyễn Công Bình	Trưởng bộ môn Công nghệ kỹ thuật ô tô	Ủy viên Hội đồng
14	Ông Quách Anh Dũng	Phó bộ môn Kỹ thuật chế biến món ăn	Ủy viên Hội đồng
15	Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng	Trưởng bộ môn Ngoại ngữ	Ủy viên Hội đồng
16	Ông Hoàng Quốc Tuấn	CEO Công ty TNHH DakSytem	Ủy viên Hội đồng
17	Bà Phạm Thị Thanh Thảo	Giám đốc Công ty TNHH Giáo dục và phát triển kỹ năng Smart Stars	Ủy viên Hội đồng

(Danh sách gồm 17 thành viên)

DANH SÁCH BAN THƯ KÝ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Nguyễn Xuân Toàn	Trưởng phòng KT&ĐBCL	Trưởng ban
2	Bà Cao Thị Giang	Trưởng phòng QLĐT	Thành viên
3	Bà Mai Thị Bích Ngọc	Trưởng phòng TC-HC	Thành viên

(Danh sách gồm 03 thành viên)

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

Nhóm 1 (Tiêu chuẩn 1, 3, 5)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Trần Quốc Cường	Phó Hiệu trưởng	Nhóm trưởng
2	Bà Mai Thị Bích Ngọc	Trưởng phòng TC-HC	Thư ký
3	Bà Nguyễn Thị Thảo	Nhân viên thủ quỹ	Thành viên
4	Ông Trần Ngọc Thạnh	Nhân viên kế toán	Thành viên
5	Ông Nguyễn Phúc Linh	Nhân viên phòng TC-HC	Thành viên
6	Bà Đoàn Phương Thảo	Chuyên viên Liên kết đào tạo	Thành viên

(Danh sách gồm 06 thành viên)

Nhóm 2 (Tiêu chuẩn 2, 4, 6)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Bà Trần Thị Thiết	Hiệu trưởng	Nhóm trưởng
2	Bà Cao Thị Giang	Trưởng phòng QLĐT	Thư ký
3	Ông Đỗ Tường Hiệp	Phó GD Sở GD-ĐT Đắk Lắk	Thành viên
4	Ông Phan Thanh Hiền	Trưởng bộ môn Tin học ứng dụng	Thành viên

5	Bà Nguyễn Hoàng Mỹ Trinh	Trưởng bộ môn Thương mại điện tử	Thành viên
6	Bà Dương Thị Kỳ Duyên	Phụ trách bộ môn Hướng dẫn du lịch	Thành viên
7	Ông Vũ Mạnh Thắng	Trưởng bộ môn Y học cổ truyền	Thành viên
8	Ông Nguyễn Công Bình	Trưởng bộ môn Công nghệ kỹ thuật ô tô	Thành viên
9	Ông Quách Anh Dũng	Phó bộ môn Kỹ thuật chế biến món ăn	Thành viên
10	Ông Vũ Hồng Hà	Chuyên viên phòng QLĐT	Thành viên
11	Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng	Trưởng bộ môn Ngoại ngữ	Thành viên
12	Bà Phạm Thị Thanh Thảo	Giám đốc Công ty TNHH Giáo dục và phát triển kỹ năng Smart Stars	Thành viên
13	Ông Hoàng Quốc Tuấn	CEO Công ty TNHH DakSystem	Thành viên

(Danh sách gồm 13 thành viên)

Nhóm 3 (Tiêu chuẩn 7, 8)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Nguyễn Huy Tuấn	Phó Hiệu trưởng	Nhóm trưởng
2	Ông Nguyễn Xuân Toàn	Trưởng phòng KT&ĐBCL	Thư ký
3	Bà Đào Thị Xuân	Trưởng phòng TT - TS	Thành viên
4	Bà Tô Thị Nhật Quỳnh	Chuyên viên phòng KT&ĐBCL	Thành viên
5	Ông Phạm Minh Thắng	Chuyên viên phòng KT&ĐBCL	Thành viên

(Danh sách gồm 05 thành viên)

KẾ HOẠCH
TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
NĂM HỌC 2024 - 2025

Căn cứ thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Trường Trung cấp Tây Nguyên xây dựng Kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở Giáo dục nghề nghiệp năm học 2024 – 2025, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, sinh viên trong toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp của nhà trường theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp trường trung cấp, qua đó huy động tất cả các cá nhân, đơn vị trong toàn trường cùng thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của nhà trường dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của trường cao đẳng.

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp đã đạt được, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt. Qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu nhà trường.

2. Yêu cầu

- Đánh giá toàn bộ các hoạt động do các đơn vị, các cá nhân thực hiện tại Trường Trung cấp Tây Nguyên tuân thủ theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường

cao đẳng nghề được quy định trong Thông tư 14/2024/TT- BLĐTBXH ngày 31/12/2024.

- Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định tự đánh giá chất lượng và được công bố công khai.

- Tiếp cận theo quá trình, đảm bảo tính hệ thống, gắn kết với tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong quản lý.

- Phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, dễ vận hành; liên tục cải tiến, đơn giản hoá các thủ tục bảo đảm chất lượng và đảm bảo khoa học, hiệu quả, tiết kiệm.

II. QUY TRÌNH TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng được quy định tại mục II, Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, cụ thể như sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng;
- Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng;
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng;
- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng;
- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

III. NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp;
- Phân công các nhóm chuyên trách phụ trách lập báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn;
- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng.

IV. PHÂN CÔNG CÁC ĐƠN VỊ LẬP BÁO CÁO TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN

		Đơn vị lập báo cáo tiêu chuẩn	Đơn vị tổng hợp lập báo cáo tiêu chí
TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn		
I	Tiêu chí 1: Sứ mạng, mục tiêu, tổ chức và quản lý		
1	Tiêu chuẩn: 1.1; 1.2; 1.5	Phòng Tổ chức hành chính	Nhóm chuyên trách số 1
2	Tiêu chuẩn: 1.2; 1.3	Phòng Khảo thí - ĐBCL	
II	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo		

1	Tiêu chuẩn: 2.1; 2.2	Phòng Truyền thông – Tuyển sinh	Nhóm chuyên trách số 2
2	Tiêu chuẩn: 2.3; 2.4; 2.5; 2.6; 2.7; 2.8	Phòng Quản lý đào tạo	
III	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động		
1	Tiêu chuẩn: 3.1; 3.2; 3.3; 3.5; 3.6; 3.7	Phòng Tổ chức hành chính	Nhóm chuyên trách số 1
2	Tiêu chuẩn: 3.4	Phòng Quản lý đào tạo	
IV	Tiêu chí 4: Chương trình đào tạo, giáo trình		
1	Tiêu chuẩn: 4.1; 4.2; 4.3; 4.4; 4.5; 4.6; 4.7	Phòng Quản lý đào tạo	Nhóm chuyên trách số 2
V	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo		
1	Tiêu chuẩn: 5.1; 5.2; 5.3; 5.4; 5.5; 5.6; 5.7; 5.8	Phòng Tổ chức hành chính	Nhóm chuyên trách số 1
VI	Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế		
1	Tiêu chuẩn: 6.1; 6.2; 6.3; 6.4	Phòng Quản lý đào tạo	Nhóm chuyên trách số 2
VII	Tiêu chí 7: Người học và hoạt động hỗ trợ người học		
1	Tiêu chuẩn: 7.1	Phòng Truyền thông – Tuyển sinh	Nhóm chuyên trách số 3
2	Tiêu chuẩn: 7.2; 7.3	Phòng Quản lý đào tạo	
3	Tiêu chuẩn: 7.4	Đoàn thanh niên	
4	Tiêu chuẩn: 7.5	Phòng Khảo thí - ĐBCL	
VIII	Tiêu chí 8: Giám sát, đánh giá chất lượng		
1	Tiêu chuẩn: 8.1; 8.2; 8.3; 8.4; 8.5	Phòng Khảo thí - ĐBCL	Nhóm chuyên trách số 3

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng

- Tham mưu Hiệu trưởng lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng;
- Lập kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng;
- Tổng hợp báo cáo tiêu chuẩn, báo cáo tiêu chí của các đơn vị; viết dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng;
- Tổ chức lấy ý kiến các đơn vị của trường, hoàn thiện báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng gửi Hội đồng tự đánh giá;
- Tổ chức họp Hội đồng tự đánh giá chất lượng để thông qua báo cáo

- Hoàn thiện báo cáo, gửi các cơ quan có thẩm quyền.

2. Các đơn vị trực thuộc trường

- Lập kế hoạch phân công thành viên trong đơn vị thực hiện tự đánh giá chất lượng theo tiến độ chung của trường trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt;
- Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và các hướng dẫn có liên quan;
- Các đơn vị thuộc trường có trách nhiệm phối hợp thu thập, cung cấp minh chứng có liên quan cho đơn vị được phân công viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn;
- Các đơn vị được phân công viết báo cáo tiêu chuẩn gửi báo cáo về cho các đơn vị được phân công viết báo cáo tiêu chí để tổng hợp theo đúng thời gian qui định;
- Tổ chức lưu trữ thông tin, minh chứng (bản chính) tại đơn vị;
- Các đơn vị hoàn thiện và gửi báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn kèm minh chứng về phòng Khảo thí - ĐBCL đúng tiến độ.

VI. TIẾN ĐỘ HOÀN THÀNH

Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện
Thành lập hội đồng tự đánh giá		
Tháng 3/2025	- Đề xuất danh sách thành viên Hội đồng tự đánh giá chất lượng; - Trình Hiệu trưởng phê duyệt quyết định thành lập Hội đồng	Khảo thí - ĐBCL
Thực hiện tự đánh giá chất lượng		
Tháng 3/2025	Lập kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm học 2024 – 2025	Khảo thí - ĐBCL
Tháng 4/2025	Các đơn vị lập kế hoạch, phân công các thành viên thực hiện tự đánh giá	Trưởng các đơn vị được phân công viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn
Tháng 4/2025	Các đơn vị gửi kế hoạch về phòng Khảo thí - ĐBCL	Trưởng các đơn vị được phân công viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn
Tháng 5/2025	Các đơn vị thực hiện theo kế hoạch; Tổ chức thu thập, phân tích thông tin, minh chứng, đánh giá	Các nhóm chuyên trách

	mức độ đạt được	
Tháng 6/2025	Lập phiếu báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn	Các đơn vị được phân công viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn
Ngày 10/06/2025	Các đơn vị gửi báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn kèm minh chứng (file scan) về phòng Khảo thí - ĐBCL	Các đơn vị được phân công viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn
Ngày 10 – 15/06/2025	- Tổng hợp báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn từ các đơn vị; - Dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng theo mẫu qui định.	Khảo thí - ĐBCL
Ngày 15 – 30/06/2025	- Lấy ý kiến dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng; - Hội đồng dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng lần 1	Khảo thí - ĐBCL Hội đồng tự đánh giá
Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng		
Từ ngày 01 – 10/07/2025	- Hoàn thiện dự thảo báo cáo sau khi họp Hội đồng lần 1 - Hội đồng tự đánh giá lần 2 - Hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện tự đánh giá chất lượng sau khi họp Hội đồng lần 2 - Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng - Trình Hiệu trưởng phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng	Khảo thí - ĐBCL Hội đồng tự đánh giá
Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và gửi cơ quan có thẩm quyền		
Ngày 11 – 20/07/2025	- Hội đồng tự đánh giá chất lượng lần 3 mở rộng; - Hiệu trưởng công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng.	Hội đồng tự đánh giá Trưởng các đơn vị Đại diện các tổ chức Đảng, đoàn thể

Ngày 22/07/2025	- Gửi báo cáo về Cục Giáo dục nghề nghiệp (Cục kiểm định chất lượng GDNN); - Gửi báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk	Khảo thí - ĐBCL Quản lý đào tạo
--------------------	--	------------------------------------

VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp trích từ nguồn thu hợp pháp của Nhà trường.

Trên đây là kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm học 2024 – 2025, đề nghị các Đơn vị, phòng, ban, bộ môn thuộc trường tổ chức thực hiện nghiêm túc đảm bảo kế hoạch, chất lượng theo yêu cầu đề ra./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BGH (*để b/c*);
- Các đơn vị (*để t/h*);
- Website trường;
- Lưu: VT, KT&ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG

PHỤ LỤC III. BẢNG MÃ HOÁ MINH CHỨNG

(Kèm theo báo cáo tự đánh giá năm 2025 của Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột)

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1	1	1	1.1.01		Các quyết định thành lập, đổi tên, sáp nhập Trường Trung cấp Tây Nguyên năm 2007, 2008, 2013, 2017, 2025
2			1.1.02		Các chiến lược phát triển GDNN của quốc gia và địa phương
3			1.1.03		Kế hoạch chiến lược năm 2020 - 2025 tầm nhìn tới năm 2030
4			1.1.04		Sứ mạng mục tiêu của Trường Trung cấp Tây Nguyên
5			1.1.05		Trang web Giới thiệu trường Trung cấp Tây Nguyên
6			1.1.06		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 06/GCNĐKHH-SLĐTBXH ngày 28 tháng 8 năm 2017 và số 01/2024/GCNĐKHH-SLĐTBXH ngày 17 tháng 9 năm 2024
7			1.1.07		Các văn bản về phát triển nguồn nhân lực giáo dục nghề nghiệp tỉnh Đắk Lắk 2024, 2025;
8			1.1.08		Các thông báo, công văn về thông tin tuyển dụng lao động của cơ sở, công ty, doanh nghiệp cho HS của Trường và thông tin tuyển dụng được đăng tải lên trang web của Trường năm 2024, 2025
9			1.1.09		Hồ sơ khảo sát cán bộ, quản lý, giáo viên, học sinh 2024, 2025
10	1	2	1.2.01		Thông tư quy định về Điều lệ Trường Trung cấp
11			1.2.02		Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường Trung cấp Tây Nguyên
12			1.2.03		Quyết định thành lập các phòng ban
13			1.2.04		Sơ đồ cơ cấu tổ chức
14			1.2.05		Báo cáo tổng kết hoạt động của các đơn vị thuộc Trường trung cấp Buôn Mê Thuột năm 2024, 2025

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
15			1.2.06		Các báo cáo kết quả rà soát, điều chỉnh về công tác tổ chức và quản lý năm 2024, 2025
16				1.1.09	Hồ sơ khảo sát cán bộ, quản lý, giáo viên, học sinh 2024, 2025
17	1	3	1.3.01		Cơ cấu nhân sự Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng
18			1.3.02		Các văn bản liên quan đến công tác bảo đảm chất lượng
19			1.3.03		Báo cáo tự đánh giá hàng năm
20			1.3.04		Khảo sát chất lượng giáo dục
21			1.3.05		Quyết định ban hành quy định hệ thống BDCL trường và Quyết định ban hành quy chế quản lý, vận hành hệ thống thông tin BDCL Trường trung cấp Buôn Mê Thuột
22			1.3.06		Hồ sơ về hệ thống đảm bảo chất lượng
23			1.3.07		Thông báo phân công xây dựng các quy trình thuộc hệ thống BDCL và việc thống nhất hoàn thiện các quy trình BDCL Trường trung cấp Buôn Mê Thuột năm 2024, 2025
24			1.3.08		Quyết định ban hành danh mục tài liệu hệ thống BDCL năm học 2023-2024, 2024-2025
25			1.3.09		Quyết định ban hành mục tiêu chất lượng của Trường năm 2024, 2025
26			1.3.10		Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng của Trường năm 2024, 2025
27			1.3.11		Báo cáo mục tiêu chất lượng của Trường năm 2024, 2025
28			1.3.12		Quyết định của Trường trung cấp Buôn Mê Thuột về việc ban hành Chính sách chất lượng giai đoạn 2024, 2025
29			1.3.13		Quyết định ban hành Sổ tay chất lượng năm 2024, 2025
30			1.3.14		Kế hoạch và báo cáo rà soát, cải tiến các quy trình đảm bảo chất lượng 2024, 2025

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
31	1	4		1.3.03	Báo cáo tự đánh giá chất lượng năm 2024, 2025
32			1.4.01		Báo cáo cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng năm 2024, 2025
33				1.1.09	Hồ sơ khảo sát cán bộ, quản lý, giáo viên, học sinh 2024, 2025
34			1.4.02		Báo cáo tổng kết hoạt động của các đơn vị thuộc Trường trung cấp Buôn Mê Thuột năm 2024, 2025
35	1	5	1.5.01		Quyết định thành lập Hội đồng quản trị Trường trung cấp Buôn Mê Thuột
36			1.5.02		Quyết định thành lập Chi bộ đảng bộ Trường trung cấp Buôn Mê Thuột
37			1.5.03		Công đoàn cơ sở
38			1.5.04		Đoàn thanh niên
39			1.5.05		Các hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo
40			1.5.06		Các Hội đồng tư vấn chuyên môn
41				1.3.01	Cơ cấu nhân sự Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng
42				1.3.02	Các văn bản liên quan đến công tác bảo đảm chất lượng
43			1.5.07		Hội đồng tuyển sinh
44				1.1.04	Sứ mạng mục tiêu của Trường Trung cấp Tây Nguyên
45				1.4.02	Báo cáo tổng kết hoạt động của các đơn vị thuộc Trường trung cấp Buôn Mê Thuột năm 2024, 2025
46			1.5.08		Quyết định thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng, kỷ luật năm 2024, 2025
47			1.5.09		Quyết định thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng, kỷ luật năm 2024, 2025
48				1.1.09	Hồ sơ khảo sát cán bộ, quản lý, giáo viên, học sinh 2024, 2025
49	2	1	2.1.01		Thông tư 05/2021/TT-BLĐTBXH

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
50				1.1.06	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 06/GCNĐKHH-SLĐTBXH ngày 28 tháng 8 năm 2017 và số 01/2024/GCNĐKHH-SLĐTBXH ngày 17 tháng 9 năm 2024
51			2.1.02		Quy chế và kế hoạch tuyển sinh 2023-2024, 2024-2025
52			2.1.03		Kết quả tuyển sinh năm học 2023-2024, 2024-2025
53			2.1.04		Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động tuyển sinh năm học 2023-2024, 2024-2025
54			2.1.05		Danh sách các ngành, nghề đào tạo theo giấy phép hoạt động của trường năm học 2023-2024, 2024-2025
55			2.1.06		Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành, nghề năm 2024, 2025
56			2.1.07		Bộ các chương trình đào tạo chi tiết từng nghề 2024, 2025;
57			2.1.08		Hồ sơ chuẩn đầu ra của Trường năm 2024, 2025 gồm: kế hoạch xây dựng và thẩm định chuẩn đầu ra, biên bản họp thẩm định chuẩn đầu ra, quyết định ban hành chuẩn đầu ra
58	2	2	2.2.01		Các công văn đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh năm học 2023-2024, 2024-2025
59				2.1.02	Quy chế và Kế hoạch tuyển sinh năm học 2023-2024, 2024-2025
60			2.2.02		Các công văn giao chỉ tiêu tuyển sinh năm học 2023-2024, 2024-2025
61			2.2.03		<u>Thông báo tuyển sinh năm học 2023-2024, 2024-2025.</u>
62			2.2.04		Hồ sơ đăng ký học của HS năm 2023-2024, 2024-2025
63			2.2.05		Quy trình tuyển sinh Trường Trung cấp Buôn Mê Thuột
64			2.2.06		Các Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh và Ban thư ký năm học 2023-2024, 2024-2025;
65			2.2.07		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh năm 2023-2024, 2024-2025

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
66			2.2.08		Các Quyết định công nhận kết quả trúng tuyển và danh sách HS trúng tuyển năm học 2023-2024, 2024-2025
67			2.2.09		Giấy báo nhập học năm học 2023-2024, 2024-2025
68			2.2.10		Các Quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm năm học 2023-2024, 2024 - 2025
69			2.2.11		Quyết định thành lập lớp năm 2023-2024, 2024-2025
70			2.2.12		<u>Báo cáo tuyển sinh năm học 2023- 2024, 2024-2025.</u>
71			2.2.13		Báo cáo của bộ phận kiểm tra, giám sát về công tác tuyển sinh hàng năm của trường
72			2.2.14		Các văn bản đề xuất cải tiến hoạt động tuyển sinh năm học 2023-2024, 2024-2025
73				1.1.09	Bộ hồ sơ khảo sát CBQL, giáo viên, học sinh, cựu học sinh, doanh nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025 gồm: kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát, danh sách đối tượng tham gia khảo sát
74	2	3		1.1.06	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 06/GCNĐKHD-SLĐTBXH ngày 28 tháng 8 năm 2017 và số 01/2024/GCNĐKHD-SLĐTBXH ngày 17 tháng 9 năm 2024
75			2.3.01		Các Quyết định ban hành Quy chế đào tạo 2024, 2025;
76			2.3.02		Kế hoạch đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025;
77			2.3.03		Các quyết định ban hành Quy chế HS Trường Trung cấp Buôn Mê Thuật
78			2.3.04		Quy trình tổ chức thi kết thúc môn học
79			2.3.05		Lịch thi kết thúc môn học năm học 2023-2024, 2024-2025;

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
80			2.3.06		Hồ sơ bài thi, biên bản thi kết thúc môn học năm học 2023-2024, 2024-2025
81			2.3.07		Quy trình xét công nhận tốt nghiệp
82			2.3.08		Quyết định công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cho học sinh năm học 2023-2024, 2024-2025 và danh sách kèm theo;
83			2.3.09		Sổ cấp bằng cao đẳng, trung cấp năm học 2023-2024, 2024-2025;
84			2.3.10		Các quyết định ban hành Quy chế in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ văn bằng, chứng chỉ
85			2.3.11		Thời khóa biểu các môn học trực tuyến năm học 2023-2024, 2024-2025
86				1.1.09	Bộ hồ sơ khảo sát CBQL, giáo viên, học sinh, cựu học sinh, doanh nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025 gồm: kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát, danh sách đối tượng tham gia khảo sát
87	2	4		1.1.06	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 06/GCNĐKHD-SLĐTBXH ngày 28 tháng 8 năm 2017 và số 01/2024/GCNĐKHD-SLĐTBXH ngày 17 tháng 9 năm 2024
88				2.1.06	Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành, nghề năm 2024, 2025;
89				2.1.07	Bộ các chương trình đào tạo chi tiết từng nghề 2024, 2025;
90				2.1.08	Hồ sơ chuẩn đầu ra của Trường năm 2024, 2025 gồm: kế hoạch xây dựng và thẩm định chuẩn đầu ra, biên bản họp thẩm định chuẩn đầu ra, quyết định ban hành chuẩn đầu ra
91				2.3.02	Kế hoạch đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
92			2.4.01		<u>Tiến độ & kế hoạch đào tạo các ngành</u> ; <u>Tiến độ và kế hoạch đào tạo ngành CNKT ô tô</u> . ;(<u>Tiến độ và kế hoạch đào tạo ngành HDDL</u>). (<u>Tiến độ và KHĐT ngành KTCBMA</u>).
93			2.4.02		Kế hoạch phân công chuyên môn năm học 2023-2024, 2024-2025
94			2.4.03		Kế hoạch giảng dạy cá nhân của giáo viên năm học 2023-2024, 2024-2025
95			2.4.04		Thời khóa biểu năm học 2023-2024, 2024-2025
96			2.4.05		Hồ sơ giảng dạy năm học 2023-2024, 2024-2025;
97			2.4.06		Sổ lên lớp năm học 2023-2024, 2024-2025).
98				1.1.09	Bộ hồ sơ khảo sát CBQL, giáo viên, học sinh, cựu học sinh, doanh nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025 gồm: kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát, danh sách đối tượng tham gia khảo sát
99	2	5		2.1.06	Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành, nghề năm 2024, 2025
100				2.1.07	Bộ các chương trình đào tạo chi tiết từng nghề 2024, 2025
101				2.1.08	Hồ sơ chuẩn đầu ra của Trường năm 2024, 2025 gồm: kế hoạch xây dựng và thẩm định chuẩn đầu ra, biên bản họp thẩm định chuẩn đầu ra, quyết định ban hành chuẩn đầu ra
102			2.5.01		Bộ môn Ngoại ngữ
103			2.5.02		Bộ môn Hướng dẫn du lịch
104			2.5.03		Bộ môn Tin học ứng dụng
105			2.5.04		Bộ môn Thương mại điện tử
106			2.5.05		Bộ môn Công nghệ ô tô
107			2.5.06		Bộ môn Y học cổ truyền
108			2.5.07		Bộ môn kỹ thuật chế biến món ăn

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
109			2.5.08		Kế hoạch thực tập tốt nghiệp của từng lớp năm học 2023-2024, 2024-2025
110			2.5.09		Các Quyết định về việc HS thực tập tốt nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025;
111			2.5.10		Danh sách giáo viên hướng dẫn HS thực tập tốt nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025;
112			2.5.11		Danh sách học sinh thực tập tốt nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025
113			2.5.12		Đề cương thực tập thực tập tốt nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025
114			2.5.13		Hồ sơ báo cáo thực tập tốt nghiệp của HS năm học 2023-2024, 2024-2025
115			2.5.14		Các hình ảnh đi thực tập, thực tế năm học 2023-2024, 2024-2025
116			2.5.15		Biên bản ghi nhớ thỏa thuận hợp tác giữa Trường Trung cấp Buôn Mê Thuật với các doanh nghiệp và đơn vị sử dụng lao động năm 2023-2024, 2024-2025
117			2.5.16		Danh sách đơn vị sử dụng lao động tham gia đánh giá kết quả người học năm 2023-2024, 2024-2025
118			2.5.17		Kế hoạch thực tế cơ sở năm học 2023-2024, 2024-2025
119			2.5.18		Phiếu đánh giá ý thức thực tập của HSSV năm học 2023-2024, 2024-2025
110			2.5.19		Các quyết định về việc thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo có sự tham gia của doanh nghiệp
111				1.1.09	Bộ hồ sơ khảo sát CBQL, giáo viên, học sinh, cựu học sinh, doanh nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025 gồm: kế hoạch khảo sát,

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát, danh sách đối tượng tham gia khảo sát
112	2	6	2.6.01		Hợp đồng mua sắm trang thiết bị: Hóa đơn mua máy tính để bàn các thiết bị CNTT 1,2,3,4,5,6,7
113			2.6.02		Máy chủ Cloud
114			2.6.03		Gia hạn hợp đồng máy chủ Cloud
115			2.6.04		Kế hoạch triển khai số hóa
116			2.6.05		Phần mềm quản lý đào tạo EdumanUni
117			2.6.06		Phần mềm tổ chức thi trực tuyến LMS
118	2	7	2.7.01		Thông báo dự giờ, thao giảng, bồi dưỡng chuyên môn
119			2.7.02		Hồ sơ dự giờ năm 2023-2024, 2024-2025 gồm: Kế hoạch dự giờ, Lịch dự giờ giáo viên, Biên bản dự giờ; Hồ sơ bài giảng tiết dự giờ năm học, Báo cáo công tác dự giờ
120			2.7.03		Thông báo kiểm tra hồ sơ chuyên môn
121			2.7.04		Hồ sơ kiểm tra hoạt động chuyên môn (kế hoạch, biên bản, báo cáo) năm học 2023-2024, 2024-2025
122			2.7.05		Báo cáo kiểm tra, giám sát và đề xuất cải tiến các hoạt động Trường Trung cấp Buôn Mê Thuật năm học 2023-2024, 2024-2025;
123			2.7.06		Các biện pháp điều chỉnh kịp thời các hoạt động dạy và học theo đề xuất của báo cáo kiểm tra, giám sát;
124			2.7.07		Các văn bản thể hiện kết quả rà soát quy định về nội dung, tổ chức và hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát trong Trường Trung cấp Buôn Mê Thuật năm 2024, 2025
125				1.1.09	Bộ hồ sơ khảo sát CBQL, giáo viên, học sinh, cựu học sinh, doanh nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025 gồm: kế hoạch khảo sát,

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát, danh sách đối tượng tham gia khảo sát
126			2.7.03		Thông báo tham gia các hoạt động thi đua, phong trào năm 2023-2024, 2024-2025
127	2	8		2.3.04	Quy trình tổ chức thi kết thúc môn học
128				2.3.05	Lịch thi kết thúc môn học năm học 2023-2024, 2024-2025;
129				2.3.06	Hồ sơ bài thi, biên bản thi kết thúc môn học năm học 2023-2024, 2024-2025).
130			2.8.01		NHCT Bộ môn Ngoại ngữ
131			2.8.02		NHCT Bộ môn kỹ thuật chế biến món ăn
132			2.8.03		NHCT Bộ môn Công nghệ kỹ thuật ô tô
133			2.8.04		NHCT Bộ môn Hướng dẫn du lịch
134			2.8.05		NHCT Bộ môn Tin học ứng dụng
135			2.8.06		NHCT Bộ môn Thương mại điện tử
136			2.8.07		NHCT Bộ môn Y học cổ truyền
137			2.8.08		Quyết định ban hành Quy chế làm việc của hội đồng thi đua, khen thưởng, kỷ luật và xét, cấp học bổng khuyến khích học tập đối với HSSV
138			2.8.09		Biên bản họp xét kết quả rèn luyện năm học năm học 2023-2024, 2024-2025
139			2.8.10		Biên bản xét kết quả học tập từng kỳ của HSSV năm học năm học 2023-2024, 2024-2025
140			2.8.11		Kế hoạch rà soát, bổ sung các Quy định, Quy chế cần thiết lập tại Trường Trung cấp Buôn Mê Thuột năm 2024, 2025
141			2.8.12		Báo cáo kết quả rà soát, bổ sung các Quy chế, Quy định cần thiết lập tại Trường Trung cấp Buôn Mê Thuột năm 2024, 2025;

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
142			2.8.13		Kế hoạch và Báo cáo kết quả rà soát đánh giá các quy định về thi kết thúc môn, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, cấp văn bằng chứng chỉ năm 2024, 2025;
143			2.8.14		Kế hoạch và Báo cáo kết quả rà soát đánh giá các quy định về đánh giá kết quả rèn luyện HSSV năm 2024, 2025;
144				2.7.05	Báo cáo kiểm tra, giám sát và đề xuất cải tiến các hoạt động Trường Trung cấp Buôn Mê Thuật năm học 2023-2024, 2024-2025;
145				2.7.06	Các biện pháp điều chỉnh kịp thời các hoạt động dạy và học theo đề xuất của báo cáo kiểm tra, giám sát;
146				2.7.07	Các văn bản thể hiện kết quả rà soát Quy định về nội dung, tổ chức và hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát trong Trung cấp Buôn Mê Thuật năm 2024, 2025
147				1.1.09	Bộ hồ sơ khảo sát CBQL, giáo viên, học sinh, cựu học sinh, doanh nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025 gồm: kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát, danh sách đối tượng tham gia khảo sát)
148			2.8.15		Các biện pháp cải tiến các hình thức, phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của người học)
149	3	1	3.1.01		Quy trình tuyển dụng
150			3.1.02		Hồ sơ tuyển dụng: kế hoạch tuyển dụng, thông báo tuyển dụng, phiếu đăng ký dự tuyển giáo viên, nhân viên năm 2024, 2025
151			3.1.03		Các quyết định công nhận kết quả tuyển dụng viên chức của Trường Trung cấp Buôn Mê Thuật năm 2024, 2025
152			3.1.04		Các quyết định ban hành Quy định về tuyển dụng, sử dụng, đào tạo bồi dưỡng Trường Trung cấp Buôn Mê Thuật

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
153			3.1.05		Báo cáo công tác kiểm tra, giám sát kết quả tuyển dụng giáo viên, nhân viên năm 2024, 2025
154			3.1.06		Quy hoạch đội ngũ
155			3.1.07		Quy trình quy hoạch, bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý;
156			3.1.08		Các Quyết định ban hành Quy định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Trường Trung cấp Buôn Mê Thuột
157			3.1.09		Kế hoạch thực hiện công tác quy hoạch viên chức lãnh đạo, quản lý các đơn vị thuộc Trường Trung cấp Buôn Mê Thuột, nhiệm kỳ 2020-2025 và giai đoạn 2025-2030;
158			3.1.10		Các Quyết định về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý phòng, khoa, trung tâm
159			3.1.11		Danh sách trích ngang cán bộ quản lý năm 2024, 2025
160			3.1.12		Đào tạo, bồi dưỡng
161			3.1.13		Quy trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ CBQL, nhà giáo, viên chức, NLĐ
162			3.1.14		Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2024, 2025
163			3.1.15		Quyết định cử viên chức đi học tập, bồi dưỡng năm 2024, 2025
164			3.1.16		Quy trình đánh giá phân loại CBQL, nhà giáo, viên chức, NLĐ;
165			3.1.17		Quyết định về việc Ban hành Quy định Thi đua – Khen thưởng Trường Trung cấp Buôn Mê Thuột
166			3.1.18		Hướng dẫn đánh giá cán bộ, nhà giáo, nhân viên và bình xét thi đua các năm học 2023-2024, 2024-2025;
167			3.1.19		Quyết định về việc ban hành quy định đánh giá, xếp loại chuyên môn nghiệp vụ của nhà giáo Trường Trung cấp Buôn Mê Thuột;

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
168			3.1.20		Biên bản họp đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động các năm học 2023-2024, 2024-2025
169			3.1.21		Thông báo đánh giá, xếp loại cán bộ, giảng viên, nhân viên năm học 2023-2024, 2024-2025
170			3.1.22		Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ năm học 2023-2024, 2024-2025
171				1.3.14	Kế hoạch và báo cáo rà soát, cải tiến các quy trình đảm bảo chất lượng 2024, 2025
172			3.1.23		Quyết định phê duyệt danh sách rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2022-2027, 2026-2031
173	3	2	3.2.01		Bảng lương và bảo hiểm
174			3.2.02		Các chế độ lương thưởng và phúc lợi
175			3.2.03		Các quyết định ban hành Quy định chế độ, định mức làm việc đối với nhà giáo GĐNN Trường Trung cấp Buôn Mê Thuột
176			3.2.04		Các quy định thực hiện chính sách, chế độ cho nhà giáo, CBQL, nhân viên Trường Trung cấp Buôn Mê Thuột;
177			3.2.05		Danh sách các ngành nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trình độ trung cấp đang đào tạo tại trường
178			3.2.06		Quyết định quy định các mô đun được tính chế độ nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trình độ trung cấp
179				3.1.17	Quyết định về việc Ban hành Quy định Thi đua – Khen thưởng Trường Trung cấp Buôn Mê Thuột;
180				3.1.18	Hướng dẫn đánh giá cán bộ, nhà giáo, nhân viên và bình xét thi đua các năm học 2023-2024, 2024-2025
181			3.2.07		Quy chế thi đua khen thưởng
182			3.2.08		Kế hoạch đào tạo đội ngũ giáo viên

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
183				3.1.13	Quy trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ CBQL, nhà giáo, viên chức, NLĐ
184				3.1.14	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2024, 2025
185				3.1.15	Quyết định cử viên chức đi học tập, bồi dưỡng năm 2024, 2025
186				1.1.09	Bộ hồ sơ khảo sát CBQL, giáo viên, học sinh, cựu học sinh, doanh nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025 gồm: kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát, danh sách đối tượng tham gia khảo sát
187	3	3	3.3.01		Danh sách trích ngang giáo viên Trường Trung cấp Tây Nguyên
188			3.3.02		Hồ sơ giáo viên
189			3.3.03		Sĩ số HS từng nghề năm học 2023-2024, 2024-2025
190			3.3.04		Danh sách HS từng lớp năm học 2023-2024, 2024-2025
191					3.3.05- Thống kê số lượng giảng viên quy đổi năm 2024, 2025;
192			3.3.06		Thống kê số lượng HS quy đổi năm 2024, 2025
193			3.3.07		Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo năm 2024, 2025
194	3		3.3.08		Kế hoạch bố trí giảng dạy theo từng ngành nghề
195			3.3.09		Báo cáo thống kê cơ cấu đội ngũ nhà giáo hàng năm
196			3.3.10		Thông báo tuyển dụng
197			3.3.11		Hồ sơ giáo viên thỉnh giảng
198				1.1.09	Bộ hồ sơ khảo sát CBQL, giáo viên, học sinh, cựu học sinh, doanh nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025 gồm: kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát, danh sách đối tượng tham gia khảo sát
199	3	4	3.4.01		Báo cáo xếp loại thi đua hàng tháng
200				2.4.02	Kế hoạch phân công chuyên môn năm học 2023-2024, 2024-2025

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
201				2.4.03	Kế hoạch giảng dạy cá nhân của giáo viên năm học 2023-2024, 2024-2025
202				2.4.04	Thời khóa biểu năm học 2023-2024, 2024-2025
203				2.4.05	Hồ sơ giảng dạy năm học 2023-2024, 2024-2025
204				2.4.06	Sổ lên lớp năm học 2023-2024, 2024-2025
205			3.4.02		Quy định về tổ chức đào tạo
206				2.7.01	Thông báo dự giờ, thao giảng, bồi dưỡng chuyên môn
207				2.7.02	Thông báo kiểm tra hồ sơ chuyên môn
208			3.4.03		Ứng dụng công nghệ trong giảng dạy
209	3	5	3.5.01		Các chính sách hỗ trợ của nhà trường
210			3.5.02		Các biện pháp bồi dưỡng
211			3.5.03		Các kế hoạch đổi mới phương pháp giảng dạy
212				1.1.09	Bộ hồ sơ khảo sát CBQL, giáo viên, học sinh, cựu học sinh, doanh nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025 gồm: kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát, danh sách đối tượng tham gia khảo sát
213	3	6		3.5.02	Các biện pháp bồi dưỡng
214				3.5.03	Các kế hoạch đổi mới phương pháp giảng dạy
215			3.6.01		Kế hoạch bồi dưỡng ngoài nhà trường
216			3.6.02		Danh sách giáo viên đi bồi dưỡng, thực tập thực tế tại các đơn vị năm học 2023-2024, 2024-2025
217			3.6.03		Báo cáo kết quả thực tập của giáo viên có xác nhận của đơn vị năm học 2023-2024, 2024-2025;
218			3.6.04		Các hình ảnh đi thực tập, thực tế của giáo viên tại đơn vị năm học 2023-2024, 2024-2025

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
219				1.1.09	Bộ hồ sơ khảo sát CBQL, giáo viên, học sinh, cựu học sinh, doanh nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025 gồm: kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát, danh sách đối tượng tham gia khảo sát
220	3	7	3.7.01		Danh sách trích ngang cán bộ Cán bộ quản lý Trường TCTN
221			3.7.02		Hồ sơ Cán bộ quản lý
222			3.7.03		Danh sách trích ngang nhân viên
223			3.7.04		Kế hoạch bồi dưỡng nhân viên
224	4	1	4.1.01		Quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo
225			4.1.02		Quy trình đánh giá, cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo
226				1.1.06	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 06/GCNĐKHĐ-SLĐTBXH ngày 28 tháng 8 năm 2017 và số 01/2024/GCNĐKHĐ-SLĐTBXH ngày 17 tháng 9 năm 2024
227			4.1.03		Quyết định thành lập ban xây dựng chương trình đào tạo
228			4.1.04		Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT
229			4.1.05		Biên bản thẩm định CTĐT
230			4.1.06		Quyết định ban hành chương trình đào tạo
231			4.1.07		Bộ hồ sơ Thực hiện rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo các ngành Cao đẳng, Trung cấp theo luật GDNN năm 2019, 2022, 2023, 2024
232			4.1.08		Hồ sơ tổ chức Hội thảo xin ý kiến Đơn vị, Doanh nghiệp về chương trình đào tạo các ngành trình độ Cao đẳng, Trung cấp, Liên thông năm 2024, 2025).
233			4.1.09		Danh sách CBQL, Cán bộ KHKH của các doanh nghiệp, giảng viên bên ngoài trường và giảng viên cơ hữu nhà trường tham gia

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					xây dựng chương trình đào tạo theo quyết định hội đồng năm 2024, 2025;
234			4.1.10		Danh sách CBQL, Cán bộ KHKT của các doanh nghiệp, giảng viên bên ngoài trường và giảng viên cơ hữu nhà trường tham gia thẩm định chương trình đào tạo theo Quyết định hội đồng năm 2024, 2025
235				1.1.09	Bộ hồ sơ khảo sát CBQL, giáo viên, học sinh, cựu học sinh, doanh nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025 gồm: kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát, danh sách đối tượng tham gia khảo sát).
236	4	2		1.1.06	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 06/GCNĐKHH-SLĐTBXH ngày 28 tháng 8 năm 2017 và số 01/2024/GCNĐKHH-SLĐTBXH ngày 17 tháng 9 năm 2024
237				2.1.05	Danh sách các ngành, nghề đào tạo theo giấy phép hoạt động của trường năm học 2023-2024, 2024-2025;
238				2.1.06	Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành, nghề năm 2024, 2025
239				2.1.07	Bộ các chương trình đào tạo chi tiết từng nghề 2024, 2025;
240				2.1.08	Hồ sơ chuẩn đầu ra của Trường năm 2024, 2025 gồm: kế hoạch xây dựng và thẩm định chuẩn đầu ra, biên bản họp thẩm định chuẩn đầu ra, quyết định ban hành chuẩn đầu ra).
241				1.1.09	Bộ hồ sơ khảo sát CBQL, giáo viên, học sinh, cựu học sinh, doanh nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025 gồm: kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát, danh sách đối tượng tham gia khảo sát

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
242	4	3		1.1.06	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 06/GCNĐKHD-SLĐTBXH ngày 28 tháng 8 năm 2017 và số 01/2024/GCNĐKHD-SLĐTBXH ngày 17 tháng 9 năm 2024
243				2.1.05	Danh sách các ngành, nghề đào tạo theo giấy phép hoạt động của trường năm học 2023-2024, 2024-2025;
244				2.1.06	Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành, nghề năm 2024, 2025
245				2.1.07	Bộ các chương trình đào tạo chi tiết từng nghề 2024, 2025;
246				2.1.08	Hồ sơ chuẩn đầu ra của Trường năm 2024, 2025 gồm: kế hoạch xây dựng và thẩm định chuẩn đầu ra, biên bản họp thẩm định chuẩn đầu ra, quyết định ban hành chuẩn đầu ra).
247			4.3.01		Bảng đối sánh chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo với Khung trình độ quốc gia Việt Nam
248				1.1.09	Bộ hồ sơ khảo sát CBQL, giáo viên, học sinh, cựu học sinh, doanh nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025 gồm: kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát, danh sách đối tượng tham gia khảo sát
249					
250	4	4	4.4.01		Y học cổ truyền
251			4.4.02		Tin học ứng dụng
252			4.4.03		Thương mại điện tử
253			4.4.04		Hướng dẫn du lịch
254			4.4.05		Công nghệ ô tô
255			4.4.06		Kỹ thuật chế biến món ăn
256			4.4.07		Tiếng Anh
257			4.4.08		Tiếng Trung

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
258			4.4.09		Bộ hồ sơ Thực hiện rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo các ngành Cao đẳng, Trung cấp theo luật GDNN năm 2024, 2025
259			4.4.10		Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến chương trình đào tạo
260			4.4.11		Bảng liệt kê thông tin cập nhật, cải tiến của các chương trình đào tạo
261			4.4.12		Các chương trình đào tạo tham khảo nước ngoài
262	4	5	4.5.01		Quy trình xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, thẩm định ban hành GTĐT, tài liệu giảng dạy
263			4.5.02		Kế hoạch biên soạn và thẩm định giáo trình đào tạo các ngành đào tạo năm 2024, 2025;
264			4.5.03		Các Quyết định thành lập tổ biên soạn giáo trình đào tạo 2024, 2025;
265			4.5.04		Các Biên bản làm việc của tổ biên soạn giáo trình đào tạo các ngành đào tạo 2024, 2025;
266			4.5.05		Hồ sơ thực hiện tổ chức hội thảo xin ý kiến Đơn vị, Doanh nghiệp góp ý xây dựng giáo trình đào tạo ngành đào tạo 2024, 2025;
267			4.5.06		Các Quyết định thành lập hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo các ngành đào tạo 2024, 2025
268			4.5.07		Thư mời các đơn vị, doanh nghiệp tham gia thẩm định giáo trình đào tạo các ngành đào tạo 2024, 2025
269			4.5.08		Các Biên bản họp Hội đồng thẩm định giáo trình năm 2024, 2025
270			4.5.09		Bộ hồ sơ rà soát, điều chỉnh giáo trình theo luật GDNN năm 2024, 2025
271			4.5.10		Các Quyết định phê duyệt giáo trình năm 2024, 2025

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
272			4.5.11		Danh sách giáo trình các nghề được ban hành kèm theo Quyết định năm 2024, 2025
273			4.5.12		Bản in các giáo trình mô đun/môn học các ngành nghề đào tạo năm 2024, 2025
274				1.1.09	Bộ hồ sơ khảo sát CBQL, giáo viên, học sinh, cựu học sinh, doanh nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025 gồm: kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát, danh sách đối tượng tham gia khảo sát
275	4	6		1.1.06	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 06/GCNDKHD-SLĐTBXH ngày 28 tháng 8 năm 2017 và số 01/2024/GCNDKHD-SLĐTBXH ngày 17 tháng 9 năm 2024
276				2.1.05	Danh sách các ngành, nghề đào tạo theo giấy phép hoạt động của trường năm học 2023-2024, 2024-2025;
277				2.1.06	Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành, nghề năm 2024, 2025
278				2.1.07	Bộ các chương trình đào tạo chi tiết từng nghề 2024, 2025;
279				2.1.08	Hồ sơ chuẩn đầu ra của Trường năm 2024, 2025 gồm: kế hoạch xây dựng và thẩm định chuẩn đầu ra, biên bản họp thẩm định chuẩn đầu ra, quyết định ban hành chuẩn đầu ra).
280				4.5.10	Các Quyết định phê duyệt giáo trình năm 2024, 2025
281				4.5.11	Danh sách giáo trình các nghề được ban hành kèm theo Quyết định năm 2024, 2025
282				4.5.12	Bản in các giáo trình mô đun/môn học các ngành nghề đào tạo năm 2024, 2025
283			4.6.01		Quy định về biên soạn, thẩm định giáo trình
284			4.6.02		Giáo trình các bộ môn

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
285	4	7		4.5.09	Bộ hồ sơ rà soát, điều chỉnh giáo trình theo luật GDNN năm 2024, 2025
286				4.5.10	Các Quyết định phê duyệt giáo trình năm 2024, 2025;
287				4.5.11	Danh sách giáo trình các nghề được ban hành kèm theo Quyết định năm 2024, 2025;
288				4.5.12	Bản in các giáo trình mô đun/môn học các ngành nghề đào tạo năm 2024, 2025).
289			4.7.01		Ngành Y học cổ truyền
290			4.7.02		Ngành Thương mại điện tử
291			4.7.03		Ngành Tin học ứng dụng
292			4.7.04		Ngành Hướng dẫn du lịch
293			4.7.05		Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá, cập nhật giáo trình đào tạo
294			4.7.06		Thống kê giáo trình đào tạo trước và sau khi chương trình đào tạo có sự thay đổi: thông tin về những nội dung được cập nhật, bổ sung, cải tiến trong giáo trình (thay đổi thời lượng; thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến...);
295	5	1	5.1.01		Quyết định ban hành quy định về quản lý, sử dụng phòng học lý thuyết, phòng thực hành
296			5.1.02		Quy định về nhiệm vụ quản lý, bảo quản, bảo trì và sử dụng thiết bị dạy học
297			5.1.03		Hệ thống phản hồi ý kiến về CSVC
298			5.1.04		Nội quy phòng thực hành chế biến món ăn
299			5.1.05		Nội quy phòng thực hành tin học
300			5.1.06		Nội quy phòng thực hành kỹ thuật ô tô
301			5.1.07		Quy trình quản lý, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị - Quy trình quản lý phòng học, phòng thực tập, nhà xưởng

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
302	5	2	5.2.01		Sơ đồ các cơ sở và trung tâm đào tạo
303			5.2.02		Diện tích và hình ảnh các phòng học
304			5.2.03		Hợp đồng thuê CSVC đầu giá BMT
305			5.2.04		Hợp đồng Liên kết Đào tạo Huyện Krông Pắc
306			5.2.05		Hợp đồng Phối hợp Đào tạo Huyện Ea Hleo
307			5.2.06		Hợp đồng Liên kết Đào tạo Huyện Cư Kuin
308				5.1.03	Hệ thống phản hồi ý kiến về CSVC
309	5	3	5.3.01		Hình ảnh mô tả về trang thiết bị văn phòng khu hiệu bộ
310				5.2.02	Diện tích và hình ảnh các phòng học
311			5.3.02		Hình ảnh và thông tin về diện tích khu thể chất
312			5.3.03		Cung cấp thông tin về thực đơn, sức chứa của nhà ăn và hình ảnh khu vực phục vụ
313	5	4	5.4.01		Quyết định ban hành quy định về tiêu chuẩn môi trường, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp
314			5.4.02		Quyết định ban hành văn hóa ứng xử trong nhà trường
315	5	5	5.5.01		Quy định về nhiệm vụ quản lý, bảo quản, bảo trì và sử dụng
316			5.5.02		Hình ảnh về các phòng học, xưởng thực hành, và tài liệu về các biện pháp an toàn được áp dụng.
317			5.5.03		Danh mục đối chiếu các thiết bị tối thiểu dạy nghề cho các môn học, mô đun bắt buộc trình độ Trung cấp với danh mục thiết bị dạy nghề của Bộ LĐ – TB&XH
318			5.5.04		Biên bản kiểm tra, đánh giá trang thiết bị tại các phòng thực hành năm 2024, 2025
319			5.5.05		Danh mục các chủng loại, số lượng thiết bị còn thiếu của từng nghề so cho các môn học, mô đun bắt buộc trình độ Trung cấp với danh mục thiết bị dạy nghề của Bộ LĐ – TB&XH).

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
320			5.5.06		Hình ảnh bố trí các dụng cụ vật tư tại các Phòng Thực hành;
321			5.5.07		Hình ảnh bố trí các trang thiết bị phục vụ đào tạo.
322			5.5.08		Đề xuất mua sắm vật tư thiết bị năm 2024, 2025;
323			5.5.09		Biên bản nghiệm thu, bàn giao vật tư thiết bị năm 2024, 2025
324			5.5.10		Sổ nhật ký theo dõi, quản lý thiết bị đào tạo nghề tại các phòng thực hành, xưởng thực hành bao gồm tên thiết bị, số lượng, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng và nhật ký sử dụng;
325			5.5.11		Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị đào tạo nghề tại các phòng thực hành, xưởng thực hành của Trường năm 2024, 2025).
326			5.5.12		Báo cáo tình hình thực hiện việc bảo trì, bảo dưỡng của các phòng thực hành, xưởng thực hành năm 2024, 2025
327			5.5.13		Hồ sơ đấu thầu các thiết bị đào tạo, thiết bị thực hành).
328			5.5.14		Báo cáo công tác kiểm soát hoạt động các phòng thực hành năm học 2023-2024, 2024-2025
329				1.1.09	Bộ hồ sơ khảo sát CBQL, giáo viên, học sinh, cựu học sinh, doanh nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025 gồm: kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát, danh sách đối tượng tham gia khảo sát
330	5	6	5.6.01		Kiểm kê tài sản 2025
331			5.6.02		Sổ theo dõi tài sản cố định 2024
332			5.6.03		Phiếu xuất kho và biên bản bàn giao
333			5.6.04		Quyết định về việc ban hành quy định mua sắm trang thiết bị hàng năm
334			5.6.05		TB kế hoạch mua sắm và sửa chữa VC TB hàng năm
170335				5.1.02	QĐ về nhiệm vụ quản lý bảo quản bảo trì và sử dụng thiết bị dạy học

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
336			5.6.06		Quyết định về việc ban hành định mức kinh tế – kỹ thuật các ngành nghề đào tạo tại Trường Cao đẳng Bến Tre
337			5.6.07		Quyết định thành lập hội đồng thẩm định; Các Biên bản thẩm định định mức kinh tế - kỹ thuật các nghề đào tạo các năm).
338			5.6.08		Quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư phục vụ đào tạo).
339			5.6.09		Quy trình kiểm kê tài sản; Quy trình thanh lý tài sản thiết bị; Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị;
340	5	7	5.7.01		Số liệu các sách hiện tại của thư viện TCTN-GDTH
341			5.7.02		Sách nhập bổ sung năm 2024-2025
342			5.7.03		Sổ theo dõi mượn sách
343			5.7.04		Bản thỏa thuận hợp tác
344			5.7.05		Hình ảnh thư viện
345			5.7.08		Sơ đồ thư viện
346	5	8	5.8.01		Danh mục sách thư viện
347			5.8.02		Hướng dẫn sử dụng
348			5.8.03		Quy trình khảo sát thư viện 2024
349			5.8.04		Báo cáo thống kê khảo sát 2024
350	6	1	6.1.01		Quy chế chi tiêu nội bộ
351			6.1.02		Kế hoạch dự thi nghiên cứu khoa học cấp trường
352			6.1.03		Thông báo hoàn thiện các nội dung chuẩn bị tổ chức Hội thi thiết bị đào tạo cấp trường
353			6.1.04		Các Quyết định ban hành quy định quản lý hoạt động NCKH công nghệ và quy trình thực hiện đề tài NCKH cấp cơ sở).
354			6.1.05		Các Quyết định thành lập Hội đồng tuyển chọn, xét duyệt đề tài NCKH, sáng kiến, mô hình thiết bị đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025;

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
355			6.1.06		Các Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu các đề tài NCKH, sáng kiến, mô hình thiết bị đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025;
356			6.1.07		Phiếu đăng ký đề tài NCKH, sáng kiến năm học 2023-2024, 2024-2025
357			6.1.08		Quyết định về việc tặng giấy khen và chi tiền khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua năm học 2023-2024;
358			6.1.10		Thông báo kết luận của Hội nghị thẩm định kinh phí đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở mức M2 của giảng viên và sinh viên trường Trung cấp Buôn Mê Thuật từ năm học 2023-2024, 2024-2025)
359	6	2	6.2.01		Biên bản tổng hợp kết quả dự thi cấp trường
360			6.2.02		Quyết định thành lập đoàn tham gia dự thi cấp tỉnh
361			6.2.03		Quyết định về việc ban hành quy định Hội thi thiết bị đào tạo tự làm tỉnh Đắk Lắk
362			6.2.04		Giấy khen Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp tỉnh
363	6	3	6.3.01		Bài báo tham luận YHCT
364			6.3.02		Sáng kiến kinh nghiệm TMDT
365			6.3.03		Sáng kiến kinh nghiệm HDDL
366			6.3.04		Sáng kiến kinh nghiệm KTCBMA
367			6.3.05		Sáng kiến kinh nghiệm CNKTOT
368			6.3.06		Sáng kiến kinh nghiệm Ngoại ngữ
369	6	4	6.4.01		Thỏa thuận hợp tác với các đối tác nước ngoài Uli Canada:
370			6.4.02		Thỏa thuận hợp tác với các đối tác nước ngoài St. Clair College:
371			6.4.03		Thỏa thuận hợp tác với các đối tác nước ngoài Cambridge
372			6.4.04		Báo cáo hoạt động hợp tác quốc tế

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
373	7	1	7.1.01		Các thông tin về ngành nghề: Thiết kế sổ tay năm 2022; 2024; 2025
374			7.1.02		Thông báo tuyển sinh
375			7.1.03		Thông tin trên Web
376			7.1.04		Thông tin trên Facebook
377			7.1.05		Tờ rơi, áp phích, standy
378			7.1.06		Chương trình đào tạo trên website (Sơ cấp và Trung cấp)
379			7.1.07		Thông tin về tổ chức thực hiện quy chế đào tạo: Thiết kế sổ tay và Wesb Quy chế đào tạo của các ngành Sơ cấp; Các ngành Trung cấp
380			7.1.08		Thông tin về Kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp: trên wesb
381			7.1.09		Thông tin về nội quy, quy chế nhà trường: Thông tin ở sổ tay; trên trang wesb; thiết kế các bảng nội quy dán tại các hành lang; các phòng học...
382			7.1.10		Thông tin về các chế độ chính sách với người học (Sơ cấp và Trung cấp)
383	7	2		7.1.01	Thiết kế sổ tay năm 2022; 2024; 2025
384			7.2.01		Thông báo các chính sách hỗ trợ người học
385			7.2.02		Kế hoạch triển khai các chính sách hỗ trợ người học
386			7.2.03		Quyết định hỗ trợ người học
387			7.2.02		Danh sách người học hưởng các chế độ chính sách
388				5.4.02	Quyết định ban hành văn hóa ứng xử trong nhà trường
389	7	3		6.1.01	Quy chế chi tiêu nội bộ
390			7.3.01		Chính sách chế độ khen thưởng người học
391	7	4	7.4.01		Kế hoạch Đoàn
392			7.4.02		Kế hoạch hoạt động ngoại khóa, dự án chuyên đề của các bộ môn

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
393			7.4.03		Quy chế nghiên cứu khoa học/sáng kiến kinh nghiệm cho người học
394	7	5	7.5.01		Báo cáo tổng kết các hoạt động bao gồm hoạt động đoàn, hoạt động thể dục thể thao
395			7.5.02		Các chính sách về hỗ trợ người học như quần áo, ăn uống, chi phí đi lại
396	8	1	8.1.01		Bảng tổng hợp tỷ lệ tốt nghiệp người học và tỷ lệ bỏ học được xác lập, giám sát
397			8.1.02		Quyết định thôi học
398			8.1.03		Quyết định công nhận tốt nghiệp
399			8.1.04		Quyết định thành lập lớp
400				1.3.03	Báo cáo hàng năm
401			8.1.05		Biên bản họp GVCN
402	8	2	8.2.01		Quy trình khảo sát doanh nghiệp
403			8.2.02		Kế hoạch khảo sát doanh nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025;
404			8.2.03		Danh sách doanh nghiệp tham gia khảo sát năm học 2023-2024, 2024-2025
405			8.2.04		Phiếu khảo sát đơn vị sử dụng lao động năm học 2023-2024, 2024-2025
406			8.2.05		Thống kê khảo sát của các nhà tuyển dụng năm học 2023-2024, 2024-2025
407			8.2.06		Báo cáo cải tiến (đề xuất, kiến nghị) sau kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2023-2024, 2024-2025
408	8	3	8.3.01		Quy trình khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý).
409			8.3.02		Kế hoạch khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2023-2024, 2024-2025

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
410			8.2.03		Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý tham gia khảo sát năm học 2023-2024, 2024-2025
411			8.3.04		Phiếu khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý về các chính sách năm học 2023-2024, 2024-2025
412			8.3.05		Kết quả khảo sát năm học 2023-2024, 2024-2025
413			8.3.06		Báo cáo cải tiến sau khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025
414	8	4	8.4.01		Quy trình khảo sát hoạt động đào tạo của HS; Quy trình Khảo sát ý kiến phản hồi của HS đối với giảng viên
415			8.4.02		Kế hoạch khảo sát người học năm học 2023-2024, 2024-2025;
416			8.4.03		Danh sách người học tham gia khảo sát năm 2023-2024, 2024-2025
417			8.4.04		Phiếu khảo sát người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức đào tạo
418			8.4.05		Thống kê khảo sát của từng môn học và báo cáo tổng hợp
419			8.4.06		Báo cáo cải tiến sau khảo sát người học năm học 2023-2024, 2024-2025
420	8	5	8.5.01		Quy trình tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN
421			8.5.02		Các Quyết thành lập Hội đồng và Ban thư ký tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2024, 2025
422			8.5.03		Các Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2024, 2025
423			8.5.04		Báo cáo tự đánh giá cơ sở GDNN năm 2024, 2025
424			8.5.05		Kế hoạch khắc phục các hạn chế trong Báo cáo tự đánh giá CSGDNN năm 2024, 2025

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
425			8.5.06		Báo cáo khắc phục các hạn chế trong Báo cáo tự đánh giá CSGDNN năm 2024, 2025
426	8	6	8.6.01		Quy trình khảo sát người học đã tốt nghiệp (điều tra lần vết)).
427				2.3.05-	Quyết định công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cho học sinh năm 2023-2024, 2024-2025 và danh sách kèm theo
428			8.6.02		Kế hoạch khảo sát người học đã tốt nghiệp 2023-2024, 2024-2025
429			8.6.03		<u>Phiếu khảo sát người học đã tốt nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025).</u>
430			8.6.04		Danh sách HS phản hồi thông tin việc làm chuyên môn sau 12 tháng năm học 2023-2024, 2024-2025;
431			8.6.05		<u>Bảng tổng hợp người học tốt nghiệp có việc làm).</u>
432			8.6.06		Báo cáo cải tiến (đề xuất, kiến nghị) sau kết quả khảo sát người học đã tốt nghiệp năm 2023-2024, 2024- 2025)

